

KIM CANG DIỆU CẢM –

Nguyễn Nguyễn Dịch giải

MỤC LỤC

Lời mở đầu

Đoạn 1 - Đoạn 16

Đoạn 17 - Đoạn 32

Thay Lời Kết

Phụ lục 1: Yếu lược

Phụ lục 2: Từ vựng

Lời mở đầu

Đoạn 1 : Pháp hội nhân do

Đoạn 2 : Thiện hiện khái thỉnh

Đoạn 3 : Đại thừa chánh tông

Đoạn 4 : Diệu hạnh vô trụ

Đoạn 5 : Như lý thực kiến

Đoạn 6 : Chánh tín hy hữu

Đoạn 7 : Vô đắc vô thuyết

- Đoạn 8 : Pháp xuất sinh
Đoạn 9 : Nhất tướng vô tướng
Đoạn 10 : Trang nghiêm tịnh độ
Đoạn 11 : Vô vi phước thắng
Đoạn 12 : Tôn trọng chánh giáo
Đoạn 13 : Như pháp thọ trì
Đoạn 14 : Ly tướng tịch diệt
Đoạn 15 : Trì kinh công đức
Đoạn 16 : Năng tịnh nghiệp chướng
Đoạn 17 : Cứu cánh vô ngã
Đoạn 18 : Nhất thể đồng quán
Đoạn 19 : Pháp giới thông hóa
Đoạn 20 : Ly sắc ly tướng
Đoạn 21 : Phi thuyết sở thuyết
Đoạn 22 : Vô pháp khả đắc
Đoạn 23 : Tịnh tâm hành thiện
Đoạn 24 : Phước trí vô tỉ
Đoạn 25 : Hóa vô sở hóa
Đoạn 26 : Pháp thân phi tướng
Đoạn 27 : Vô đoạn vô diệt

Đoạn 28 : Bất thọ bất tham

Đoạn 29 : Uy nghi tịch tĩnh

Đoạn 30 : Nhất hiệp tướng lý

Đoạn 31 : Tri kiến bất sinh

Đoạn 32 : Ứng hóa phi chân

Thay lời kết

Phụ lục 1 : Yếu lược

Phụ lục 2 : Từ vựng

KIM CANG ĐIỀU CẢM

Lời mở đầu

. Kim cang

Thay lời giới thiệu là một trích đoạn từ Pháp Bảo Đàn Kinh của Lục Tổ Huệ Năng:

Thiện trí thức !

**Nhược dục nhập thậm thâm pháp giới
cập Bát-nhã tam-muội giả, tự tu Bát-**

nhã hạnh, trì tụng Kim Cang Bát-nhã kinh tức đắc kiến Tánh.

Đương trì thủ kinh công đức vô lượng vô biên.

Kinh trung phân minh tán thán mạc năng cụ thuyết.

Thủ pháp môn tối thượng thừa, vị đại trí nhân thuyết, vị thượng căn nhân thuyết.

(Đàn kinh, Phẩm Bát-nhã)

(Hỡi các thiện trí thức !

Nếu chư vị muốn thâm nhập sâu vào pháp giới, tiếp cận trí Bát-nhã thì hãy tu hạnh Bát-nhã, trì kinh Kim Cang Bát-nhã. Bằng cách đó thì sẽ thấy tánh.

Chư vị phải biết rằng kinh đó có công đức vô lượng vô biên.

Trong kinh có lời tán tụng rõ ràng, không thể nói hết.

Đó là pháp môn tối thượng thừa, Phật đã vì những bậc thượng trí và những bậc thượng căn mà thuyết giảng.)

.Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Mở đầu kinh là bốn chữ "*Như thị ngã văn*". Một cách đơn giản thì có thể hiểu rằng đó là lời của tôn giả A-nan nói rằng: "*Tôi đã được nghe như vậy*".

Tuy vậy, con chợt thấy bốn chữ đó như còn chứa đựng mật nghĩa, theo đó thì

Chữ "tôi" không riêng chỉ về ngài A-nan; nó chỉ rộng những ai nguyện lắng tai nghe.

Chữ "như vậy" chỉ về lời của Như Lai.

Từ đó mà hiểu ra rằng những lời Như Lai thuyết giảng trước các đại đệ tử năm nào cách đây hai mươi lăm thế kỷ hiện

nay vẫn hiện tiền cho những ai có cái tâm kính cẩn lắng nghe như trưởng lão Tu-bồ-đề khi ấy:

Thế Tôn, nguyện nhạo dục văn.

(Bạch Thế Tôn, con nguyện lắng nghe.)

Bạch Thế Tôn,

Còn có thêm một điều con không thể không ghi nhớ. Ấy là lời Thế Tôn từng dạy:

**Ngã thuyết pháp như
phiệt dụ giả.**

(Pháp ta thuyết ví như chiếc bè.)

“Như chiếc bè”, nghĩa là như một phương tiện để sang sông. Là không chấp phương tiện, đặc biệt là “chấp kinh”.

Bạch Thế Tôn,

Hơn hai mươi lăm thế kỷ đã trôi qua !
Lời của Người, dù đã qua nhiều lần chuyển ngữ, vẫn còn đó như là một phương tiện. Và chánh pháp cũng còn đó.

Cũng vì thế mà pháp hội năm xưa đó cơ hồ như nay mãi còn vắng vắng hiện tiền.

Bạch Thế Tôn,

Con nay như trưởng lão Tu Bồ Đề, nguyện lắng nghe !

Không nghe bằng tai hay bằng trí, con nguyện lắng nghe bằng toàn tâm kính tín !

Không nghe bằng tai hay bằng trí, con nguyện lắng nghe bằng *diệu cảm tinh khôi* !

Kính lạy Thế Tôn,

Nơi đây con xin kính cẩn đê đầu chí tâm đánh lễ tỏ bày lòng tri ân vô hạn hướng về Thế Tôn, Người đã mở ra cho chúng sinh Pháp Giới vô biên!

Kính lạy ngài Đại Pháp sư Cưu Ma La Thập,

Phần Hán văn được chép lại ở đầu mỗi đoạn kinh sau đây là của Ngài. Con xin

kính cần đề đầu đánh lễ hướng về Ngài
 để bày tỏ lòng tri ân đối với người đã vì
 các dân tộc Á Đông mà ra sức phiên dịch
 kinh Kim Cang ra Hán văn.

Việt nam, trung thu năm Kỷ Sửu (2009)

Kính đề,

Nguyễn Nguyễn

KIM CANG DIỆU CẢM

Đoạn 1

PHÁP HỘI NHÂN DO

. Nguyên văn chữ Hán:

法會因由

如是我聞.一時.佛在舍衛國祇樹給孤獨
 園.與大比丘眾千二百五十人俱.爾時.
 世尊食時.著衣持鉢.入舍衛大城乞食.

於其城中次第乞已.還至本處.飯食訖.
收衣鉢.洗足已.敷座而坐.

. Phiên âm Hán Việt:

PHÁP HỘI NHÂN DO

Như thị ngã văn:

Nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ thọ
Cấp Cô Độc viên dữ đại Tỷ-kheo chúng
thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

Nhĩ thời Thế Tôn thực thời, trước y trì
bát, nhập Xá-vệ đại thành khát thực. Ư
kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hoàn chí
bồn xứ.

Phạn thực ngật, thu y bát, tẩy túc dĩ, phu
tòa nhi tọa.

. Phiên bản tiếng Việt:

NHÂN DUYÊN PHÁP HỘI

Tôi đã được nghe như vậy.

Thuở ấy Đức Phật đang ở nước Xá Vệ, tại rừng Kỳ Đà, trong vườn Cấp Cô Độc, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại tỳ kheo.

Một hôm, gần đến giờ thọ trai, Thế Tôn đắp y, ôm bát, đi vào thành Xá Vệ. Trong thành, Người lần lượt đến từng nhà khát thực. Sau đó trở về chỗ ở.

Thọ trai xong, Người sắp xếp lại y bát, rửa chân, rồi trải tọa cụ ra ngồi.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,
Cư hồ như con có thấy.

Cư hồ như con thấy lại khu rừng thái tử Kỳ Đà dăng cúng cho Người và chư đại tỳ kheo. Rừng cây xanh cổ thụ. Lá chen hoa. Chim vui hót. Con cũng thấy

khu vườn Cấp Cô Độc, mênh mông, rợp bóng. Lác đác lá vàng rơi rắc.

Tăng nhân đông quá ! Như bình an, như hân hoan ! Thế Tôn đáp y, ôm bình, đi vào thành Xá Vệ. Những bước chân kinh hành, khoan thai, an bình, biểu hiện tròn đầy an lạc thân tâm.

Đến trước từng nhà, Người đứng yên, kính cẩn. Tâm thiên định. Từ lực lan tỏa, mênh mông. Lan tỏa vào từng nhà; lan tỏa vào tâm tư từng người. Thí chủ có thiện căn cảm nhận được từng đợt, từng đợt sóng tâm từ, cảm thấy bình an mênh mông !

Người ta đem ra cúng dường hoa quả, như là biểu hiện lòng thành kính tín và tri ân.

Người trở về chỗ ở, bắt đầu buổi thọ trai. Cử chỉ thọ trai, cũng như cử chỉ sắp xếp lại y bát, rửa chân, trải tọa cụ, hoặc

ngồi, tất cả đều toát ra tâm từ bi, tâm hỉ xả.

Ôi Thế Tôn, Người là như vậy. Từng cử chỉ của Người đều toát ra ánh sáng thánh thiện.

Ôi Thế Tôn, Người là như vậy. Ánh sáng thánh thiện toát ra từ chiếc mũ thanh tú, từ khuôn mặt thanh tú, và từ bờ vai an bình. Ánh sáng thánh thiện toát ra cho đến tận đầu ngón tay, ngón chân thánh thiện !

Ôi Thế Tôn, Người là như vậy !
 NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

Đoạn 2

THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH

. Nguyên văn chữ Hán:

善現啟請

時長老須菩提在大眾中.即從座起.偏袒右肩.右膝著地.合掌恭敬.而白佛言.希有世尊.如來善護念諸菩薩.善付囑諸菩薩.世尊.善男子.善女人.發阿耨多羅三藐三菩提心.云何應住.云何降伏其心.佛言.善哉.善哉.須菩提.如汝所說.如來善護念諸菩薩.善付囑諸菩薩.汝今諦聽.當為汝說.善男子.善女人.發阿耨多羅三藐三菩提心.應如是住.如是降伏其心.唯然.世尊.願樂欲聞.

. Phiên âm Hán Việt:

THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH

Thời trưởng lão Tu-bồ-đề tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung

kính nhi bạch Phật ngôn: “Hy hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát. Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?” Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Tu-bồ-đề, như nữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát, nữ kim đế thính, đương vị nữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm”. “Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn”.

. Phiên bản tiếng Việt

THIỆN HIỆN HỎI PHÁP

Khi ấy, từ trong đại chúng, Tu Bồ Đề đứng dậy, trích vai áo bên phải, quỳ chân phải, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Ôi Thế Tôn, Người thật là tuyệt vời !

Người thường chăm sóc các vị Bồ Tát,
Người thường bảo ban các vị Bồ Tát.

Bạch Thế Tôn, nếu như nay có những trai lành và gái tốt phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì họ phải an trụ tâm như thế nào và hàng phục tâm như thế nào ?

Phật dạy:

- Lành thay ! Lành thay ! Thầy Tu Bồ Đề !

Đúng như lời thầy vừa nói. Như Lai thường chăm sóc các vị Bồ Tát. Như Lai thường bảo ban các vị Bồ Tát. Nay, thầy hãy lắng nghe, Như Lai sẽ vì thầy mà giải đáp.

Những trai lành gái tốt phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên an

trụ tâm như vậy, và nên hàng phục tâm như vậy.

- Vâng. Bạch Thế Tôn, con nguyện lắng nghe !

. Diệu cảm

Kính thưa trưởng lão Tu Bồ Đề,
 Trước mắt Thế Tôn, ngài thi lễ thật là kính cẩn. Trịch trần vai phải, quỳ chân phải, chắp tay và cúi đầu. Về những cử chỉ đó các triết gia có thể chỉ ra những hàm ý triết học sâu xa. Tuy vậy, trong chỗ rớt ráo thì vốn không ngoài bốn chữ: chí tâm đánh lễ – đánh lễ hết lòng ! Là như thế lễ mà đầu cúi sát đất. Là buông trọn những thứ có tên là “tư tâm”, “tư ý”, “tư ngã”. Cũng là buông trọn cái “tâm phân biệt”. “Tâm phân biệt” vắng lặng, “tâm thiên định” liền hiện tiền, rộng

rang, thanh tịnh, đại thông. Cái “tâm thiền định” đó trọn vẹn hướng về Thế Tôn, và trọn vẹn lắng nghe.

Kính thưa trưởng lão,

Con nay tự hỏi: Duyên do nào mà đang từ trong đại chúng Ngài riêng đứng ra đánh lễ Thế Tôn như vậy ? Ngài có ý định gì chăng ?

Tự hỏi rồi tự trả lời: Con thấy là Ngài đã tự phát đánh lễ. Nói một cách cụ thể thì Ngài đánh lễ không vì một ý bên trong mà vì một tác động bên ngoài. Ấy là do sức tác động của vàng hào quang thánh thiện từ Thế Tôn lan tỏa, mà có lẽ chỉ riêng Ngài sớm thấy. Buột miệng, Ngài kêu lên:

- Thế Tôn, Người thật là tuyệt vời !

Kính thưa trưởng lão,

Khi tán thán Thế Tôn trong vàng hào quang rạng ngời thánh thiện thì Ngài

cũng trực nhớ ra rằng Ngài đang quỳ trước một bậc thầy vĩ đại, thầy của hàng Bồ Tát. Thế là Ngài không bỏ qua thiện duyên đang có để, vì những trai lành gái tốt đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, hỏi về diệu pháp của “an trụ tâm” và “hàng phục tâm”.

Kính thưa trưởng lão,

Con nay nghĩ rằng con đã hiểu. Đó không phải là hai vấn đề trong trăm, ngàn vấn đề. Đây là hai vấn đề cơ bản, qua đó Ngài hỏi Thế Tôn về phép thực hành Bồ Tát hạnh. Thiên gia mãi về sau có vẽ mười bức tranh chặn trâu. Ấy là mười bước tu thiền. Mười bước, nhưng nếu thu lại thì chỉ có hai việc thôi. Đó là “an trụ tâm” và “hàng phục tâm” vậy.

Nghe câu hỏi của trưởng lão, Thế Tôn hoan hỉ đáp:

- Lành thay ! Lành thay !

Bảo là “lành”, bởi vì Ngài đã đặt đúng vấn đề cơ bản. Vấn đề được giải thì đem lại ơn ích lớn lao cho bao trai lành gái tốt chốn nhân gian !

Tiếp theo, Thế Tôn cho thấy Người rất giàu kinh nghiệm về nghệ thuật nói trước một thính chúng đông đảo. Người nói với trưởng lão:

- Thầy hãy lắng nghe ...

Thật ra là Người hướng về toàn thể thính chúng. Người lại nói:

- Nên an trụ tâm như vậy, và hàng phục tâm như vậy.

Ôi!“như vậy” là như thế nào ? Thế là thính chúng thêm chú tâm vì tò mò muốn biết. Quảng trường im phăng phắc, cơ hồ như có thể nghe tiếng ruồi muỗi bay !

Trưởng lão nói:

- Vâng, Bạch Thế Tôn, con nguyện lắng nghe !

Ấy là trưởng lão nói thay cho toàn thể
thính chúng vậy !

Bạch Thế Tôn,

Thính chúng xưa kính cẩn lắng nghe,

Con nay cũng nguyện kính cẩn lắng
nghe.

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 3

ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG

. Nguyên văn chữ Hán

大乘正宗

佛告須菩提.諸菩薩摩訶薩.應如是降伏
其心.所有一切眾生之類.若卵生.若胎
生.若濕生.若化生.若有色.若無色.若有

想.若無想.若非有想非無想.我皆令入
 無餘涅槃而滅度之.如是滅度無量無數
 無邊眾生.實無眾生得滅度者.何以故.
 須菩提.若菩薩有我相人相眾生相壽者
 相.即非菩薩.

. Phiên âm Hán Việt

ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG

Phật cáo Tu-bồ-đề: Chư Bồ-tát ma-ha-tát
 ưng như thị hàng phục kỳ tâm. Sở hữu
 nhất thiết chúng sinh chi loại, nhược
 noãn sinh, nhược thai sinh, nhược thấp
 sinh, nhược hóa sinh, nhược hữu sắc,
 nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược
 vô tướng, nhược phi hữu tướng phi vô
 tướng, ngã giai linh nhập vô dư Niết-bàn
 nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng,
 vô số, vô biên chúng sinh, thực vô chúng
 sinh đắc diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề,
 nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng,

chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát.

. Phiên bản tiếng Việt:

CHÁNH TÔNG ĐẠI THỪA

Phật bảo Tu Bồ Đề:

Các vị Bồ Tát hàng phục tâm như thế này. Ấy là đối với chúng sinh các loại – hoặc loại sanh từ bào thai, từ trứng, từ nơi ẩm ướt, hoặc sanh bằng sự biến hóa; hoặc có hình sắc hay không hình sắc; hoặc có tư tưởng hay không có tư tưởng; hoặc không phải là có tư tưởng mà cũng không phải là không có tư tưởng . Đối với chúng sinh các loại đó Bồ Tát đều độ cho nhập vô dư niết bàn.

Như vậy là Bồ Tát độ vô số, vô lượng, vô biên chúng sinh nhưng thực ra thì không có chúng sinh nào được độ cả.

Bởi có sao ? Này, thầy Tu Bồ Đề, nếu như một vị Bồ Tát mà còn chấp có tướng

ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thì không phải là một vị Bồ Tát đích thực.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Ngài trưởng lão hỏi Người về phép “hàng phục tâm” dành cho các trai lành và gái tốt phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Người lại thuyết giảng về phép “hàng phục tâm” của Bồ Tát. Vậy thì con có thể hiểu: cách “hàng phục tâm” của trai lành gái tốt kia vốn không khác cách “hàng phục tâm” của Bồ Tát. Và Bồ Tát “hàng phục tâm” bằng cách phổ độ chúng sinh.

Dù cho chúng sinh có muôn hình muôn dạng, muôn màu muôn vẻ, nhưng

Bồ Tát đều “độ” với cái tâm không phân biệt.

Người dạy: “độ” cả thầy chúng sinh vào vô dư niết bàn. Nghĩa là sao ? Con nay hiểu như vậy.

Bồ Tát Pháp Tạng xưa đã có lời đại nguyện: nếu không phổ độ được chúng sinh thì nguyện không thành Phật. Vậy mà Bồ Tát đã thành Phật, danh hiệu A Di Đà, từ vô lượng kiếp. Như vậy có nghĩa là chúng sinh đã được độ vào niết bàn.

Đó là nói về tâm Phật bằng phiên bản tôn giáo.

Trong phiên bản tâm học thì nói rằng: tất cả chúng sinh, bất kỳ là thai sinh, noãn sinh, thấp sinh hay hóa sinh đều vốn có Phật tánh. Khác nhau thì chẳng qua là như những hoa sen kia: hoặc là đã mãn khai, hàm tiêu hay là còn ẩn sâu trong nước. Vấn đề là phải “thấy” Phật

Tánh đó. Thiên gọi là “thấy Tánh”. Cũng gọi là “ngộ”, hay “giác ngộ”.

Bạch Thế Tôn,

Từ tri kiến như trên về Phật Tánh mà con hiểu về từ “độ chúng sinh” trong kinh. Ấy là “thấy Tánh” nơi chúng sinh vậy. Và “thấy Tánh” nơi chúng sinh cũng có nghĩa là “thấy chúng sinh như-chúng-là”. Hoặc là “thấy chúng sinh trong như tánh của chúng” Để có thể thấy như vậy thì tất nhiên cái tâm phải là “Bản tâm thanh tịnh”. Nói cách khác thì đó phải là cái tâm thiên định. Mà nói vậy tức cũng là nói rằng qua thiên định mà tâm trở về Bản Tâm thanh tịnh. Nói một cách khác nữa thì qua thiên định mà Bồ Tát “hàng phục tâm” mình vậy.

Nói tóm lại thì giữa “hàng phục tâm”, “Bản Tâm thanh tịnh” và “tâm không phân biệt” vốn thông nhau.

Bạch Thế Tôn,

Người còn dạy: “... thực ra thì không có chúng sinh nào được độ”. Về điểm này thì con nay hiểu như vậy. Ấy là vì Bồ Tát không có ý, hoặc có động thái “độ” chúng sinh này hay chúng sinh khác, tức là Bồ Tát không có ý, hay động thái “độ” chúng sinh nào! Vấn đề cốt ở chỗ Bồ Tát tự thanh tịnh lấy tâm mình. Bồ Tát tự thanh tịnh lấy tâm mình thì đương nhiên là “độ” chúng sinh vậy. Phật ngôn có câu: “Tâm bình tức địa bình”. “Tâm bình” chỉ về việc tự thanh tịnh lấy tâm mình; “địa bình” chỉ về việc độ chúng sinh vậy.

Câu kinh “...không có chúng sinh nào được độ” do đó có hàm ý rằng Bồ Tát không thấy riêng chúng sinh này, hoặc chúng sinh khác. Nếu có cái thấy như vậy thì là còn chấp “ngã tướng”, và từ đó

mà chấp “nhân tướng”, “chúng sinh tướng” và “thọ giả tướng” vậy. Một vị Bồ Tát chân thật không còn những thứ chấp đó!

Bạch Thế Tôn,

Về bệnh chấp bốn tướng, con nay hiểu như vậy:

. Chấp “ngã tướng” là mê chấp về sự tồn tại của những cá thể độc lập, trước sau như một

. Chấp « nhân tướng » là mê chấp về sự tồn tại của con người, như là những nhân cách cao cả hơn sánh với những chúng sinh khác.

. Chấp « chúng sinh tướng » là mê chấp về sự khác nhau giữa chúng sinh và Phật.

. Chấp « thọ giả tướng » tức là mê chấp rằng các cá thể có một thọ mệnh nhất định, giới hạn giữa sinh và tử.

Bạch Thế Tôn,
 Con nay hiểu như vậy.
 NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

Đoạn 4

DIỆU HẠNH VÔ TRỤ

. Nguyên văn chữ Hán

妙行無住

復次.須菩提.菩薩於法.應無所住.行於
 布施.所謂不住色布施.不住聲香味觸法
 布施.須菩提.菩薩應如是布施.不住於
 相.何以故.若菩薩不住相布施.其福德
 不可思量.須菩提.於意云何.東方虛空
 可思量不.不也.世尊.須菩提.南西北方
 四維上下虛空.可思量不.不也.世尊.須

菩提.菩薩無住相布施.福德亦復如是.
不可思量.須菩提.菩薩但應如所教住.

.Phiên âm Hán Việt

DIỆU HẠNH VÔ TRỤ

Phục thứ Tu-bồ-đề, Bồ-tát ư pháp, ung
vô sở trụ, hành ư bố thí, sở vị bất trụ sắc
bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp
bố thí. Tu-bồ-đề, Bồ-tát ung như thị bố
thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố? Nhược Bồ-
tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất
khả tư lượng. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà?
Đông phương hư không khả tư lượng
phủ? Phát dã Thế Tôn! Tu-bồ-đề, Nam
Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ hư
không, khả tư lượng phủ? Phát dã Thế
Tôn! Tu-bồ-đề, Bồ-tát vô trụ tướng bố
thí, phước đức diệt phục như thị bất khả

tư lương. Tu-bồ-đề, Bồ-tát đản ung như
sở giáo trụ.

. Phiên bản tiếng Việt

DIỆU HẠNH KHÔNG TRỤ

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, Bồ Tát không trụ
tướng khi bố thí. Ấy là không trụ tâm nơi
sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Tu Bồ Đề, đó là cách bố thí của Bồ Tát.
Ấy là không trụ tướng.

Bởi có sao ? Bởi vì nếu Bồ Tát bố thí mà
tâm không trụ tướng thì phước đức lớn
vô lượng.

Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào? Hư không
phương Đông có thể ước lượng được
không?

- Bạch Thế Tôn, không thể ước lượng
được !

- Tu Bồ Đề, hư không các phương Tây, Nam, Bắc, bốn hướng phụ và hai hướng trên dưới có thể ước lượng được không ?

- Bạch Thế Tôn, không thể ước lượng được !

- Tu Bồ Đề, Bồ Tát bố thí với tâm không trụ tướng thì phước đức cũng như vậy, không thể ước lượng được.

Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên trụ tâm theo cách đã dạy như vậy.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Ở đoạn kinh trước đây con đã hiểu như vậy. Hiểu rằng cách thấy biết dựa trên “tướng” là cách thấy biết thiên lệch. Tuy vậy, nói như thế thì chỉ là nói lý thuyết. Nay Thế Tôn chuyển sang nói về việc thực hành: việc thực hành bố thí của Bồ

Tát. Bồ Tát bồ thí với cái tâm không trụ tướng.

Ở đây liền khởi lên một điều nghi. Bởi lẽ trong bồ thí vốn có ba thành phần tham gia: người bồ thí, người thọ thí và vật đem ra bồ thí. Cả ba đều là “tướng”. Vậy làm sao có thể không trụ tướng ?

Vấn đề này vốn đã được các luận sư diễn giải: bồ thí phải được thực hiện với ba không: “thí không”, “thọ không” và “vật không”. Tức là không thấy có người bồ thí, cũng không thấy có người nhận bồ thí và vật đem bồ thí. Có nghĩa là bồ thí như thể không có bồ thí !

Nghĩa là sao ? Như thế là mặt trời phát ra tia nắng ấm và sáng đó chăng ? Mặt trời không thấy có “ta” ban phát nắng ấm và ánh sáng cho trái đất. Vô tướng bồ thí là như vậy đó chăng? Chỉ đơn giản như là sự vận hành tự nhiên của năng lượng

trong vũ trụ. Như nước trên cao tự nhiên chảy xuống thấp. Như gió tự nhiên thổi từ nơi khí áp cao đến nơi khí áp thấp. Cũng thế, bổ thí thì giống như sự di chuyển từ chỗ thừa đến chỗ thiếu. Cũng là tự nhiên thôi ! Còn “tướng” thì chẳng qua là dạng phù du, cho dù là dưới dạng sắc, thanh, hương, vị hay xúc, pháp.

Bạch Thế Tôn,

Ngoài ra Người còn nói rõ về thứ phước đức phát sinh từ bổ thí không trụ tướng. Phước đức đó không thể ước lượng được. Thật vậy, nếu là “tướng” thì có ít có nhiều, có tăng có giảm, có thể đo, đếm, ước lượng. Phước đức phát sinh từ bổ thí trụ tướng tất nhiên cũng như vậy, tức là ước lượng được, là hữu hạn. Còn hơn thế nữa, ấy là phước đức hữu lậu, tức là phước đức có pha trộn phiền não.

Bồ thí không trụ tướng gắn liền với phước đức không thể ước lượng. Hơn nữa, đó là phước đức vô lậu. Để mô tả loại phước đức này, Thế Tôn mượn hình tượng của “hư không”. Phước đức do bồ thí không trụ tướng giống như “hư không”. Giống như “hư không” mà cũng đồng nghĩa với mênh mông!

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 5

NHƯ LÝ THỰC KIẾN

. Nguyên văn chữ Hán

如理實見

須菩提.於意云何.可以身相見如來不.
不也.世尊.不可以身相得見如來.何以
故.如來所說身相.即非身相.佛告須菩
提.凡所有相.皆是虛妄.若見諸相非相.
即見如來.

. Phiên âm Hán Việt

NHƯ LÝ THỰC KIẾN

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng
kiến Như Lai phủ? Phất dã Thế Tôn! Bất
khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà
dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng tức
phi thân tướng. Phật cáo Tu-bồ-đề: Phạm
sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược
kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như
Lai.

. Phiên bản tiếng Việt

THẤY ĐÚNG TÁNH NHƯ

Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Có thể qua thân tướng mà thấy Như lai không ?

- Bạch Thế Tôn, không thể ! Không thể qua thân tướng mà thấy Như lai.

Bởi có sao ? Bởi vì Như Lai đã nói: thân tướng tức không phải thân tướng.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Phạm chỗ nào có tướng thì đều là hư vọng. Nếu thấy cái không tướng của các tướng thì là thấy Như Lai.

.Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Khi thuyết pháp Người thường tự xưng là “Như Lai”. Đại chúng nghe thế tự nhiên hiểu rằng “Như Lai” trở về vị thái tử cao quý, khôi ngô tuấn tú, tên là Tất Đạt Đa Cồ Đàm. Cũng vì thế mà đại

chúng đồng nhất danh xưng “Như Lai” với “thân tướng”.

Trong đoạn kinh này Thế Tôn chỉ ra chỗ sai lầm đó. Cũng là thêm một lần Người chỉ ra chỗ sai lầm khi đồng nhất “tướng” với “thực” vậy. Sai lầm, vì sao ? Vì cái thân tướng kia, cũng như tất cả chỗ nào có tướng, đều là hư vọng. Nghĩa là đều giống như những cái bóng lướt qua. Cái thân tướng mà đại chúng thấy là thật đó không phải là thân tướng như người ta vẫn tưởng. Nó chỉ như là những cái bóng lướt qua ! Hoặc là như ảo, như bọt, như bóng!

Bạch Thế Tôn,

Người lại nói: Nếu thấy cái không tướng của các tướng thì là thấy Như Lai.

“Cái không tướng của các tướng” là gì ? Ôi “không tướng” hẳn là “không tên”. Vậy đâu có thể gọi “Nó” là gì ! Không có

lời đề nói ! Chỉ biết “Nó” là như vậy! Là “cái như vậy”, huyền nhiệm, diệu kỳ mà chân thật. Tạm gọi là “Chân Như” đó chăng ?

“Thấy Như Lai” là như vậy đó chăng ?
 NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

Đoạn 6

CHÁNH TÍN HI HỮU

. Nguyên văn chữ Hán

正信希有

須菩提白佛言.世尊.頗有眾生.得聞如是言說章句.生實信不.

佛告須菩提.莫作是說.如來滅後.後五百歲.有持戒修福者.於此章句.能生信心.以此為實.當知是人.不於一佛二佛三四五佛而種善根.已於無量千萬佛所.

種諸善根.聞是章句.乃至一念生淨信者.須菩提.如來悉知悉見是諸眾生得如是無量福德.何以故.是諸眾生.無復我相.人相.眾生相.壽者相.無法相.亦無非法相.何以故.是諸眾生.若心取相.即為著我.人.眾生.壽者.若取法相.即著我.人.眾生.壽者.何以故.若取非法相.即著我.人.眾生.壽者.是故不應取法.不應取非法.以是義故.如來常說.汝等比丘.知我說法.如筏喻者.法尚應捨.何況非法.

. Phiên âm Hán Việt

CHÁNH TÍN HY HỮU

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phải hữu chúng sinh, đắc văn như thị ngôn thuyết, chương cú, sinh thật tín phủ? Phật cáo Tu-bồ-đề: Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, hữu trì

giới tu phúc giả, ư thử chương cú năng sinh tín tâm, dĩ thử vi thật, đương tri thị nhân bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam tứ ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở, chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sinh tịnh tín giả, Tu-bồ-đề, Như Lai tất tri, tất kiến thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phúc đức. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng, diệt vô phi pháp tướng. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh, nhược tâm thủ tướng tức vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nhược thủ pháp tướng tức trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã nhân chúng sanh thọ giả. Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết:

Nhữ đả²ng Tỳ-kheo tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ung xả, hà huông phi pháp.

. Phiên bản tiếng Việt
CHÁNH TÍN ÍT CỐ

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn,

Sau này nếu được nghe những lời vừa rồi Thế Tôn thuyết giảng, liệu người nghe có khởi phát tín tâm ?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Thầy chớ nói như vậy. Khoảng năm trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, sẽ có những người giữ giới và tu phước; những người này sẽ nghe và tin lời Như Lai là chân lý. Nên biết rằng những người đó đã gieo giống lành trên Phật địa, chẳng phải là của một, hai, ba, bốn hay năm đức Phật, mà là của vô số đức Phật. Khi nghe

những lời này họ sẽ thấy khởi phát tín tâm thuần tịnh.

- Nay Tu Bồ Đề, Như Lai thấy rõ, biết rõ rằng những người đó có vô lượng phước đức.

Bởi có sao ? Bởi vì nơi những người đó không còn chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng Pháp, tướng Phi-Pháp.

Bởi có sao ? Bởi vì nếu chấp tướng thì họ chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Nếu chấp tướng Pháp thì họ chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Bởi có sao ? Bởi vì nếu chấp tướng Phi-Pháp thì họ chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Bởi vậy mà không nên chấp tướng Pháp cũng không nên chấp tướng Phi-Pháp.

Bởi vậy mà Như Lai thường dạy:

- Hỡi các thầy tỳ kheo, các thầy nên biết rằng Pháp ta thuyết giống như một chiếc bè. Ngay cả Pháp còn buông, huống hồ là Phi-Pháp.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Những điều Thế Tôn đã thuyết giảng đều là Pháp vô tướng: sự độ vô tướng, bố thí vô tướng, phước đức vô tướng và Như Lai vô tướng. Đó là diệu pháp, vừa cao, vừa sâu. Ngài Tu Bồ Đề thì có cái tâm đau đầu nghĩ về chúng sinh, từ đó khởi lên mối nghi: e rằng Diệu Pháp vừa cao vừa sâu kia chúng nhân không theo kịp, từ đó mà không khởi phát tín tâm để quy y Chánh Pháp.

Trước mối nghi ngại đó Thế Tôn đã giải đáp.

Thế Tôn nói với trưởng lão rằng Người đã thấy và đã biết hết. Người đã thấy và đã biết rằng về sau sẽ có nhiều người vì đã gieo vô lượng căn lành nên có vô lượng phước đức. Và vì có vô lượng phước đức nên những người này khi nghe lại lời thuyết giảng của Thế Tôn thì khởi phát tín tâm.

Bạch Thế Tôn,

Lời Người nói đây đã có người làm chứng có uy tín lớn. Đó là Lục Tổ Huệ Năng. Về “pháp môn tối thượng thừa” của Thế Tôn, Tổ đã khẳng định rằng “Kinh Kim Cang có công đức vô lượng vô biên”. Về người có khả năng nhờ kinh này mà khởi phát tính tâm thì Tổ nói đó là các “đại trí nhân” và các “thượng căn nhân”. Không phải là người kém phước đức mà có thể tiếp cận được vậy !

Bạch Thế Tôn,

Về “phước đức” thì người đời thường hiểu ở khía cạnh hưởng thụ. Theo cách hiểu đó thì người có “phước đức” thì được hưởng phú quý vinh hoa.

Theo chỗ con hiểu thì Thế Tôn nhìn về khía cạnh trí huệ, và theo đó thì người có phước đức là người không chấp bốn tướng như được nói trước đây. Không chấp bốn tướng đó thì không rơi vào mê lầm, là thấy thực Tánh như như, huyền nhiệm không tên. Đó là cái thấy của trí huệ.

Bạch Thế Tôn,

Lời Thế Tôn giảng giải gọi là Pháp. Tương phản thì gọi là Phi-Pháp. Thế Tôn bảo: cả Pháp và Phi-Pháp đều buông.

Bạch Thế Tôn,

Theo như chỗ con hiểu thì cái phải buông đó là những “tướng” – tướng của Pháp và tướng của Phi-Pháp. Đó là

những lời để nói Pháp. Như ngón tay chỉ trăng. Đó chỉ là những phương tiện. Còn Pháp chân thật thì “vô tướng” cũng là “vô ngôn”, tức là cái không lời nào có thể nói hết. Vậy sau khi nói về sự độ vô tướng, bổ thí vô tướng và phước đức vô tướng, Như Lai vô tướng, ở đây Thế Tôn nói về Pháp vô tướng vậy.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy về Pháp vô tướng.

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 7

VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

. Nguyên văn chữ Hán

無得無說

須菩提.於意云何.如來得阿耨多羅三藐三菩提耶.如來有所說法耶.須菩提言.如我解佛所說義.無有定法,名阿耨多羅三藐三菩提,亦無有定法如來可說。何以故.如來所說法,皆不可取,不可說,非法,非非法.所以者何.一切賢聖皆以無為法而有差別.

.Phiên âm Hán Việt
VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề da? Như Lai hữu sở thuyết pháp da? Tu-bồ-đề ngôn: Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp, danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả

hà? Nhất thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt.

. Phiên bản tiếng Việt
KHÔNG ĐẮC KHÔNG THUYẾT

- Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Có phải là Như Lai đã chứng đắc “ vô thượng chánh đẳng chánh giác” không ? Có phải là Như Lai có Pháp để thuyết không ?

Tu Bồ Đề thưa:

- Theo chỗ con hiểu lời Thế Tôn thì không có Pháp nhất định gọi là “vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Cũng không có Pháp nhất định Như Lai có thể thuyết.

Bởi có sao ? Bởi vì Pháp Thế Tôn thuyết không thể chấp, cũng không thể nói thành lời; nó không phải là Pháp, cũng không phải là Phi-Pháp.

Bởi có sao ? Bởi vì các thánh hiền đều do Pháp vô vi mà có sai biệt.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Ở những đoạn trước đây Thế Tôn có thuyết giảng về Như Lai vô tướng và Pháp vô tướng. Vậy mà ngay trước mắt mình thính chúng đang thấy vị Như Lai đắc quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác, và vị đó đang thuyết Pháp bằng lời mọi người đều nghe. Người này, lời này há không phải đều là hữu tướng đó sao ?

Bạch Thế Tôn,

Cũng bởi thấy biết mỗi nghi tiềm ẩn đó mà Thế Tôn hỏi trưởng lão Tu Bồ Đề, như thế là để “kiểm tra” tri kiến của vị này.

Đọc lời đáp thì con nay thấy vị trưởng lão đáng kính này rất thông về tính “vô tướng” của Phật và Phật Pháp.

Trưởng lão nói:

Cái danh gọi “vô thượng chánh đẳng chánh giác” không tương ứng với vật gì có hình có sắc nhất định – không giống như danh gọi “nhà” tương ứng với cái nhà thấy được, vào ở trong đó được. “Vô thượng chánh đẳng chánh giác” vốn “vô tướng”.

Lời thuyết pháp của Thế Tôn thì cũng chỉ là “lời”, không phải là “Pháp” – như thể ngón tay chỉ trăng không phải là trăng. Pháp cũng vốn “vô tướng”.

Những “vô tướng” đó đương nhiên là không “chấp” được. Và cũng đương nhiên là không nói hết được bằng lời.

Cái “chấp” được, nói thành lời được, do đó không phải là Pháp. Tuy vậy cái đó

cũng không phải là Phi-Pháp_cũng như ngón tay chỉ trăng không phải là trăng, nhưng cũng không phải là không giúp người thấy trăng !

Pháp “vô tướng” đó cũng gọi là “vô vi Pháp”, bất sinh, bất diệt. Các bậc thánh, bậc hiền đều là những người có tham gia vô vi Pháp đó. Nói cách khác là có thâm nhập Pháp đó. Từ bậc thánh đến bậc hiền cách thâm nhập có khác, mức độ thâm nhập có khác. Cũng thế, giữa vị thánh này với vị thánh khác, cũng như giữa vị hiền này với vị hiền khác, cách và mức độ thâm nhập không giống nhau, do đó mà hiện tướng của quý vị không giống nhau. Như thể trăng kia vốn một mà có những phản ánh khác nhau trên giọt sương, dưới đáy giếng, hay trên mặt đại dương bát ngát mênh mông!

Bạch Thế Tôn,

Con nay biết như vậy, về Pháp hữu tướng và Pháp vô tướng.

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 8

Y PHÁP XUẤT SINH

. Nguyên văn chữ Hán

依法出生

須菩提.於意云何.若人滿三千大千世界七寶.以用布施.是人所得福德.寧為多不.須菩提言.甚多.世尊.何以故.是福德.即非福德性.是故如來說福德多.若復有人.於此經中.受持乃至四句偈等.為他人說.其福勝彼.何以故.須菩提.一切諸佛.及諸佛阿耨多羅三藐三菩提法.

皆從此經出.須菩提.所謂佛法者.即非佛法.

.Phiên âm Hán Việt

Y PHÁP XUẤT SANH

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới tất bảo, dĩ dụng bố thí, thí nhân sở đắc phước đức, ninh vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn: Thập đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thí phước đức tức phi phước đức tính, thí cố Như Lai thuyết phước đức đa.

- Nhược phước hữu nhân ư thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thắng bỉ. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhất thiết chư Phật cập chư Phật A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề pháp, giai tùng thử kinh xuất. Tu-bồ-đề, sở vị Phật pháp giả tức phi Phật pháp.

. Phiên bản tiếng Việt
TỪ PHÁP SINH RA

- Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ?

Nếu có người đem cả bảy báu đầy tam thiên đại thiên thế giới ra bố thí thì người ấy có phước đức nhiều không ?

Tu Bồ Đề thưa:

Bạch Thế Tôn, rất nhiều ! Bởi có sao ? Bởi vì đó là thứ phước đức không thuộc “Tánh”, cho nên Như Lai nói rằng phước đức đó nhiều.

- Nếu lại có người thọ trì kinh này cho đến những bài “tứ cú kệ” và còn vì người khác mà giảng giải thì phước đức này hơn thứ phước đức kia.

Bởi có sao ? Nay Tu Bồ Đề, bởi vì chư Phật và Pháp Phật chánh đẳng chánh giác đều từ kinh này mà ra.

Này Tu Bồ Đề, cái gọi là Phật Pháp đó không phải là Phật Pháp thật.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Theo chỗ con hiểu thì trong đoạn này Người cũng thuyết giảng về “phước đức”. Vậy là thêm một lần con được học về “phước đức”.

“Phước đức” được nói trước là thứ phước đức “quả”, phát sinh từ “nhân”. “Nhân” ở đây là “tài thí” – bố thí cả “bảy báu chất đầy tam thiên đại thiên thế giới”. “Nhân” bố thí là số nhiều; “quả” phước đức tương ứng cũng là số nhiều. Nhiều lắm !

Nói là “nhiều” hay “nhiều lắm” thì cũng có hàm ý là “hữu tướng”. “Nhân hữu tướng” phát sinh ra “quả hữu

tướng”. Mà “hữu tướng” thì cũng có nghĩa là “hữu hạn”. Và cũng là “hữu lậu” !

Tương phản là thứ “phước đức” được phát sinh từ việc “thọ trì kinh này cho đến những bài tứ cú kệ, và còn vì người khác mà giảng giải ...”. Thứ phước đức này hơn phước đức nói trên kia. “Hơn”, cốt ở những điểm tương phản là “vô tướng”, “vô hạn”, “vô lậu”.

“Hơn”, còn có thể thấy ở một phương diện khác nữa. Ấy là vì thứ phước đức nói trước là “tài thí”, tức là đem của cải ra bố thí. Mà “tài” vốn là vật ngoài thân, phước đức phát sinh từ đó cũng thuộc loại vật ngoài thân. Thứ phước đức được nói sau thuộc Bản Tánh, do đó Thế Tôn gọi tên là “Tánh phước đức”.

Bạch Thế Tôn,

Về “Tánh phước đức” con hiểu như vậy. Ấy là thứ phước đức làm thức tỉnh Bản Tánh, hay Bản Tâm. Ấy là thứ phước đức làm nên sự chuyển hóa từ mê sang tỉnh vậy.

Bạch Thế Tôn,

Nghe kinh đến đây mà con cảm nhận tầm quan trọng vô hạn của kinh này, ấy là có đầy đủ công đức chuyên chở đi từ bờ mê sang bến giác. Cảm nhận tầm quan trọng đó khởi phát cùng với lòng biết ơn vô hạn. Biết ơn Người đã gọi cho tỉnh dậy từ cơn ác mộng xuất phát từ cái tâm mê !

Bạch Thế Tôn,

Người dạy là phải thọ trì kinh này. Con hiểu đây là bài kinh đang được Người thuyết giảng và tiếp tục thuyết giảng. Người cũng dạy thọ trì kinh cho đến những bài “tứ cú kệ”. Con hiểu rằng

Người sẽ đọc những bài “tứ cú kệ” đó, ắt là ở đâu đó khoảng cuối bài thuyết pháp này.

Bạch Thế Tôn,

Người lại nhắc: “Cái gọi là Phật Pháp không phải là Phật Pháp thật”. Vâng, con xin ghi nhớ. Chỉ là cái danh gọi. Chỉ là “phương tiện”. Chỉ như là ngón tay chỉ trăng. Và cũng vì thế mà con nguyện chăm chỉ nhìn theo hướng ngón tay chỉ, chờ một ngày thấy trăng !

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 9

NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

. Nguyên văn chữ Hán

一相無相

須菩提.於意云何.須陀洹能作是念.我得須陀洹果不.須菩提言.不也.世尊.何以故.須陀洹名為入流而無所入.不入色聲香味觸法.是名須陀洹.須菩提.於意云何.斯陀含能作是念.我得斯陀含果不.須菩提言.不也.世尊.何以故.斯陀含名一往來而實無往來.是名斯陀含.須菩提.於意云何.阿那含能作是念.我得阿那含果不.須菩提言.不也.世尊.何以故.阿那含名為不來而實無不來.是故名阿那含.須菩提.於意云何.阿羅漢能作是念.我得阿羅漢道不.須菩提言.不也.世尊.何以故.實無有法名阿羅漢.世尊.若阿羅漢作是念.我得阿羅漢道.即為著我人眾生壽者.世尊.佛說我得無諍三昧.人中最為第一.是第一離欲阿羅漢.世尊.

我不作是念.我是離欲阿羅漢.世尊.我
若作是念.我得阿羅漢道.世尊則不說須
菩提是樂阿蘭那行者.以須菩提實無所
行而名須菩提.是樂阿蘭那行.

. Phiên âm Hán Việt
NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tu-đà-hoàn năng
tác thị niệm ngã đắc Tu-đà-hoàn quả
phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Phát dã Thế Tôn!
Hà dĩ cố? Tu-đà-hoàn danh vi Nhập lưu
nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh,
hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-
hoàn.- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tu-đà-hàm
năng tác thị niệm: Ngã đắc Tu-đà-hàm
quả phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Phát dã Thế
Tôn! Hà dĩ cố? Tu-đà hàm danh Nhất
vãng lai nhi thật vô vãng lai, thị danh Tu-
đà-hàm.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? A-na-hàm năng tác thị niệ̣m: Ngã đặ́c A-na-hàm quả phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Phặ́t đặ́c Thế Tôn! Hà dĩ cố? A-na-hàm danh vi Bất lai, nhi thật vô bất lai, thị cố danh A-na-hàm.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? A-la-hán năng tác thị niệ̣m: Ngã đặ́c A-la-hán đạo phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Phặ́c đặ́c Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thật vô hữu pháp danh A-la-hán. Thế Tôn! Nhược A-la-hán tác thị niệ̣m: Ngã đặ́c A-la-hán đạo, tức vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thế Tôn! Phật thuyết ngã đặ́c Vô tránh tam-muộ̣i, nhân trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã bất tác thị niệ̣m: Ngã thị ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệ̣m: Ngã đặ́c A-la-hán đạo, Thế Tôn tác bất thuyết Tu-bồ-đề thị nhạ̣o A-lan-na hạnh giả. Dĩ Tu-bồ-đề thật

vô sở hành, nhi danh Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh.

. Phiên bản tiếng Việt
MỘT TƯỞNG KHÔNG TƯỞNG

- Này Tu Bồ Đề, thầy nghĩ thế nào? Bạch Tu Đà Hoàn có thể nghĩ như thế này không? Nghĩ rằng: Ta đã đắc quả vị Tu Đà Hoàn !

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn: Không thể như vậy được ! Bởi có sao ? Vì quả vị “Tu Đà Hoàn” có nghĩa là “nhập lưu”; vậy mà không có nơi nào “nhập” được – không thể “nhập” vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ! Vì thế nên được gọi là “Tu Đà Hoàn”.

- Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào? Bạch Tu Đà Hoàn có thể nghĩ như thế này không ?

Nghĩ rằng: Ta đã đắc quả vị Tư Đà Hàm !

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không thể như vậy được ! Bởi có sao ? Bởi vì “Tư Đà Hàm” có nghĩa là “đến lần nữa”; vậy mà thật ra đâu có chuyện đến hay đi ! Vì thế nên mới gọi là “Tư Đà Hàm”.

- Nay Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Bạc A Na Hàm có thể nghĩ như thế này không ?
Nghĩ rằng: Ta đã đắc quả vị A Na Hàm !

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không thể được ! Bởi có sao ? Bởi vì “A Na Hàm” có nghĩa là “không đến”; vậy mà thật ra vốn không có cái “không đến”. Vì thế nên mới gọi là “A Na Hàm” !

- Nay Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Bạc A La Hán có thể nghĩ như thế này không ?
Nghĩ rằng: Ta đã đắc quả vị A La Hán !

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không thể được ! Bởi có sao ? Bởi vì không có Pháp nào có tên là A La Hán.

Bạch Thế Tôn, nếu có một vị A La Hán nghĩ rằng mình đắc quả vị A La Hán thì tức là vị ấy đã chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Bạch Thế Tôn, Đức Phật từng nói cho biết rằng, bản thân con đã đắc “Vô tránh tam muội”, bậc nhất trong cõi người, tức là bậc A La Hán không tham dục vào bậc nhất. Con không hề có ý nghĩ rằng mình là bậc A La Hán không tham dục.

Bạch Thế Tôn, nếu như con nghĩ rằng mình đắc đạo A La Hán thì Thế Tôn hẳn đã không nói rằng Tu Bồ Đề thích hạnh thanh tịnh – không tham dục, không phiền não. Vì Tu Bồ Đề không có ý nghĩ

kia nên Thế Tôn nói rằng Tu Bồ Đề thích hạnh thanh tịnh.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Ngay từ đầu buổi nói Pháp Thế Tôn đã đưa chúng con vào trí huệ Bát-nhã tế vi:

- Bồ tát độ vô số chúng sinh nhưng thật ra không có chúng sinh nào được diệt độ.

Bạch Thế Tôn,

Con nay thấy rõ điều này: trí huệ Bát-nhã đúng là ở bờ bên kia của tư duy lý tính thường quen trong thiên hạ. Thực vậy, theo tư duy lý tính thì khi đã nói “độ vô số chúng sinh” thì có nghĩa là “vô số chúng sinh được độ”. Vì thế mà không thể nói tiếp theo rằng “không có chúng sinh nào được độ”.

Bạch Thế Tôn,

Tuy vậy con nay thấy rằng dưới hình thức nghịch lý có dụng ý kia, mệnh đề sau không tương phản với mệnh đề trước. Chỉ có thể nói nó chính là mệnh đề trước được đặt dưới cái thấy mới. Trước là thấy tướng, sau là thấy Tánh. Trước thấy tướng cho nên nói “vô số chúng sinh” này khác với “vô số chúng sinh” khác. Sau chỉ thấy Tánh Như. Trước thấy tướng “được độ” tương phản với tướng “không được độ”. Nay thấy Tánh Như, vốn là như vậy, không tăng không giảm, không được không mất.

Bạch Thế Tôn,

Con nay thấy là như vậy. Khi không có cái tâm tham chấp thì cũng không tính toán, không lo và sợ. Tâm bình an, thiên định, chiêm ngắm. Khi ấy núi là như vậy, sông là như vậy. Như như. Nhìn kỹ, thấy núi thật diệu kỳ. Nhìn kỹ, thấy sông thật

diệu kỳ. Núi ấy, sông ấy, và tất cả, đều là những biểu hiện diệu kỳ của cái vũ trụ diệu kỳ. Tự bao giờ vốn vẫn thế, không thêm, không bớt, không người nọ, người kia ! Việc “được độ” giờ đây giống như giấc mộng đêm qua !

Bạch Thế Tôn,

Tiếp theo, Thế Tôn đã chỉ ra nhiều khía cạnh khác nữa của “Thấy Tánh”.

Chẳng hạn như trong hành vi thể hiện hạnh bố thí. Ấy là bố thí vô tướng, trong đó không thấy có người cho, người nhận và vật cho/nhận. Phải, có gì đâu mà kể ! Kể “công đức” ! Như thể cây xoài kia, nó không hề kể công, kể đức ! Nó cho bóng mát, cho trái ngọt. Nó nhận vào mình thán khí độc hại để rồi tỏa ra dưỡng khí trong lành. Nó không thấy có cái ta bố thí, không thấy người thọ thí. Nó không có cả cái khái niệm “bố thí” trong tâm

thức. Ấy là bồ thí vô tướng đó chăng ?
 Ấy là bồ thí không ly Tánh đó chăng ?
 Ấy là cách bồ thí của Bồ Tát đó chăng ?

Bạch Thế Tôn,

Con nay thấy ra rằng bồ thí như là không bồ thí thì mới thật là bồ thí!

Tiếp theo, Thế Tôn giúp chúng con sáng tỏ về Như Lai. Ấy là trước nay vốn có cái biết mê mờ, cứ dựa vào “thân tướng” mà cho rằng mình có biết về Như Lai. Chúng con mãi đồng nhất Như Lai với thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm, một nhân vật sống trong một bối cảnh không thời gian và xã hội nhất định. Nay rõ ra rằng thái tử chỉ là ứng thân / hoá thân Phật. Siêu việt trên ứng thân đó là Pháp Thân, siêu việt mọi bối cảnh lịch sử, mệnh mông vô hạn và diệu kỳ.

Ôi, Đức Phật ấy, Như Lai, con nay cảm nhận được sự hiện tiền của Người,

từ bi mênh mông, trí huệ vô biên, thánh thiện tuyệt vời !

Ôi, Đức Phật ấy, Như Lai, con nay chấp tay, cúi đầu, buông xả mà quy phục và nhận được ơn cứu độ – khi buông mình vào “Biển Cả Tâm Phật Đại Bi”

Ôi, Như Lai là như vậy đó chăng ? Là “Biển Cả Tâm Phật Đại Bi” đó chăng ?

Bạch Thế Tôn,

Vô vàn cảm tạ ơn Người đã khai ngộ cho con về Như Lai. Như Lai nay không bị bao phủ trong một khái niệm xơ cứng. Như Lai nay là lung linh ánh sáng trí huệ đang tỏa sáng. Như Lai nay là âm áp của đại bi tâm. Như Lai nay là sức chuyên chở mênh mông và sức hóa giải cứu độ diệu kỳ.

Bạch Thế Tôn,

Như Lai là như vậy đó chăng ? Là Như Lai vô tướng. Là thái tử Tất Đạt Đa Cồ

Đàm ngộ đạo, nhưng còn hơn thế. Phật Pháp thì cũng thế. Ấy là những lời thuyết của thái tử Tất Đạt Đa ngộ đạo, nhưng còn hơn thế.

Và khả năng tiếp cận cái “hơn thế” đó là phước đức của những ai đã nhẹ buông bốn tướng: ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bạch Thế Tôn,

Con hiểu về Như Lai vô tướng và Phật Pháp vô tướng là như vậy.

Như Lai như vậy vốn vô tướng. Vì thế mà không thể khái niệm hóa, không thể nói, diễn giải hay nghĩ bàn.

Những “danh hiệu” hay “quả vị” khác thì cũng thế. Chẳng hạn như những quả vị Đức Phật từng nói đến trước đây: “Tu Đà Hoàn”, “Tư Đà Hàm”, “A Na Hàm”, “A La Hán”. Những danh hiệu đó trở về gì ? Trở về những cấp bậc chứng ngộ

chăng ? Phải biết rằng không phải vậy. Do đó mà những câu như sau đây để lộ cho thấy tâm mê:

- Ta đắc quả vị Tu Đà Hoàn !
- Ta đắc quả vị Tư Đà Hàm !
- Ta đắc quả vị A Na Hàm !
- Ta đắc quả vị A La Hán !

Ôi, “cái ta” kia rành rành là căng cứng ngã tướng, rành rành là “hư vọng”! Cái gì ghép với nó liền trở thành “hư vọng”. Do đó mà “cái ta hãy đứng xê ra” ! Chỉ khi cái ta đã đứng xê ra thì mới có Tu Đà Hoàn chân thật. Hoặc Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán chân thật. Chân thật như cái thanh tịnh rỗng rang vốn chân thật. Tâm không khởi một mống niệm. Thông dong được cõi trời. Như trên trời cao kia con chim bay ! Như dưới biển rộng kia

con cá lội ! Như tâm của vị đạo nhân kia
 ngắm chim bay mà cảm thấy bình an và
 hạnh phúc cùng con chim bay! Hoặ nhìn
 cá lội mà cảm thấy bình an và hạnh phúc
 cùng con cá lội!

Bạch Thế Tôn,

Con nay thấy biết như vậy !

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

Đoạn 10

TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

莊嚴淨土

佛告須菩提.於意云何.如來昔在然燈佛
 所.於法有所得不.不也.世尊.如來在然
 燈佛所.於法實無所得.須菩提.於意云
 何.菩薩莊嚴佛土不.不也.世尊.何以故.

莊嚴佛土者.即非莊嚴.是名莊嚴.是故.
 須菩提.諸菩薩摩訶薩.應如是生清淨心
 .不應住色生心.不應住聲香味觸法生心
 .應無所住而生其心.須菩提.譬如有人.
 身如須彌山王.於意云何.是身為大不.
 須菩提言.甚大.世尊.何以故.佛說非身.
 是名大身.

.Phiên âm Hán Việt

TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Phật cáo Tu-bồ-đề: Ư ý vân hà? Như Lai
 tích tại Nhiên Đăng Phật sở ư pháp hữu
 sở đắc phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Như Lai tại Nhiên
 Đăng Phật sở, ư pháp thật vô sở đắc.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Bồ-tát trang
 nghiêm Phật độ phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

- Thị cố Tu-bồ-đề, chư Bồ-tát Ma-ha tát ung như thị sinh thanh tịnh tâm, bất ung trụ sắc sinh tâm, bất ung trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm, ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm. Tu-bồ-đề, thí như hữu nhân, thân như Tu-di sơn vương, ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thập đại, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân

. Phiên bản tiếng Việt

TRANG NGHIÊM CÔI PHẬT

Phật hỏi Tu Bồ Đề:

- Ý thầy thế nào ? Như Lai xưa khi ở nơi Phật Nhiên Đăng có được Pháp gì không ?

- Bạch Thế Tôn, không ! Như Lai xưa khi ở nơi Phật Nhiên Đăng thật không có được Pháp chi cả !

- Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Bồ Tát có làm trang nghiêm cõi Phật không ?

- Bạch Thế Tôn, không ! Bởi có sao ? Bởi vì việc đó không phải là làm trang nghiêm cõi Phật, chỉ tạm gọi tên như vậy.

- Bởi vậy, này Tu Bồ Đề, chư Bồ Tát Ma Ha Tát nên sinh tâm thanh tịnh như vậy. Ấy là không sinh tâm trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên sinh tâm nơi không có chỗ trụ.

- Này Tu Bồ Đề, ví như có người thân lớn như núi Tu Di, thầy có nghĩ là thân người ấy lớn không ?

- Bạch Thế Tôn, rất lớn ! Bởi có sao ?
 Bởi vì Phật dạy rằng đó chẳng phải là
 thân thật, chỉ tạm gọi là thân lớn.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,
 Câu chuyện về Đức Phật Nhiên Đăng,
 con được nghe nói như vậy. Hàng a-tăng-
 kỳ kiếp trước, tiền thân Phật Thích Ca
 Mâu Ni, lúc bấy giờ là một tỳ kheo tu Bồ
 Tát hạnh, được Đức Phật Nhiên Đăng thọ
 ký cho sau này thành Phật, hiệu Thích Ca
 Mâu Ni.

Đó là một câu chuyện về tiền thân Đức
 Phật Thích Ca Mâu Ni. Ý chính là Như
 Lai xưa khi ở nơi Phật Nhiên Đăng đã
 được thọ ký sẽ thành Phật.

Tuy vậy, khi được hỏi về việc này ngài
 Tu Bồ Đề lại đáp: Như Lai xưa ở nơi

Phật Nhiên Đăng đã không được Pháp chi cả !

Bạch Thế Tôn,

“Được” tất nhiên là trái nghĩa với “không được”. Bởi vậy mà lời đáp của ngài Tu Bồ Đề có vẻ là trái với câu chuyện về tiền thân của Đức Phật. Tuy vậy, theo như con hiểu thì chỗ “có vẻ là trái” ở đây cũng giống như chỗ “chân đế” có vẻ trái với “tục đế”. “Tục đế” thì nói rằng có một “vị” tỳ kheo được thọ ký về sau thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Và rồi thì a-tăng-kỳ kiếp sau quả nhiên “vị” ấy thành Phật. Chân lý được diễn giải dưới dạng “tục đế” đó rõ ràng là trụ trên “ngã tướng” - “ngã tướng” của “vị” ấy.

Bạch Thế Tôn,

Thế Tôn từng nói:

“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

(Phàm là tướng thì đều là hư vọng)

Thực vậy, sự tồn tại của “vị” ấy qua a-tăng-kỳ kiếp để rồi “vị” ấy thành Phật là một hư vọng. Về cái hư vọng ấy ngài Tu Bồ Đề dứt khoát nói một chữ “không”: không được Pháp chi cả!

Bạch Thế Tôn,

Trên kia là nói về sự “thành Phật” theo kiến giải hữu tướng và vô tướng. Về “cõi Phật” thì cũng có kiến giải kiểu hữu tướng. Chẳng hạn như về cõi Phật A Di Đà, hay “Tịnh Độ Di Đà”, thì ở phương Tây, và ở cách xa đây mười vạn tám ngàn dặm. Hiểu như vậy là cách hiểu chấp tướng.

Cũng bằng cách hiểu chấp tướng như vậy người ta thường hiểu về cách làm

trang nghiêm cõi Phật. Chẳng hạn như tin rằng khi làm một điều lành thì ở Tịnh Độ nở một hoa sen, để rồi bằng cách đó mà “trang nghiêm Tịnh độ” bằng nhiều hoa sen việc lành.

Phật hỏi ngài trưởng lão: Bồ Tát có làm trang nghiêm Tịnh độ bằng cách đó ? Và ngài trưởng lão đã trả lời là: không !

Thế Tôn tiếp lời trưởng lão, nói: Bồ Tát sinh tâm thanh tịnh ! Thay vì “trang nghiêm Tịnh độ” thì “sinh tâm thanh tịnh”.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu rằng “Tịnh độ” không chỉ về một nơi nào đó, mà chỉ về bản tâm thanh tịnh. Về sau này, Tổ Huệ Năng nói rõ:

Mê nhân niệm Phật cầu sinh ư bỉ; ngộ nhân tự tịnh kỳ tâm.

(Người mê niệm Phật cầu vãng sinh nơi
ấy;

Người ngộ niệm Phật để tự tịnh lấy bản
tâm.)

Chữ “tự tịnh kỳ tâm” của Lục Tổ rõ
ràng là lặp lại chữ “sinh tâm thanh tịnh”
của Thế Tôn vậy. Về “sinh tâm thanh
tịnh” thì Thế Tôn có nói rõ. Ấy là không
để tâm dính vào sắc, thanh, hương, vị,
xúc, pháp.

Dính vào “sắc” thì chẳng hạn như mê
cái ô tô, nhà lầu, vợ đẹp, v.v..

Dính vào “thanh” thì chẳng hạn như là
mê tiếng đàn ngọt, tiếng hát hay, lời dịu
dàng, v.v..

Dính vào “hương” hoặc “vị” thì chẳng
hạn như mê rượu thơm, thịt béo, v.v..

Dính vào “xúc” thì chẳng hạn như là
mê cảm giác êm ấm trên da thịt.

Dính vào “pháp” tức là dính vào tư tưởng và những khái niệm làm chất liệu cho tư tưởng. Chẳng hạn như những khái niệm thường đầu độc lòng người như giàu/nghèo, sang/hèn, vinh/nhục, v.v..

Nói chung, “dính” vào chỗ nào thì như là bị cột vào đó. Như là bị nó chiếm lĩnh và thống trị. Nó xôn xao, nó lăng xăng, nó sai khiến ... vì thế mà tâm không thanh tịnh. Nói cách khác thì “dính” đồng nghĩa với tham chấp. Và tham chấp đi liền với “phiền não”. “Giải thoát” do đó cũng cốt ở cái tâm thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn,

Con nay thấy rõ rằng “sinh tâm thanh tịnh” thật quan trọng xiết bao ! Con cảm thấy thật phước đức nhớ lại có lần đọc được câu này trong Kinh Bồ Tát Giới:

Ngã bản tánh nguyên tự thanh tịnh.

(Bản Tánh ta vốn tự nhiên thanh tịnh)

Mới hay rằng tâm thanh tịnh vốn thống nhất với Bản Tánh. “Sinh tâm thanh tịnh” do đó là cách tu hành dẫn đến “kiến Tánh” vậy.

Bạch Thế Tôn,

Kết thúc ý này Người đã nói một câu vàng ngọc:

Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm !

(Nên sinh tâm nơi không có chỗ trụ.)

Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã từ câu đó mà thực hành phép tu “bích quán”.

Lục Tổ Huệ Năng nghe câu đó mà được khai ngộ.

Bạch Thế Tôn,

Tiếp theo Người đề cập sang quan niệm về “thân lớn”. “Thân lớn” như núi Tu Di, đó là “lớn” về tầm vóc vậy. Con lại chợt thấy một hình tượng “lớn” khác nữa. Đó là hình tượng của Tần Thủy Hoàng Đế. Ấy là “lớn” về phương diện

mà người ta gọi là “địa vị xã hội”, hay “quyền lực”. Còn có thể thấy ra nhiều kiểu “lớn” khác nữa. Tuy vậy, nói chung thì cũng là “lớn” về “tướng”. Vậy cũng đều là cái “lớn” hư vọng. Rõ là như vậy ! Khi đã nói đến lớn/nhỏ, nhiều/ít là nói về “tướng”, cũng tức là nói về cái hư vọng !

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 11

VÔ VI PHƯỚC THẮNG

. Nguyên văn chữ Hán

無為福勝

須菩提.如恆河中所有沙數.如是沙等恆河.於意云何.是諸恆河沙.寧為多不.須菩提言.甚多.世尊.但諸恆河.尚多無數.何況其沙.須菩提.我今實言告汝.若有善男子.善女人.以七寶滿爾所恆河沙數三千大千世界.以用布施.得福多不.須菩提言.甚多.世尊.佛告須菩提.若善男子.善女人.於此經中.乃至受持四句偈等.為他人說而此福德勝前福德.

.Phiên âm Hán Việt

VÔ VI PHƯỚC THẮNG

Tu-bồ-đề, như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng Hằng hà. Ư ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa, ninh vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thập đa, Thế Tôn! Đản chư Hằng hà, thượng đa vô số, hà huông kỳ sa.

- Tu-bồ-đề, ngã kim thật ngôn cáo nhữ, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở Hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng bố thí, đắc phước đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thậm đa, Thế Tôn! Phật cáo Tu-bồ-đề: Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư thủ kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đđẳng vị tha nhân thuyết, nhi thủ phúc đức thắng tiền phúc đức.

. Phiên bản tiếng Việt

- Này Tu Bồ Đề, nếu nay ứng với một hạt cát trên sông Hằng lại có một sông Hằng, vậy thì theo ý thầy, tổng số cát trên tất cả những sông Hằng đó có lớn không ?
Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, lớn lắm !
Chỉ riêng những sông Hằng đó thôi thì đã

là vô số, huông hồ là cát trên những sông Hằng đó !

- Nay Tu Bồ Đề, ta nói thật cho thầy biết. Nay nếu có người trai lành, gái tốt dùng bảy loại báu vật đầy cả ngàn ấy Hằng hà sa số tam thiên đại thiên trên thế giới đem ra bố thí thì có được phước nhiều không ?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, nhiều lắm !

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu như người trai lành, gái tốt đó thọ trì kinh này cho đến những tứ cú kệ rồi diễn giải cho người khác biết thì phước đức này hơn phước đức nói trên.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Nội dung đề tài Phật thuyết pháp hôm nay cũng là nội dung đề tài Phật thuyết pháp ở một đoạn trước đây: luận về những phước đức hữu vi và phước đức vô vi. Đức Phật lặp lại ý này cũng có nghĩa là Đức Phật muốn nhấn mạnh. Mà lý do tại sao Đức Phật muốn nhấn mạnh thì có lẽ con cũng đã hiểu. Ấy là vì chung quanh Đức Phật thời ấy con người rất quan tâm đến “phước đức” với ý “cầu phước”. Tu là để cầu phước. Bồ thí nói riêng, ấy là để cầu phước.

Bạch Thế Tôn,

Trên hai mươi lăm thế kỷ sau Đức Phật tâm lý con người vẫn không khác. Vẫn là tâm lý cầu phước và dựa trên lòng tin rằng: “làm phước được phước”.

“Làm phước được phước”, Đức Phật xác nhận luật nhân quả đó. Đức Phật còn nói rõ: của bồ thí lớn thì được phước lớn.

Tuy vậy, Đức Phật từ bi còn chỉ ra một loại phước đức khác mà thứ phước đức kia không thể sánh được.

Thứ phước đức đó ở đoạn trước đây Đức Phật đã gọi tên là “Tánh phước đức” – thứ phước đức ở bình diện “Tánh”, tương phản với thứ phước đức ở bình diện “tướng”. “Tánh phước đức” làm phát sinh ra trí huệ và từ bi. “Tánh phước đức” chuyển hóa cái tâm thường ngày trở về “Bản Tâm thanh tịnh”.

“Tánh phước đức” xuất phát từ việc thọ trì kinh này cho đến những bài tứ cú kệ rồi diễn giải cho người khác được thông.

“Tánh phước đức” không có thứ phước đức nào sánh kịp.

Bạch Thế Tôn,

Với đại bi tâm vô lượng, Người đã nhiều lần nhắc nhở điều đó.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT !

Đoạn 12

TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

. Nguyên văn chữ Hán

尊重正教

復次.須菩提.隨說是經.乃至四句偈等.
當知此處.一切世間天人阿修羅皆應供
養如佛塔廟.何況有人.盡能受持讀誦.
須菩提.當知是人.成就最上第一希有之
法.若是經典所在之處即為有佛.若尊重
弟子.

. Phiên âm Hán Việt

TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO.

Phục thứ Tu-bồ-đề! Tùy thuyết thị kinh
 nãi chí tứ cú kệ đấng, đương tri thử
 xứ, nhất thiết thế gian thiên nhân A-tu-la
 giai ưng cúng dường như Phật tháp
 miếu, hà huông hữu nhân tận năng thọ trì,
 độc tụng. Tu-bồ-đề! Đương tri thị nhân
 thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi
 pháp. Nhược thị kinh diễn sở tại chi xứ
 tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.

. Phiên bản tiếng Việt

TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

Hơn nữa, này Tu Bồ Đề, phàm nơi nào
 kinh này, cho đến những tứ cú kệ, được
 thuyết giảng thì nên biết rằng nơi ấy các
 hạng trời, người, a-tu-la đều cúng dường
 – như thể ở chùa hay tháp thờ Phật.

Càng nên trân trọng hơn nữa nếu có
 người toàn tâm thọ trì và tụng đọc kinh

này. Nay Tu Bồ Đề, phải biết rằng người ấy thành tựu Pháp cực cao quý và ít có nhất.

Phàm nơi nào có kinh này thì nơi đó có Đức Phật và các đại đệ tử của Phật.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Tiếp tục ý ở đoạn trước, Thế Tôn lại nhấn mạnh về ý nghĩa và tầm quan trọng của kinh này.

Bạch Thế Tôn,

Lời Người quả linh nghiệm.

Trên hai mươi lăm thế kỷ đã trôi qua mà nay đọc kinh này con vẫn cảm nhận được sự hiện tiền của Người và quý đại đệ tử.

Và đó là sự hiện tiền của thánh thiện
mênh mông, trí huệ mênh mông và từ bi
mênh mông !

Thế giới Ta bà này thực đa đoan ! Sự
và vật vô số, mà cũng là xô bồ, nhiều như
số hạt cát sông Hằng nhân với số hạt cát
sông Hằng. Trong điều kiện đó Người
hiện tiền như vàng trắng sáng rực bên kia
chân trời.

Người đã đem lại cho thế giới này cái
chiều kích mênh mông. Từ đó mà vạn vật
xuất hiện với chiều kích mênh mông !
Mênh mông vàng trắng sáng ! Mênh
mông một nụ hồng ! Thế giới Ta bà phút
chốc hóa ra thành Tịnh độ !

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 13

NHU PHÁP THỌ TRÌ

. Nguyên văn chữ Hán

如法受持

爾時.須菩提白佛言.世尊.當何名此經.
我等云何奉持.佛告須菩提.是經名為金
剛般若波羅蜜.以是名字.汝當奉持.所
以者何.須菩提.佛說般若波羅蜜.即非
般若波羅蜜.是名般若波羅蜜.須菩提.
於意云何.如來有所說法不.須菩提白佛
言.世尊.如來無所說.須菩提.於意云何.
三千大千世界所有微塵.是為多不.須菩
提言.甚多.世尊.須菩提.諸微塵.如來說
非微塵.是名微塵.如來說世界非世界.
是名世界.須菩提.於意云何.可以三十
二相見如來不.不也.世尊.不可以三十
二相得見如來.何以故.如來說三十二相
.即是非相.是名三十二相.須菩提.若有

善男子.善女人.以恆河沙等身命布施.
若復有人.於此經中.乃至受持四句偈等
.為他人說.其福甚多.

. Phiên âm Hán Việt
NHƯ PHÁP THỌ TRÌ.

Nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì? Phật cáo Tu-bồ-đề: Thị kinh danh vi Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật, dĩ thị danh tự nhữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật tức phi Bát-nhã ba-la-mật, thị danh Bát-nhã ba-la-mật. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ? Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu vi trần, thị vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thậm đa, Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần thị danh vi trần nhị tướng kiến Như Lai phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng.

- Tu-bồ-đề, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ Hằng hà sa đảnh thân mạng bố thí, nhược phục hữu nhân ư thử kinh trung nãi chí thọ trì tứ cú kệ đảnh, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thậm đa.

. Phiên bản tiếng Việt

THỌ TRÌ THEO PHÁP

Khi ấy, Tu Bồ Đề hỏi:

- Bạch Thế Tôn, kinh này nên gọi tên là gì ? Và chúng con nên phụng trì thế nào ?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Kinh này tên gọi là Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật. Thầy nên theo tên gọi như vậy mà phụng trì.

Bởi có sao ? Này Tu Bồ Đề, Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức là không phải Bát-nhã ba-la-mật, chỉ tạm gọi tên là Bát-nhã ba-la-mật.

- Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Như Lai có thuyết pháp không ?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, Như Lai không có thuyết pháp.

- Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Trong tam thiên đại thiên thế giới vốn có những vi trần, vậy có nhiều không ?

- Bạch Thế Tôn, nhiều lắm !

- Này Tu Bồ Đề, những vi trần Như Lai nói không phải là vi trần, chỉ tạm gọi tên là vi trần. Thế giới mà Như Lai nói

không phải là thế giới, chỉ tạm gọi tên là thế giới.

- Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Có thể dựa vào ba mươi hai tướng để thấy Như Lai không ?

- Bạch Thế Tôn, không thể !

Bởi có sao ? Bởi vì Như Lai nói rằng ba mươi hai tướng không phải là ba mươi hai tướng, chỉ tạm gọi là ba mươi hai tướng.

- Này Tu Bồ Đề, nếu có một trai lành hay gái tốt đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng ra bố thí ...

Mặt khác, nếu lại có người thọ trì kinh này cho đến những tứ cú kệ rồi thuyết giảng lại cho người khác thì phước đức này nhiều hơn nhiều.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Về tên gọi là kinh Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật thì con hiểu như thế này.

“Kim cang” chỉ về thứ ngọc quý nhất, chiếu sáng nhất, cứng nhất, sắc bén nhất.

“Bát-nhã ba-la-mật” là trí huệ của bậc giác ngộ, đưa người sang đến bờ bên kia.

Về ngữ nghĩa thì như vậy. Nay xin soi xét ý sâu.

Bạch Thế Tôn,

Khi chưa được Thế Tôn khai ngộ thì điều mà chúng con tin thật là điều mà chúng con gọi là “tai nghe, mắt thấy”. Nói rộng ra hơn nữa thì còn là điều mà mũi đã ngửi, lưỡi đã nếm, tay đã sờ, và trí đã xét suy nghiêm chỉnh.

Đến khi được kinh Phật dạy rồi thì mới hay ra rằng những điều mà mình biết được như vậy chỉ là “tướng” – chỉ là cái bề ngoài hư vọng. Cái chân thật đối với

chúng con là cái ở “bờ bên kia”, bên kia tầm tay với của lục căn: mắt, tay, mũi, lưỡi, thân, ý.

Vậy kinh này là nói về trí Bát-nhã đưa đến “bờ bên kia” đó. Lại có hình tượng là “kim cương”, ấy là để nói về cái đức sáng, cứng, sắc bén không gì bằng. Ấy là để nói về cái khả năng cắt đứt cái thói quen “chấp tướng”, tức là cái thói quen chỉ thấy có “tướng” là thật. Thói quen đó cũng có tên là “vô minh”, vốn có từ vô thủy, ắt là từ khi con người đang thành hình. Hoặc thậm chí là trước đó !

Bạch Thế Tôn,

Ngài Tu Bồ Đề hỏi tên kinh. Thế Tôn thấy đó là điều chính đáng. Để tiện bề nói năng. Tuy vậy, nơi tâm thức chúng con còn có một thói quen có tính vô minh khác. Ấy là từ cái tên gọi đó cái trí liền hình thành một khái niệm tương ứng rồi

“chấp” lấy cái tên gắn liền với cái khái niệm ấy. Và từ đó mà chấp danh và đánh mất thực vậy ! Thế Tôn vốn biết rõ cái cơ chế tự động đó của tâm thức cho nên có ngay lời cảnh giác:

“Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức là không phải Bát-nhã ba-la-mật”!

Tạm mượn cái danh gọi đó để trở về cái ở “bờ bên kia”.

“Bờ bên kia”, đó là cái “huyền nhiệm không tên” !

Cũng là chỗ “vô sở trụ” !

*

Bạch Thế Tôn,
Người có thuyết Pháp chăng ?

Thưa: Có ! Người đang thuyết Pháp !
Pháp âm như mãi còn vang vọng đến bây giờ !

Tuy vậy, bạch Thế Tôn, con nay vẫn còn nhớ lời trưởng lão Tu Bồ Đề nói về “Pháp” mà Người thuyết. Nói rằng:

“Vô hữu định
Pháp Như Lai khả thuyết”

(Vốn không có
Pháp nhất định để Như Lai thuyết.)

Bạch Thế Tôn,

Con nay thấy như vậy. Con thấy rằng khi Như Lai thuyết Pháp thì dùng lời như là một phương tiện. Lời chỉ đơn giản như là chiếc bè đưa người sang “bờ bên kia” ! Nói cách khác thì “Pháp” Thế Tôn thuyết là “vô vi Pháp”. Mà nói một cách khác nữa thì đó là thứ Pháp “bất khả thuyết” !

Tuy vậy, bạch Thế Tôn, đa phần những người nghe Pháp chúng con quên mất đi lẽ đó. Quên rằng Pháp người thuyết chỉ là “phương tiện”. Quên rằng Pháp kia vốn là “vô vi Pháp”. Do đó mà

cổ bám lấy. Cô “chấp” lời kinh, quên rằng:

“Như Lai sở thuyết
Pháp giai bất khả thủ”

(Pháp Như Lai
thuyết là cái không thể nắm giữ được.)

Nói một cách khác nữa thì Pháp Như Lai thuyết mãi mãi là ngón tay ở bờ bên này chỉ sang “bờ bên kia” ! Vấn đề của chúng con là mắt phải rời ngón tay chỉ để hướng tầm nhìn về phía bờ bên kia. Để thấy cái “bất khả thuyết”.

Bạch Thế Tôn,

Tiếp theo, Thế Tôn thuyết về “vi trần” và “thế giới”. “Vi trần” là hạt bụi nhỏ li ti. Nhưng “thế giới” này cũng được gọi là “cõi trần”, tức là cái thế giới được tạo thành bởi vô lượng những hạt bụi li ti kia vậy. Do đó nói là vô lượng hạt bụi thì cũng phải; nói đó là thế giới thì cũng

phải ! Nếu phiên dịch thành kinh văn thì là: Cái Như Lai nói là vi trần cũng không phải là vi trần; cái Như Lai nói là thế giới cũng không phải là thế giới. “Vi trần” và “thế giới” chẳng qua là những cái tên gọi, do con người đặt ra vì sự tiện lợi.

Bạch Thế Tôn,

Cái tên “vi trần” kia nay con thấy là cũng có thể dùng để chỉ về những “hạt nguyên tử”. Cũng có thể dùng để chỉ về những hạt bé hơn nhiều, gọi là “vi hạt hạ nguyên tử”. Những hạt đó cũng tạo thành vũ trụ, hoặc nhiều vũ trụ, tạm gọi là “thế giới”.

Bạch Thế Tôn,

Những vi hạt kia chính xác là phi vật chất. Ấy là những dạng năng lượng. Đó là những dạng năng lượng thô. Ngược dòng trở về nguồn là những dạng năng lượng càng cao càng tinh tế hơn, tinh tế

đến vô vùng, để có thể gọi là Bát-nhã ba-la-mật ! Cũng từ đó mà mà thấy ra rằng cái thế giới gọi là “cõi trần” này không phải là “cõi phàm trần”!

Thật vậy, chính Thế Tôn cũng từng nói rõ: Khi “cõi trần” này có kinh Kim Cang và có người thọ trì và diễn giải kinh này thì nơi này trở thành là nơi để tôn thờ.

Bạch Thế Tôn,

Tương truyền rằng thuở thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm vừa chào đời, có một thầy tướng số xem tướng nói rằng Người có quý tướng. Với tướng ấy, nếu sống trong thế tục thì Người sẽ trở thành một bậc minh quân; nếu đi tu thì Người sẽ trở thành một bậc giác ngộ.

Trong kinh Bát Nhã thì nói rõ là Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, chẳng hạn:
Lòng bàn chân đầy đặn,
Dưới bàn chân có hàng ngàn văn ốc,

Tay chân mềm dịu,
 Ngón chân như ngón chân nhạn,
 Ngón tay ngón chân đều tròn đầy ...

Bạch Thế Tôn,

Con nay tin như vậy. Tin rằng thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm thực sự có “quý tướng”. Đó là cái tướng hiện ra bên ngoài của những tiềm năng vốn có ở bên trong của thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm. Ấy là tiềm năng về tâm tính, về đức độ, về năng lực, và cả về địa vị xã hội. Tuy vậy, những tướng trạng phản ánh những tiềm năng ấy đều thuộc về loại tri kiến có giới hạn, tạm gọi là tri kiến ở “bờ bên này”. Đó là loại tri kiến phản ánh cái tâm phân biệt, từ đó mà thấy sự vật mang cái tướng của những cặp đối lập: sang / hèn, quý / tiện, tốt / xấu, thánh / phàm, v.v..

Và khi nói rằng Như Lai có ba mươi hai tướng tốt là người ta đã đồng nhất

Như Lai với thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm.
Thực ra thì Như Lai cũng là thái tử Tất
Đạt Đa Cồ Đàm, mà còn hơn thế nữa.

*

Bạch Thế Tôn,

Về người đem thân mạng ra bố thí, con
nhớ lại hai câu chuyện về tiền thân Đức
Phật.

Câu chuyện thứ nhất kể lại rằng ở một
tiền thân nọ Đức Phật đã hiến thân mạng
mình làm mồi để cứu sống hai mẹ con
con cọp đói giữa mùa đông giá buốt.

Câu chuyện thứ hai kể lại rằng ở một
tiền thân khác Đức Phật đem thân mạng
mình làm mồi cho một con chim ưng để
đổi lấy mạng sống của một con chim sẻ.

Đem thân mạng mình ra bố thí như
vậy hẳn là người bố thí đã quên đi thân
mạng mình. Vậy về phía người bố thí thì
đó là bố thí vô tướng.

Về phía kẻ thọ thí thì sao ? Mẹ con con cọp nọ giữ được thân mạng. Con chim sẻ nọ giữ được thân mạng. Về phía kẻ thọ thí như vậy thì việc bố thí kia có tính hữu tướng. Do đó mà hữu hạn: chỉ là cứu được thân mạng của những con cọp, con chim sẻ nọ. Những thân mạng này vốn dĩ phù du. Nay được cứu sống, ngày mai sẽ ra sao ?

Việc thọ trì kinh và diễn giải cho người khác thì khác. Thường được gọi tên là “bố thí Pháp”. Người bố thí Pháp không kể có cái ta bố thí, không kể có việc bố thí. Về người thọ thí thì sao? Người thọ thí nghe diễn giải kinh có khả năng tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ mà rơi rụng “cái ta”. Là quên mất ngã tướng. Là trở thành vô tướng. Là trở thành vô hạn. Là hòa nhập vào mênh mông ! Để thấy mình mênh mông!

Và phước đức kia cũng không gì có thể sánh tày ! Không thể sánh tày, và cũng không thể nói thành lời!

Bạch Thế Tôn,

Con nay xin nguyện cầu cho mọi người có một ngày thấy được Bản Tánh mình. Bản Tánh ấy mênh mông!

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 14

LY TƯỞNG TỊCH DIỆT

. Nguyên văn chữ Hán

離相寂滅

爾時.須菩提聞說是經.深解義趣.涕淚
悲泣而白佛言.希有世尊.佛說如是甚深
經典.我從昔來所得慧眼.未曾得聞如是
之經.世尊.若復有人得聞是經.信心清

淨.即生實相.當知是人成就第一希有功德.世尊.是實相者.則是非相.是故如來說名實相.世尊.我今得聞如是經典.信解受持不足為難.若當來世後五百歲.其有眾生.得聞是經.信解受持.是人則為第一希有.何以故.此人無我相人相眾生相壽者相.所以者何.我相即是非相人相眾生相壽者相即是非相.何以故.離一切諸相則名諸佛.佛告須菩提.如是.如是.若復有人得聞是經不驚不怖不畏.當知是人.甚為希有.何以故.須菩提.如來說第一波羅蜜即非第一波羅蜜.是名第一波羅蜜.須菩提.忍辱波羅蜜.如來說非忍辱波羅蜜.是名忍辱波羅蜜.何以故.須菩提.如我昔為歌利王割截身體.我於爾時.無我相.無人相.無眾生相.無壽者相.何以故.我於往昔節節支解時.若有

我相.人相.眾生相.壽者相.應生瞋恨.須菩提.又念過去於五百世.作忍辱仙人.於爾所世.無我相.無人相.無眾生相.無壽者相.是故.須菩提.菩薩應離一切相.發阿耨多羅三藐三菩提心.不應住色生心.不應住聲香味觸法生心.應生無所住心.若心有住.即為非住.是故佛說菩薩心.不應住色布施.須菩提.菩薩為利益一切眾生故.應如是布施.如來說一切諸相.即是非相.又說一切眾生.即非眾生.須菩提.如來是真語者.實語者.如語者.不誑語者.不異語者.須菩提.如來所得此法.此法無實無虛.須菩提.若菩薩心住於法而行布施.如人入闇.則無所見.若菩薩心不住法而行布施.如人有目.日光明照.見種種色.須菩提.當來之世.若有善男子.善女人.能於此經受持.讀誦.

則為如來.以佛智慧.悉知是人.悉見是人.皆得成就無量無邊功德.

.Phiên âm Hán Việt

LY TUỞNG TỊCH DIỆT

Nhĩ thời Tu-bồ-đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp, nhi bạch Phật ngôn: Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã từng tích lai sở đắc tuệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi kinh. Thế Tôn! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh tác sinh thực tướng, đương tri thị nhân thành tựu đệ nhất hy hữu công đức. Thế Tôn! Thị thực tướng giả tức thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thực tướng. Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì, bất tức vi nan. Nhược đương lai thế, hậu ngũ

bách tuệ, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tác vi đệ nhất hy hữu. Hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật.

Phật cáo Tu-bồ-đề: Như thị, như thị! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri thị nhân, thậm vi hy hữu! Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết đệ nhất ba-la-mật, tức phi đệ nhất ba-la-mật, thị danh đệ nhất ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Nhân nhược ba-la-mật, Như Lai thuyết phi nhân nhược ba-la-mật thị danh nhân nhược ba-la-mật. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Như ngã tích vi Ca-lợi vương cát tiệt thân thể, ngã ư nhĩ thời vô

ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng sanh sân hận. Tu-bồ-đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bách thế tác nhân nhục tiên nhân, ư nhĩ sở thế vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Thị cố, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ưng ly nhất thiết tướng phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng sanh vô sở trụ tâm. Nhược tâm hữu trụ, tác vi phi trụ. Thị cố Phật thuyết Bồ-tát tâm bất ưng trụ sắc bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vị lợi ích nhất thiết chúng sanh, ưng như thị bố thí. Như Lai thuyết nhất thiết chư tướng tức thị phi tướng hựu thuyết nhất thiết chúng sanh

tức phi chúng sanh. Tu-bồ-đề! Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thật vô hư. Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí như nhân nhập ám tắc vô sở kiến. Nhược Bồ-tát tâm bất trụ pháp nhi hành bố thí như nhân hữu mục, nhật quang minh chiếu, kiến chủng chủng sắc. Tu-bồ-đề! Đương lai chi thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân năng ư thử kinh thọ trì đọc tụng tức vi Như Lai dĩ Phật trí tuệ, tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.

. Phiên bản tiếng Việt

LÀ TƯỞNG VẮNG LẶNG

Khi ấy, nghe kinh và thâm nghĩa sâu, Tu Bồ Đề xúc động đến rơi nước mắt mà thừa cùng Phật:

- Thế Tôn thật là tuyệt vời ! Phật nói kinh nghĩa lý thật sâu. Con từ khi có huệ nhãn đến nay chưa từng được nghe kinh như vậy.

Bạch Thế Tôn,

Nếu có người được nghe kinh này mà tin tâm thanh tịnh thì nhận ra thực tướng. Phải biết rằng người đó đã thành tựu công đức hi hữu bậc nhất.

Bạch Thế Tôn,

Thực tướng ấy không phải là tướng, vì thế Như Lai gọi tên là thực tướng.

Bạch Thế Tôn,

Nay con nghe kinh này, tin hiểu và thọ trì, không thấy có chi khó.

Nhưng nếu năm trăm năm sau có chúng sinh nào đó được nghe kinh này mà tin

hiếu và thọ trì thì người đó thật là hi hữu bậc nhất.

Bởi có sao ? Bởi vì người đó không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng.

Bởi có sao? Bởi vì ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng không phải là tướng.

Bởi có sao ? Bởi vì lìa tất cả các tướng thì được gọi là Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Như vậy ! Như vậy !

Lại nữa, nếu như có người được nghe kinh này mà chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, chẳng e dè thì phải biết rằng người đó rất hi hữu.

Bởi có sao ? Nay Tu Bồ Đề, Như Lai nói ba-la-mật đệ nhất thì không phải là ba-la-mật đệ nhất, chỉ tạm gọi là ba-la-mật đệ nhất.

Này Tu Bồ Đề, Như Lai nói nhân nhục ba-la-mật thì không phải là nhân nhục ba-la-mật, chỉ tạm gọi là nhân nhục ba-la-mật.

Bởi có sao ? Này Tu Bồ Đề, bởi vì trong một tiền kiếp, khi cơ thể ta bị vua Ca Lợi chặt đứt rã rời, ta không hề chấp ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng.

Bởi có sao ? Bởi vì thuở ấy, khi cơ thể ta bị chặt rã rời, nếu ta chấp ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng ắt là trong ta phải sinh lòng oán giận.

Này Tu Bồ Đề,

Nhớ lại thuở năm trăm đời trước ta là một vị tiên nhân nhục. Thuở ấy ta cũng không có chấp những tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên lià tất cả các tướng mà phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Chẳng nên sinh tâm trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên sinh tâm nơi không có chỗ trụ. Nếu tâm có trụ tức là không trụ.

Bởi vậy Phật nói rằng tâm Bồ Tát chẳng nên trụ sắc mà bố thí.

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát vì lợi ích của toàn thể chúng sinh mà bố thí như vậy.

Như Lai nói rằng tất cả các thứ tướng đều chẳng phải là tướng. Lại nói: tất cả chúng sinh đều chẳng phải là chúng sinh.

Này Tu Bồ Đề, lời Như Lai nói là lời chân chính, chân thật, trung thực, không giả dối, không lạ thường.

Này Tu Bồ Đề, Pháp của Như Lai chứng đắc không thực, không hư.

Này Tu Bồ Đề, nếu tâm Bồ Tát trụ vào pháp mà thực hành bố thí thì cũng giống như người đi vào chỗ tối, nào thấy được gì ! Nếu tâm Bồ Tát không trụ vào pháp mà thực hành bố thí thì cũng giống như người có mắt lại được mặt trời chiếu sáng nhờ đó mà thấy rõ mọi hình sắc.

Này Tu Bồ Đề, nếu về sau mà có người trai lành gái tốt nào biết thọ trì và đọc tụng kinh này thì Như Lai, với Phật trí, thấy biết rằng người ấy chắc chắn thành tựu được công đức vô lượng vô biên.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Mỗi xúc cảm đến rơi nước mắt của trưởng lão Tu Bồ Đề con nay cũng hiểu. Nó giống với mỗi xúc cảm của một người lưu lạc nay được dẫn về quê nhà

gặp lại ông bà cha mẹ, anh chị em. Mừng vui đến độ rơi nước mắt !

Đó là ví dụ. Nay nói thực tế. Ấy là ngài Tu Bồ Đề đã được Thế Tôn vén màn để được thấy “bản lai diện mục” ! Như bừng tỉnh sau cơn mê dài. Tỉnh ra thấy ... ôi, mình chính là Phật ! Nói một cách khác thì ngài Tu Bồ Đề đã thấy “thực tướng” của mình !

Từ kinh nghiệm bản thân, ngài Tu Bồ Đề thấy ra điều kiện để thấy thực tướng như vậy: ấy là có “tín tâm thanh tịnh”. Nghĩa là sao ? Ấy là nghe lời kinh mà như thể được uống tinh chất cam lồ ! Tinh chất cam lồ chảy sâu vào lòng. Chảy đến đâu thì liền tan rã những kinh hãi, sợ sệt, e dè cùng nghi nan. Chảy đến đâu thì liền tan rã bệnh chấp tướng từ lâu đã trở thành “thâm căn cố đế” – chấp

những tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Khả năng chữa lành bệnh chấp tướng đúng là có tầm quan trọng hàng đầu. Đức Phật nói rõ điều đó: “Lìa tất cả các tướng thì được gọi là Phật”. Đặt dấu nhấn lên ý nghĩa cơ bản đó, Thế Tôn nói với Tu Bồ Đề: “Như vậy ! Như vậy !”

“Bản lai diện mục” là như vậy ! Là “ly nhất thiết tướng” !

Bạch Thế Tôn,

Trước đây Người đã thuyết giảng về “lục ba-la-mật”. Đó là:

1. Bồ thí ba-la-mật
2. Trì giới ba-la-mật
3. Nhẫn nhục ba-la-mật
4. Tinh tấn ba-la-mật
5. Thiền định ba-la-mật
6. Trí huệ ba-la-mật

Bạch Thế Tôn,

Theo như chỗ con hiểu thì sáu ba-la-mật được xếp theo thứ tự như trên không có hàm ý hơn kém trọng khinh. Chẳng hạn như “bồ thí ba-la-mật” được xếp trước tiên, thường được gọi là “đệ nhất ba-la-mật”, vốn không có hàm ý rằng đó là ba-la-mật hàng đầu. Sáu ba-la-mật đều có ý nghĩa quan trọng như nhau, vì đều cùng là ba-la-mật, đều là ở “bờ bên kia”, đều cùng là “liạ tướng”, hoặc “vô tướng”.

Không có ba-la-mật thì mọi việc đều là luân quần bờ bên này. Có ba-la-mật thì tỏa ra ánh sáng bờ bên kia. Ánh sáng của giác ngộ. Ánh sáng của tự tại vô ngại.

Chẳng hạn như bồ thí mà không ba-la-mật, cũng gọi là bồ thí hữu tướng, thì luân quần trong những vọng cầu về phước báo. “Bồ thí ba-la-mật”, cũng gọi là bồ thí vô tướng, thì không thấy có

người thí chủ hay người thọ thí. Cũng không thấy ngay cả việc bố thí. Như cây kia trổ hoa kết trái. Không có mục đích riêng. Hòa nhịp cùng vũ trụ mà vận hành !

“Nhẫn nhục ba-la-mật” thì cũng vậy, cũng gọi là nhẫn nhục vô tướng. Không thấy có người nhẫn nhục. Không thấy nhẫn nhục trước ai. Không thấy ngay cả sự nhẫn nhục. Như việc một tiền thân của Đức Phật thuở xưa nhẫn nhục trước vua Ca Lợi. Vua Ca Lợi cắt tai Người. Đau lắm! Nhưng đã là ngã tướng, Người không oán giận kẻ hại mình. Nhưng người kia không dừng lại đó, tiếp tục thử thách Người: xéo mũi, chặt hai tay, rồi chặt hai chân. Đau đớn tột độ ! Nhưng Người không oán giận ! Như cây rừng kia nghiêng ngã trong sấm sét bão bùng,

cành rơi lá đổ ! Nhưng không chút oán giận sấm sét bão bùng !

Bạch Thế Tôn,

Về cách cây trổ hoa và kết trái mà không có mục đích riêng, hoặc về cách cây rừng không oán giận sấm sét bão bùng, người đời giải thích là vì cây là vật “vô tri vô giác”. Riêng con nay cảm thấy thán phục xiết bao! Nếu Như Lai bảo rằng cây kia là thị hiện của Như Lai thì con cúi đầu vâng nhận tôn ý với cái tâm thanh tịnh. Còn về người thực hành Bồ thí vô tướng như thế kia, và có khả năng nhận nhục vô tướng như thế kia, thì con biết rằng đó là biểu hiện của trí huệ ba-la-mật và từ bi ba-la-mật.

Và con tin nơi lời dạy của Thế Tôn xiết bao! Bởi vì :

“Lời Như Lai nói là lời chân chính, chân thật, trung thực, không giả dối, không lạ thường.”

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 15

TRÌ KINH CÔNG ĐỨC

. Nguyên văn chữ Hán

持經功德

須菩提.若有善男子.善女人.初日分以恆河沙等身布施.中日分復以恆河沙等身布施.後日分亦以恆河沙等身布施.如是無量百千萬億劫以身布施.若復有人.聞此經典.信心不逆.其福勝彼.何況書寫.受持.讀誦.為人解說.須菩提.以要言之.是經有不可思議.不可稱量.無邊功

德.如來為發大乘者說.為發最上乘者說.若有人能受持.讀誦.廣為人說.如來悉知是人.悉見是人.皆得成就不可量.不可稱.無有邊.不可思議功德.如是人等.即為荷擔如來.阿耨多羅三藐三菩提.何以故.須菩提.若樂小法者.若我見人見眾生見壽者見.則於此經不能聽受讀誦.為人解說.須菩提.在在處處.若有此經.一切世間天人阿修羅所應供養.當知此處.則為是塔.皆應恭敬.作禮圍遶.以諸華香而散其處.

. Phiên âm Hán Việt

TRÌ KINH CÔNG ĐỨC

Tu-bồ-đề! Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, sơ nhật phần, dĩ Hằng hà sa đẵng thân bồ thí, trung nhật phần phục dĩ Hằng hà sa đẵng thân bồ thí, hậu nhật phần diệc dĩ Hằng hà sa đẵng thân bồ thí.

Như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp dĩ thân bố thí. Nhược phục hữu nhân văn thử kinh điển, tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ, hà huống thử tả, thọ trì độc tụng vị nhân giải thuyết. Tu-bồ-đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xưng lượng, vô biên công đức, Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát Tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhân năng thọ trì độc tụng, quảng vị nhân thuyết, Như Lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xưng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công đức. Như thị nhân đẳng tác vi hà đảm Như Lai A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính thọ độc tụng, vị nhân giải thuyết. Tu-bồ-

đề! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ tắc vi thị tháp, giai ưng cung kính tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ.

. Phiên bản tiếng Việt

CÔNG ĐỨC TRÌ KINH

Này Tu Bồ Đề, nay nếu có người trai lành hay gái tốt buổi sáng đem cả Hằng hà sa số thân mạng ra bố thí, buổi trưa đem cả Hằng hà sa số thân mạng ra bố thí, buổi chiều đem cả Hằng hà sa số thân mạng ra bố thí, và cứ thế mà bố thí suốt trăm ngàn vạn ức kiếp ...

Lại nếu như có người nghe kinh này mà lòng trọn tin thì phước này hơn phước kia. Huống chi là người này sao chép, thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho người khác nghe kinh này.

Nói tóm lại, kinh này có công đức không thể nghĩ bàn, vô lượng, vô biên, vô hạn. Như Lai vì người phát tâm đại thừa mà nói.

Nếu như có người thường hay thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho nhiều người biết thì Như Lai biết rõ, thấy rõ rằng người ấy thành tựu được công đức vô lượng, vô biên, không thể nói hết, không thể nghĩ bàn. Hạng người như vậy mới đảm đương nổi đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai.

Bởi có sao ? Nay Tu Bồ Đề, bởi vì những ai ham thích pháp nhỏ, dính mắc trong ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến, thì không có khả năng nghe, thọ trì, đọc tụng kinh này và giảng giải cho người khác.

Nay Tu Bồ Đề, bất kỳ nơi nào có kinh này, bất kỳ là ở cõi trời, người, hay thần,

đều nên cúng dường. Phải biết rằng nơi ấy là tháp thờ Phật, nên được cung kính lễ bái, đi nhiều vòng quanh, và rải lên các thứ hương hoa.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Thế Tôn nói về người trai lành gái tốt đem Hằng hà sa số thân mạng ra bố thí.

Con nay hiểu rằng đó không phải là cách “bố thí vô tướng”. Đó là cách “bố thí hữu tướng”.

Con chợt liên tưởng đến những tráng sĩ xưa” gieo thái sơn nhẹ tựa hồng mao”. Những người ấy được thế nhân tôn thờ, thường được xem như hạng người cao quý.

Tuy vậy, nếu sự hi sinh của những người đáng kính đó được xem như là một

cách bồ thí thì đó vẫn là bồ thí có mục đích. Và mọi mục đích đều nặng mang “ngã tướng”, cá nhân hay tập thể. Nói đó là thứ “bồ thí hữu tướng” là vì vậy. Là vì có mục đích. Thứ bồ thí đó là nhân, làm phát sinh ra quả phước đức nào đó chẳng? Hẳn là có. Nhưng cũng hẳn đó là thứ “phước đức hữu lậu”. Đó là thứ phước đức pha trộn với đau khổ, như cơm trắng có lẫn những hạt sạn ! Thứ cơm trắng đó, cho dù nhiều đến độ Hằng hà sa số bát nhân lên Hằng hà sa số lần, thì vẫn là những bát cơm có lẫn sạn !

Bạch Thế Tôn,

Nay con chuyển sang nhìn về phía người thọ trì, đọc tụng và giảng giải kinh này cho người khác. Thế Tôn bảo rằng phước đức phát sinh từ hành vi này thì hơn phước đức nói trên kia. Do đó con hiểu rằng đây là thứ phước đức khác.

Không phải nhiều hơn về số, mà là khác. Như thể cơm trắng không lẫn sạn. Cũng gọi là “phước đức vô lậu”.

Bạch Thế Tôn,

Con mừng tượng như nghe Người hỏi:

- Về phần con, cho tới nay con học được gì từ kinh này ?

Bạch Thế Tôn,

Con xin kính cẩn thưa:

- Theo chỗ con thấy thì con đã học được điều có tên là “bồ thí vô tướng”. Ấy là không thấy có “thí chủ”. Không thấy có người “thọ thí”. Không thấy có việc gì đó được gọi là “bồ thí” !

Con hiểu rằng việc được gọi là “bồ thí” đó thực ra không phải là “bồ thí”. Chỉ là tự nhiên thôi ! Tự nhiên như nước từ trên cao chảy xuống thấp. Tự nhiên như mây theo gió trôi đi. Tự nhiên như

cây chuyển hóa dạng năng lượng hút được dưới đất thành năng lượng có hình sắc là lá xanh, hoa thắm và trái ngọt.

Bạch Thế Tôn,

Con thấy là như vậy ! Con cũng thấy rằng cách thấy biết trong đời thường bị vướng mắc trong “ngã kiến”, “nhân kiến”, “chúng sinh kiến”, “thọ giả kiến”. Do đó mà “bồ thí vô tướng” nói riêng, và nghĩa lý mênh mông của kinh này nói chung, vốn ngoài tầm tiếp cận của người mãi mê theo “tiểu pháp”. Con cũng biết rằng kinh này Đức Phật đã vì “những người phát tâm đại thừa mà nói, vì những người phát tâm tối thượng thừa mà nói”.

Bạch Thế Tôn,

Con nay nghĩ rằng bản thân vốn có túc duyên mà được thọ trì kinh này. Con không dám lơ là mà không cố gắng tiếp cận nghĩa sâu.

Cũng không dám không cố gắng cùng người khác chia sẻ những điều thấy biết.
 NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

Đoạn 16

NĂNG TỊNH NGHIỆP CHƯỞNG

. Nguyên văn chữ Hán

能淨業障

復次.須菩提.善男子.善女人受持讀誦
 此經.若為人輕賤.是人先世罪業.應墮
 惡道.以今世人輕賤故.先世罪業.則為
 消滅.當得阿耨多羅三藐三菩提.須菩提
 .我念過去無量阿僧祇劫.於然燈佛前.
 得值八百四千萬億那由他諸佛.悉皆供
 養承事.無空過者.若復有人.於後末世.

能受持讀誦此經.所得功德.於我所供養
 諸佛功德.百分不及一.千萬億分.乃至
 算數譬喻所不能及.須菩提.若善男子.
 善女人於後末世.有受持讀誦此經.所得
 功德.我若具說者.或有人聞.心則狂亂.
 狐疑不信.須菩提.當知是經義不可思議
 .果報亦不可思議.

.Phiên âm Hán Việt

NĂNG TỊNH NGHIỆP CHUỖNG

Phục thứ Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử,
 thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng thử kinh,
 nhược vi nhân khinh tiện, thị nhân tiên
 thế tội nghiệp, ung đọa ác đạo, dĩ kim thế
 nhân khinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tác
 vi tiêu diệt, đương đắc A-nậu-đa-la tam-
 miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Ngã niệm
 quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ-kiếp, ư
 Nhiên Đăng Phật tiền đắc trì bát bách tứ
 thiên vạn ức na-do-tha chư Phật, tất giai

cúng dường thừa sự vô không quá giả. Nhược phục hữu nhân ư hậu mạt thế năng thọ trì đọc tụng thữ kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật công đức, bách phần bất cập nhất, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập. Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư hậu mạt thế, hữu thọ trì đọc tụng thữ kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn tâm tác cuồng loạn hồ nghi bất tín. Tu-bồ-đề! Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệc bất khả tư nghị.

. Phiên bản tiếng Việt

TỊNH ĐƯỢC NGHIỆP CHƯỞNG

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, người trai lành gái tốt thọ trì đọc tụng kinh này nếu bị người khinh thị thì ấy là vì người đó trong kiếp trước đã tạo nên ác nghiệp

đáng bị đọa vào ác đạo. Nay bị người khinh thị mà tội nghiệp kiếp trước được tiêu trừ, thành tựu được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Tu Bồ Đề, nhớ lại thời quá khứ, a-tăng-kỳ kiếp trước Phật Nhiên Đăng, khi gặp tám trăm bốn ngàn vạn ức na-do-tha chư Phật, Ta đều cúng dường phụng sự không hề sơ sót. Sau này, vào đời mạt pháp, nếu có người biết thọ trì, đọc tụng kinh này thì người đó thành tựu được công đức hơn công đức của Ta gấp trăm, ngàn, vạn ức lần, không số nào có thể đếm, không vật gì có thể so sánh để gợi ý được.

Này Tu Bồ Đề, nếu vào thời mạt pháp mà có người trai lành gái tốt nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì sẽ thành tựu được công đức nhiều đến độ mà nếu kể ra cho

hết thì người nghe sẽ loạn tâm, hoài nghi không tin.

Này Tu Bồ Đề, phải biết rằng nghĩa lý kinh này thì không thể nào nghĩ bàn, và phước báo thì cũng không thể nghĩ bàn.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Con cảm tạ ơn Thế Tôn đã dạy cho biết về cơ chế của “quả báo”.

Một việc ác đã phạm thì liền trở thành ác nghiệp. Nói một cách khác thì nó liền trở thành một hạt giống xấu nảy mầm và phát triển thành một cây xấu và sẽ kết quả xấu. Tự nhiên như vậy, ngay trên mảnh đất của tâm.

Lại giả sử người phạm ác kia sau đó làm một việc lành. Thế là một hạt giống

lành được gieo trên mảnh đất tâm kia.
Cây lành được mọc lên.

Cây lành này nếu là cây lớn, mạnh thì có khả năng giải trừ tác dụng xấu của cây xấu và quả xấu phát sinh trước đó. Tuy vậy khả năng giải trừ kia chỉ đạt đến một mức độ nhất định. Bởi vì dù sao cây xấu quả xấu phát sinh từ hạt giống xấu kia cũng đã thành hình !

Bạch Thế Tôn,

Đó chính là trường hợp của người trai lành gái tốt đã thọ trì và đọc tụng kinh này mà vẫn bị người chung quanh khinh thị vậy. Bởi vì quả xấu trót đã sinh !

Tuy vậy, quả xấu đã được giảm trừ nhiều. Thay vì, do ác nghiệp đã tạo, người kia phải bị đọa vào cảnh giới ngạ quỷ, súc sinh hay địa ngục, nhưng mà chỉ phải thọ lãnh thứ ác báo là bị người khinh thị. Có thể xem như là thứ ác báo

kia khi ghép vào thiện báo nọ mà được giảm trừ đi rất nhiều vậy.

Bạch Thế Tôn,

Do thọ trì và đọc tụng kinh này mà người kia tu được hạnh nhẫn nhục ba-la-mật. Ấy là thọ lãnh hoàn toàn quả báo do ác nghiệp đã tạo – không chút phản kháng, không chút than van. Ác nghiệp vì thế, như sóng biển tan trên bãi cát phẳng, được giải trừ, năng lượng quả báo đến đây tan rã hết.

Bạch Thế Tôn,

Đến đây thì quả báo của thiện nghiệp phát huy đầy đủ tác dụng. Người thọ trì và đọc tụng kinh này thành tựu được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Ấy là quả vị tối cao. Bởi có sao? Bởi vì quả báo của kinh này vốn là không thể nghĩ bàn !

Bạch Thế Tôn,

Người dạy: nghĩa lý kinh này không thể nghĩ bàn. Và quả báo của kinh này không thể nghĩ bàn. Con nay hiểu như vậy.

Bởi có sao? Bởi vì việc “nghĩ bàn” chốn nhân gian được xây dựng trên những khái niệm trừu tượng. Những khái niệm này không có thực chất, chỉ như là những phản ánh trống rỗng và chết khô! Vậy mà, thật khổ, sự hiểu biết chốn nhân gian được xây dựng trên những khái niệm đó và những nghĩ bàn đó. Đức Phật gọi đó là “vô minh” vậy!

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy. Con hiểu rằng đạo mầu của Thế Tôn thực tinh tế cao sâu không thể nắm bắt bằng cách nghĩ bàn thường quen, mà chỉ có thể tiếp cận bằng cách chăm chỉ lắng nghe diệu cảm.

Bạch Thế Tôn,

Con nay cũng hiểu rằng “không thể nghĩ bàn” cũng có nghĩa là huyền nhiệm, chỉ có thể tiếp cận được với cái tâm kính tín.

Vậy con nguyện kính cẩn lắng nghe !
 NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

KIM CANG DIỆU CẢM

Đoạn 17

CỨU CẢNH VÔ NGÃ

. Nguyên văn chữ Hán

究竟無我

爾時.須菩提白佛言.世尊.善男子.善女人.發阿耨多羅三藐三菩提心.云何應住.云何降伏其心.佛告須菩提.善男子.善女人.發阿耨多羅三藐三菩提心者.當生

如是心.我應滅度一切眾生.滅度一切眾生已而無有一眾生實滅度者.何以故.須菩提若菩薩有我相.人相眾生相壽者相則非菩薩.所以者何.須菩提.實無有法.發阿耨多羅三藐三菩提心者.須菩提.於意云何.如來於然燈佛所.有法得阿耨多羅三藐三菩提不.不也.世尊.如我解佛所說義.佛於然燈佛所.無有法得阿耨多羅三藐三菩提.佛言.如是.如是.須菩提.實無有法.如來得阿耨多羅三藐三菩提.須菩提.若有法如來得阿耨多羅三藐三菩提者.然燈佛即不與我授記.汝於來世當得作佛.號釋迦牟尼.以實無有法.得阿耨多羅三藐三菩提.是故然燈佛與我授記.作是言.汝於來世.當得作佛.號釋迦牟尼.何以故.如來者.即諸法如義.若有人言.如來得阿耨多羅三藐三菩提.須

菩提.實無有法.佛得阿耨多羅三藐三菩提.須菩提.如來所得阿耨多羅三藐三菩提.於是中無實無虛.是故如來說一切法.皆是佛法.須菩提.所言一切法者.即非一切法.是故名一切法.須菩提.譬如人身長大.須菩提言.世尊.如來說人身長大.則為非大身.是名大身.須菩提.菩薩亦如是.若作是言.我當滅度無量眾生.則不名菩薩.何以故.須菩提.實無有法.名為菩薩.是故佛說.一切法.無我無人無眾生無壽者.須菩提.若菩薩作是言.我當莊嚴佛土.是不名菩薩.何以故.如來說莊嚴佛土者.即非莊嚴.是名莊嚴.須菩提.若菩薩通達無我法者.如來說名真是菩薩.

. Phiên âm Hán Việt
 CỨU CẢNH VÔ NGÃ.

Nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm? Phật cáo Tu-bồ-đề: Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả, đương sanh như thị tâm, ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sanh, diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ ni vô hữu nhất chúng sanh thật diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ-tát. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả. Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở,

vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Phật ngôn: Như thị, như thị! Tu-bồ-đề, thật vô hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhược hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, Nhiên Đăng Phật tác bất dữ ngã thọ ký: Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni. Dĩ thật vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni. Hà dĩ cố? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp Phật đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, ư thị trung, vô thật

vô hư, thị cố Như Lai thuyết: Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Tu-bồ-đề! Sở ngôn nhất thiết pháp giả tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp. Tu-bồ-đề! Thí như nhân thân trường đại.

Tu-bồ-đề ngôn: Thế Tôn! Như Lai thuyết nhân thân trường đại tác vi phi đại thân, thị danh đại thân.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát diệt như thị. Nhược tác thị ngôn: Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh, tức bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp danh vi Bồ-tát, thị cố Phật thuyết nhất thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tác thị ngôn: Ngã đương trang nghiêm Phật độ, thị bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm. Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát thông đạt vô ngã

pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị
Bồ-tát.

. Phiên bản tiếng Việt
VÔ NGÃ RỐT RÁO

Khi ấy Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:
Bạch Thế Tôn, nếu như có người trai
lành hay gái tốt phát tâm vô thượng
chánh đẳng chánh giác thì người ấy nên
an trụ tâm như thế nào, và hàng phục tâm
như thế nào ?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

Người trai lành hoặc gái tốt phát tâm vô
thượng chánh đẳng chánh giác đó nên
phát tâm như thế này: Ta nên diệt độ tất
cả chúng sinh. Đã diệt độ tất cả chúng
sinh nhưng thật ra không có chúng sinh
nào được diệt độ.

Bởi có sao ? Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát
mà có tướng ngã, tướng nhân, tướng

chúng sinh, tướng thọ giả thì không phải là Bồ Tát.

Bởi có sao ? Này Tu Bồ Đề, bởi vì vốn không có Pháp chi để được chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác cả !

Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Như Lai khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng có được Pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác không ?

- Bạch Thế Tôn: không có ! Theo chỗ con hiểu lời Phật dạy thì khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng trước kia, Như Lai không có được Pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác chi cả !

Phật nói: Như vậy ! Như vậy ! Này Tu Bồ Đề, thật ra thì không có Pháp chi theo đó Như Lai chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác cả !

- Này Tu Bồ Đề, nếu như có Pháp theo đó Như Lai được vô thượng chánh đẳng

chánh giác thì Phật Nhiên Đăng hẳn đã không thọ ký cho ta: “Ông về sau sẽ thành Phật, danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni”.

Bởi chẳng có Pháp chi mà được vô thượng chánh đẳng chánh giác nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta: “Ông về sau sẽ thành Phật, danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni”.

Bởi có sao ? Bởi vì nói Như Lai tức là nói về Tính Như của vạn pháp.

Nếu như có người nói Như Lai được Pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác

...

Này Tu Bồ Đề, thật ra không có Pháp Phật được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Tu Bồ Đề, chỗ Như Lai chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác đó không thật cũng không hư.

Bởi vậy Như Lai nói rằng: Tất cả các Pháp đều là Phật Pháp.

Này Tu Bồ Đề, chỗ mà Như Lai nói là tất cả các Pháp đó không phải là tất cả các Pháp, chỉ tạm gọi là tất cả các Pháp.

Này Tu Bồ Đề, giả sử như có một người có thân lớn ...

Tu Bồ Đề nói: Bạch Thế Tôn, thân lớn mà Thế Tôn nói đó chẳng phải lớn, chỉ tạm nói là thân lớn.

- Này Tu Bồ Đề, bậc Bồ Tát thì cũng thế. Nếu một vị Bồ Tát nói rằng ta nên diệt độ vô lượng chúng sinh thì không thể gọi đó là một vị Bồ Tát.

Bởi có sao ? Này Tu Bồ Đề, bởi vì không có Pháp nào có tên gọi là Bồ Tát. Vì thế Phật nói rằng tất cả các Pháp đều không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Này Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nói rằng ta nên làm trang nghiêm cõi Phật thì không thể gọi đó là một vị Bồ Tát.

Bởi có sao ? Bởi vì Phật nói làm trang nghiêm cõi Phật thì chẳng phải là làm trang nghiêm.

Này Tu Bồ Đề ! Nếu một vị Bồ Tát thấu đáo Pháp vô ngã thì Như Lai nói rằng vị ấy đúng là một vị Bồ Tát.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Trong đoạn kinh này có một số nội dung đã được Đức Phật thuyết giảng rồi. Bây giờ lặp lại, bởi có sao ?

Một số nhà luận giảng giải thích: Đức Phật vì những người đến muộn mà lặp lại. Có phải thế không? Con không thể biết! Nhưng mà,

Bạch Thế Tôn,

Con nay được biết điều này: Con cảm tạ ơn Đức Phật vì những lời lặp lại đó. Bởi vì đối với con, những lời này vẫn là mới. Lời từ kim khẩu Người nói ra bây giờ đương nhiên là mới sánh với lời trước đây.

Mà cái nghe của con bây giờ đương nhiên là mới sánh với cái nghe của con khi đó. Có nghĩa rằng hiện thời con được hiểu lời Người nhiều hơn chỗ con đã hiểu.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy:

Người trai lành gái tốt kia khi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì đồng thời là phát nguyện độ tất cả chúng sinh. Ấy là phát nguyện tu Bồ Tát hạnh.

Thoạt tiên người ấy có tâm phân biệt “năng” và “sở” – “năng độ” và “sở độ”.

Rồi người đó thực hành Bồ Tát hạnh, quên mình, quên “năng” cùng “sở”

Người đó ngộ lý “vô ngã” và Như Lai nói rằng đó là một vị Bồ Tát.

Bạch Thế Tôn,

Bằng cách nào mà Bồ Tát không còn có cái thấy phân biệt “năng” với “sở” như vậy? Hẳn là có cái “Pháp” chi chằng? Hay là có cái Pháp để chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Về câu hỏi đó Thế Tôn đã trả lời là “không”. Không có cái Pháp tên gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Thế Tôn,

Con nay cũng hiểu sâu như vậy. Không thể có thứ Pháp nhất định như vậy – như thể là một thứ khuôn để khuôn đúc mọi người trong đó. Ấy là con nay cũng hiểu như lời trưởng lão Tu Bồ Đề đã nói giữa pháp hội trước đây: “Vốn không có

Pháp nhất định có tên là vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng như là không có Pháp nhất định để Như Lai thuyết”.

Bạch Thế Tôn,

Đức Phật vừa nói: “Không có Pháp Phật đặc vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Liên sau đó thì Người nói: “Chỗ Như Lai đặc vô thượng chánh đẳng chánh giác không thật cũng không hư”.

Có nghĩa là không có cái Pháp đó, mà cũng không phải là không có cái Pháp đó! Đức Phật nói như vậy tức là để ngăn ngừa cái bệnh “chấp” luôn rình rập. Khi nghe Đức Phật nói “có” cái Pháp đó thì nơi hành giả ắt sinh tâm “chấp có”; khi nghe Đức Phật nói là “không” có cái Pháp đó thì nơi hành giả ắt sinh tâm “chấp không” ! Đức Phật nói không thực cũng không hư là vì vậy.

Bạch Thế Tôn,

Con nay thâm hiểu rằng Đức Phật vốn đã bày ra nhiều Pháp để mở đường cho chúng sinh. Chẳng hạn như trước đây đã có nói rõ về Pháp bố thí ba-la-mật và Pháp nhẫn nhục ba-la-mật – cũng gọi là bố thí vô tướng và nhẫn nhục vô tướng. Rõ là những con đường theo đó người hành giả có cơ may chúng được thực tướng của “vô ngã”, cũng tức là thấu đáo Pháp vô ngã.

Bạch Thế Tôn,

Bố thí vô tướng và nhẫn nhục vô tướng đúng là những con đường, để được gọi là Phật Pháp. Tuy vậy, không phải chỉ có hai con đường đó. Trong “sáu ba-la-mật” thì còn có trì giới ba-la-mật, tinh tiến ba-la-mật, thiên định ba-la-mật, trí huệ ba-la-mật. Đều là những con đường. Đều là Phật Pháp.

Tuy vậy, không chỉ có thế. Chỉ mới là một số “phương tiện thiện xảo”. Ngoài ra thì còn nhiều phương tiện khác nữa. Rất nhiều, để có thể nói rằng “Tất cả các Pháp đều là Phật Pháp”.

Tuy vậy, xin được thêm một lần nói “tuy vậy”, Đức Phật sau đó lại nói tiếp: “Chỗ mà Như Lai nói là “tất cả các Pháp” đó không phải là tất cả các Pháp, chỉ tạm gọi là tất cả các Pháp”.

Bạch Thế Tôn,

Người thật là từ bi ! Người thật là trí huệ !

Và kinh Kim Cang cũng được gọi là « Kim Cang năng đoạn ».

Ấy là nói về năng lực phá chấp vậy !
 NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN

. Nguyên văn chữ Hán

一體同觀

須菩提.於意云何.如來有肉眼不.如是.世尊.如來有肉眼.須菩提.於意云何.如來有天眼不.如是.世尊.如來有天眼.須菩提.於意云何.如來有慧眼不.如是.世尊.如來有慧眼.須菩提.於意云何.如來有法眼不.如是.世尊.如來有法眼.須菩提.於意云何.如來有佛眼不.如是.世尊.如來有佛眼.須菩提.於意云何.如恆河中所有沙.佛說是沙不.如是.世尊.如來說沙.須菩提.於意云何.如一恆河中所有沙.有如是沙等恆河.是諸恆河所有沙數.佛世界如是.寧為多不.甚多.世尊.佛告須菩提.爾所國土中.所有眾生若干種心.如來悉知.何以故.如來說諸心.皆

為非心.是名為心.所以者何.須菩提.過去心不可得.現在心不可得.未來心不可得.

. Phiên âm Hán Việt

NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu nhục nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu thiên nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu tuệ nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu tuệ nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu pháp nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu pháp nhân.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhân phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Phật nhân.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai thuyết thị sa.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như nhất Hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng Hằng hà, thị chư Hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ?

- Thậm đa Thế Tôn!

Phật cáo Tu-bồ-đề: Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Quá khứ

tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc,
vị lai tâm bất khả đắc.

. Phiên bản tiếng Việt

XEM ĐỒNG MỘT THỂ

Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Như Lai có nhục nhãn không ?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có nhục nhãn.

- Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Như Lai có thiên nhãn không ?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có thiên nhãn.

- Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Như Lai có huệ nhãn không ?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có huệ nhãn.

- Nay Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Như Lai có pháp nhãn không ?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có pháp nhãn.

- Nay Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Như Lai có Phật nhãn không ?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có Phật nhãn.

- Nay Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Cát ở sông Hằng Như Lai có nói đó là cát không ?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai nói đó là cát.

- Nay Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Giả sử là tương ứng với mỗi hạt cát ở sông Hằng có một sông Hằng; lại tương ứng với mỗi hạt cát ở tất cả các sông Hằng đó có một

thế giới Phật. Như vậy thì có nhiều thế giới Phật không ?

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều !

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bao nhiêu tâm niệm của tất cả chúng sinh trong từng ấy thế giới Phật Như Lai đều biết hết.

Bởi có sao ? Bởi vì những thứ tâm đó Như Lai nói không phải là tâm.

Bởi có sao ? Này Tu Bồ Đề, bởi vì tâm quá khứ không thể nắm bắt; tâm hiện tại không thể nắm bắt; tâm vị lai không thể nắm bắt !

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Mở đầu đoạn kinh này, Thế Tôn nói về “ngũ nhãn”, tức là “năm mắt” nhưng có ý nghĩa là năm cấp bậc thấy biết cao thấp khác nhau.

.“Nhục nhãn”, tiếng Việt nay thường dịch là “mắt thịt”, trong thành ngữ “người phàm mắt thịt”.

.“Thiên nhãn” là mắt của chư thiên ở cõi trời, có khả năng thấy biết những hiện tượng siêu nhiên.

.“Huệ nhãn” là mắt trí huệ của bậc A La Hán, có khả năng thấy biết tính Không của vạn pháp.

.“Pháp nhãn” là mắt của bậc Bồ Tát, có thấy biết của Trung đạo, theo đó chân không cũng là diệu hữu.

.“Phật nhãn” là mắt Phật, thường thường thấy Chân Như Bản Tánh.

Bạch Thế Tôn,

Theo chỗ con nay được hiểu thì Người nói về mắt nhưng thực ra không có nghĩa là mắt. Ấy là nói về khả năng thấy biết. Đó là những khả năng thấy biết từ bậc thấp đến bậc cao.

Thấp nhất là nhục nhãn của phàm phu, với khả năng thấy biết không vượt quá “lục trần” – sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Cao nhất là Phật nhãn của Phật, có khả năng thường thường thấy Chân Như Bản Tánh. Và “cao” ở đây có hàm ý là bao hàm và vượt lên cao hơn.

Bạch Thế Tôn,

Theo chỗ con hiểu thì những khả năng thấy biết đó quy kết lại thì chính là “tâm”.

Con cũng được học và biết rằng tâm chúng sinh và tâm Phật vốn không-hai. Tuy vậy, đó là nói về “thể”. Về phương diện “dụng” thì có thể biết rằng con đường vận động của tâm có khả năng kinh qua những cấp bậc có tên là “nhục nhãn”, “thiên nhãn”, “huệ nhãn”, “pháp nhãn” và “Phật nhãn”.

Và cũng có thể thấy rằng Phật nhãn bao quát tất cả vậy.

Bạch Thế Tôn,

Tiếp theo, Người nói về thế giới những chúng sinh nhiều như cát sông Hằng nhân lên số cát sông Hằng. Số chúng sinh trên từng ấy thế giới quả thật là vô lượng, vô biên! Và những tâm niệm không ngừng khởi lên ở từng ấy chúng sinh thì thật là nhiều đến vô số, vô lượng, vô biên !

Bạch Thế Tôn,

Tuy vậy, Người đều biết hết ! Biết rằng tất cả đều là “vọng tâm”. Chính vì đó là những vọng tâm cho nên Người đã nhắc nhở: “Những thứ tâm đó Như Lai nói không phải là tâm”. Đó không phải là tâm , nhưng luôn được thấy đó là tâm. Số tâm niệm đó là vô số, vô lượng vô biên cũng có nghĩa là vô số, vô lượng vô

biên màu và vẻ, nhưng cũng thường thấy là được tập hợp thành ba nhóm: quá khứ tâm, hiện tại tâm, vị lai tâm.

Bạch Thế Tôn,

Con nay cũng hiểu rằng quá khứ, hiện tại và vị lai vốn không thực. Đó chẳng qua là những tạo tác của tâm thức. Chúng được tạo tác để hình thành những tâm niệm vốn như những cái bóng lướt qua. “Hình thành” để giữ lại. Mà giữ lại là do bệnh cố bám của tâm !

Tâm niệm cũng là vọng. Quá khứ, hiện tại, vị lai cũng là vọng. “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc” là vì vậy ! Có gì đâu để mà đắc hay được ! Chỉ là như những mộng, ảo, bọt, bóng ! Vậy thì cái gì là thực ? Hay là cái mà chỉ Phật nhãn mới thấy ? Ấy là cái Chân Như Tự Tánh ở bên kia ngón tay chỉ đó chẳng?

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT !

Đoạn 19

PHÁP GIỚI THÔNG HÓA

. Nguyên văn chữ Hán

法界通化

須菩提.於意云何.若有人滿三千大千世界七寶以用布施.是人以是因緣得福多不.如是.世尊.此人以是因緣得福甚多.須菩提.若福德有實.如來不說得福德多以福德無故.如來說得福德多.

.Phiên âm Hán Việt

PHÁP GIỚI THÔNG HÓA

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược hữu nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo,

dĩ dụng bổ thí, thị nhân dĩ thị nhân duyên
đắc phước đa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Thử nhân dĩ thị nhân
duyên đắc phước thậm đa.

- Tu-bồ-đề! Nhược phước đức hữu thật,
Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa, dĩ
phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc
phước đức đa.

. Phiên bản tiếng Việt
PHÁP GIỚI ĐỘ KHẮP

Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Nếu có
người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại
thiên thế giới đem ra bổ thí thì do nhân
duyên ấy có được phước đức nhiều
không ?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy ! Do nhân
duyên ấy mà được phước đức rất nhiều

- Nay Tu Bồ Đề, nếu phước đức có thật thì Như Lai không nói là được phước đức nhiều. Vì phước đức là “không” nên Như Lai nói là được phước đức nhiều..

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Thế thường chúng con từng chiêm nghiệm luật nhân quả mà thấy ra rằng “làm lành thì được phước”. “Phước” đó có thể có nhiều hình thức. Chẳng hạn như dưới hình thức tai qua nạn khỏi. Hoặc là dưới hình thức những thứ lợi lộc như khỏe mạnh, sang giàu. Việc thiện càng lớn thì phước báo càng lớn. Thứ phước báo đó là sự kiện dễ thấy, dễ tin. Và đức tin đó đã ăn sâu vào tâm thức loài người. Hầu như ai cũng tin rằng phước đức đó là điều có thực.

Bồ thí, đứng hàng đầu trong lục ba-la-mật, là điều thiện lớn. Huống chi nếu của cải đem ra bồ thí là bảy báu chất đầy cả tam thiên đại thiên thế giới ! Phước đức phát sinh hẳn là lớn vô cùng ! Nhiều vô cùng ! Do đó mà khi Thế Tôn hỏi:

- Có nhiều không ?

Ngài trưởng lão Tu Bồ Đề thành thật đáp, không phải nghĩ ngợi gì:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều !

Tuy vậy, lời dạy của Thế Tôn tiếp theo đó cho thấy rằng thứ phước đức mà đại chúng thường biết đó là thứ “phước đức hữu tướng”, có thể đo lường, thụ hưởng, nghĩ bàn được. Thứ phước đức “hữu tướng”, mà thế thường thấy là “có thật” đó cũng là thứ phước đức mà ngài trưởng lão nói là “rất nhiều”.

Tuy vậy Như Lai không nói đó là lớn, hay nhiều. Bởi có sao ?

Bạch Thế Tôn,

Theo chỗ con nay được hiểu thì Thế Tôn còn chỉ ra một thứ phước đức khác hơn thứ phước đức người đời thường biết. Ấy là “phước đức vô tướng”.

Sao gọi là phước đức vô tướng? Ấy là thứ phước đức không bị chấp là “phước đức”. Chấp với cái tâm mong cầu. Mong cầu “làm phước được phước”. Như là bố thí để cầu được phước vậy.

Phước đức vô tướng không hàm ngụ cái tâm mong cầu đó. Cũng gọi là “không phước đức”. Là không chấp có phước đức. Nghĩa là sao ? Chẳng hạn như khi Bồ Tát bố thí mà không thấy có người bố thí, không thấy có người thọ thí, không thấy có vật đem ra bố thí. Ấy là bố thí như là không bố thí. Vậy thì đâu có mong cầu phước đức cho ai ! Tức là không mong cầu phước đức hữu tướng.

Bồ Tát bồ thí như không bồ thí. Như thể trắng lên trên đỉnh núi. Như gió mát trên sông!

Gọi là “phước đức” thì quả là không ngoa ! Nhưng mà không của ai, cũng không vì ai ! Vì vậy nên cũng có thể gọi là “không phước đức”. Nó không thể đo lường được, không đong đếm được, không nghĩ bàn được. Gọi là “không phước đức” là vì thế chẳng ? Cũng vì không thuộc tướng, mà thuộc Tánh, nên cũng được gọi là “Tánh phước đức”.

“Không phước đức”, hay “Tánh phước đức”. Thứ phước đức này lớn thật, nhiều thật !

Bởi có sao? Bởi vì bản thể của “Không” vốn mênh mông! Bởi vì bản thể của “Tánh” vốn mênh mông!

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy !

Rằng “không phước đức” lớn thật,
 nhiều thật. “Lớn” và “nhiều” vô lượng.
 NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

Đoạn 20

LY SẮC LY TƯỚNG

. Nguyên văn chữ Hán

離色離相

須菩提.於意云何.佛可以具足色身見不.
 不也.世尊.如來不應以具足色身見.何
 以故.如來說具足色身.即非具足色身.
 是名具足色身.須菩提.於意云何.如來
 可以具足諸相見不.不也.世尊.如來不
 應以具足諸相見.何以故.如來說諸相具
 足.即非諸相具足.是名諸相具足.

. Phiên âm Hán Việt
 LY SẮC LY TƯỚNG

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?

- Phật dã Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?

- Phật dã Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc.

. Phiên bản tiếng Việt
 LÀ SẮC LÀ TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Có thể dựa vào sắc thân hoàn hảo mà thấy Phật không ?

- Bạch Thế Tôn, không ! Không thể dựa vào sắc thân hoàn hảo mà thấy Như Lai. Bởi có sao ? Bởi vì Như Lai dạy rằng sắc thân hoàn hảo tức chẳng phải là sắc thân hoàn hảo, chỉ tạm gọi là sắc thân hoàn hảo.

- Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Có thể dựa vào các tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không ?

- Bạch Thế Tôn, không ! Không thể dựa vào các tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai.

Bởi có sao ? Bởi vì Như Lai dạy rằng các tướng hoàn hảo tức chẳng phải là các tướng hoàn hảo, chỉ tạm gọi là các tướng hoàn hảo.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Qua những câu vấn đáp trên con hiểu như thế này. “Sắc thân” hay “các tướng” là chỉ về ngoại hình. Trong xã hội chúng con người ta cũng nói chung là “tướng”. Có những người chuyên môn, gọi là thầy tướng, dựa vào ngoại hình đó để thấy ra những đặc điểm tiềm ẩn bên trong như là tâm tính, số mạng sang hèn.

Từ cách thực hành như vậy, người ta đã đem ra áp dụng để mà “thấy” Như Lai.

Cách suy nghĩ và áp dụng như vậy thực ra đã có điều lầm lẫn. Bởi có sao ? Bởi vì thầy tướng căn cứ vào tướng hiện để khám phá tướng ẩn. Thực vậy, khi thầy tướng nói khám phá ra tâm tính thì tâm tính cũng là “tướng”. Cũng thế, tư

cách sang hèn cũng là “tướng”. Còn Như Lai thì còn hơn thế!

Bạch Thế Tôn,

Người đương thời đã thấy rằng Đức Phật, cũng là thái tử Tất Đạt Đa, có sắc thân tốt, cũng nói là sắc thân hoàn hảo. Và người ta nghĩ rằng Như Lai là như vậy. Nhưng Người đã cải chính, nói rằng sắc thân đó không phải là hoàn hảo đến độ có thể thấy là đồng nhất với Như Lai

Bạch Thế Tôn,

Về sắc thân được thấy là hoàn hảo nhưng thực sự là không hoàn hảo này về sau được các luận sư Đại Thừa gọi là “hóa thân”. Và hóa thân là hiện thân của Như Lai trước mắt đại chúng ở cõi trần này để giáo hóa chúng sinh. Cái sắc thân Phật, hay hóa thân Phật như vậy là hiện tướng của Như Lai trước mắt đại chúng ở cõi trần. Như Lai thì còn hơn thế!

Cũng do đó mà thấy ra rằng về bản chất thì sắc thân không thể nói là hoàn hảo. Vì vốn là “tướng”, chỉ là “tướng” ! Như Lai thì còn hơn thế!.

Bạch Thế Tôn,

Về các “tướng hoàn hảo” người ta thường nói đến “ba mươi hai tướng tốt” và “tám mươi vẻ đẹp” của Phật. Đức Phật nói rằng không thể dựa vào đó mà nghĩ là thấy Như Lai. Bởi có sao ? Bởi vì đó cũng không phải là “tướng hoàn hảo”. Cũng bởi vì tự bản chất, “tướng” vốn không hoàn hảo.

Bạch Thế Tôn,

Về “ba mươi hai tướng tốt” và “tám mươi vẻ đẹp” thì các luận sư gọi đó là đặc điểm của “báo thân”. Và báo thân là hiện thân của thiện nghiệp và giác ngộ.

Cũng không thể dựa vào báo thân mà nghĩ rằng đã thấy Như Lai. Bởi vì Như Lai thì còn hơn thế!

Bạch Thế Tôn,

Các luận sư khi thuyết về “ba thân”, ngoài hóa thân và báo thân còn đặc biệt nói đến “Pháp thân”. Pháp thân cũng có tên khác là “Chân Như”, là “Phật Tánh”. Đây là chỗ không dễ biết. Bởi vì thực chứng được Pháp thân có nghĩa là giác ngộ. Bậc giác ngộ nếu muốn chia sẻ tri kiến về Pháp thân thì cũng không thể nói năng, bởi vì Pháp thân thuộc lĩnh vực vô ngôn.

Loanh quanh một cách triết lý thì tạm nói vài lời thế này: Nếu hóa thân và báo thân là “tướng” thì Pháp thân là “Tánh”. Pháp thân là thể Tánh, vô tướng, ở tận đầu nguồn của vạn pháp. Pháp thân là chỗ không thể nói, không thể diễn giải,

không thể nghĩ bàn. Pháp thân là chỗ đầu nguồn huyền nhiệm không tên.

Và Như Lai bao gồm cả ba thân Phật: Pháp thân, báo thân và hóa thân.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy. Hiểu như vậy rồi trong con luôn có cái tâm chí thành kính tín. Chí thành kính tín đối với Như Lai vô ngôn và huyền nhiệm không thể nghĩ bàn !

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 21

PHI THUYẾT SỞ THUYẾT

. Nguyên văn chữ Hán
非說所說

須菩提.汝勿謂如來作是念.我當有所說法.莫作是念.何以故.若人言如來有所說法.即為謗佛.不能解我所說故.須菩提.說法者.無法可說.是名說法.爾時.慧命須菩提白佛言.世尊.頗有眾生.於未來世.聞說是法.生信心不.

佛言.須菩提.彼非眾生.非不眾生.何以故.須菩提眾生眾生者.如來說非眾生.是名眾生.

. Phiên âm Hán Việt

PHI THUYẾT SỞ THUYẾT

Tu-bồ-đề! Nhữ vật vị Như lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết pháp, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu-bồ-đề! Thuyết pháp giả, vô pháp khả

thuyết, thị danh thuyết pháp. Nhĩ thời
 Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế
 Tôn! Phả hữu chúng sanh ư vị lai thế,
 văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?
 Phật ngôn: Tu-bồ-đề! Bĩ phi chúng sanh,
 phi bất chúng sanh. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề!
 Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai
 thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng
 sanh.

. Phiên bản tiếng Việt

KHÔNG PHÁP ĐƯỢC THUYẾT

Này Tu Bồ Đề, thầy chớ nói rằng Như
 Lai từng nghĩ: Ta nên thuyết Pháp. Thầy
 chớ nghĩ như vậy.

Bởi có sao ? Bởi vì nếu có ai nghĩ như vậy thì tức là người ấy phỉ báng Phật và không hiểu được lời Phật dạy.

Này Tu Bồ Đề, nói là thuyết Pháp nhưng thật ra không có Pháp chi để thuyết, chỉ tạm gọi là thuyết Pháp.

Lúc bấy giờ ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, chúng sinh thời vị lai nghe Pháp này có khởi phát tín tâm không ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề, đó chẳng phải là chúng sinh, cũng chẳng phải không là chúng sinh.

Bởi có sao ? Này Tu Bồ Đề, những chúng sinh đó Như Lai nói chẳng phải là chúng sinh, chỉ tạm gọi là chúng sinh.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,
 Chỗ Thế Tôn dạy về “thuyết Pháp”
 con nay hiểu như vậy.

Ấy là: Pháp thì không thể thuyết được.
 Bởi có sao ? Bởi vì “thuyết” là nói bằng
 lời. Vậy mà Pháp vốn thuộc cảnh giới
 “vô ngôn”, có nghĩa là bên trên lời. Có
 nghĩa là không lời nào nói cho tỏ tường,
 cho chính xác và rõ ràng được.

Bạch Thế Tôn,
 Vì thấy rõ, vì trải nghiệm điều này cho
 nên Phật giáo Thiên Tông sau này đã
 “bất lập văn tự” mà “dĩ tâm truyền tâm”
 – tức là không sử dụng ngôn từ, lấy tâm
 trực tiếp truyền sang tâm. Đây chính là
 cách mà Thế Tôn đã thực hiện được với
 ngài Ma Ha Ca Diếp trong sự kiện gọi là
 “niêm hoa vi tiếu”. Phật cầm cành hoa,
 thấy diệu Pháp thị hiện đầy đủ trên đóa
 hoa, nhưng không nói thành lời được, do

đó mà mỉm cười. Ngài Ma Ha Ca Diếp trực tiếp hiểu mật ý _ cũng là “vô ý” _ tự nhiên mà mỉm cười !

Bạch Thế Tôn,

Con nay mừng tượng là Thế Tôn đã thấy chiếc hoa kia mỉm cười ! Chiếc hoa ấy mỉm cười mà thị hiện trọn vẹn huyền vi của vũ trụ. Và Thế Tôn đã thấy nụ cười đó, và tự nhiên Người mỉm cười. Nụ cười của Thế Tôn phản ánh nụ cười của hoa. Ngài Ma Ha Ca Diếp thấy, tự nhiên trên môi nở nụ cười ! Nụ cười của Ma Ha Ca Diếp phản ánh nụ cười của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn,

Dù sao, trong thực tế nhân tiền thì Thế Tôn đã “thuyết Pháp” trong những 49 năm. Tuy vậy, con nay cũng biết rằng Người đã “phương tiện” dùng lời thuyết Pháp. Con hiểu rằng Người đã thuyết nhưng “Pháp” không chứa đựng trong

“thuyết”/lời. Thuyết/lời giống như ngón tay chỉ; Pháp thì như thể ở xa, xa mãi như mặt trăng kia ở mãi tận chân trời ! Đễ khi người hành giả có đủ cơ duyên thì sẽ thấy ! Như vị hành giả nọ đã thấy và diễn tả thật tài tình:

“Hốt phùng thiên đễ nguyệt” !

(Đột ngột thấy trăng lên ở chân trời !)

Bạch Thế Tôn,

Vả lại, về một phương diện khác thì vốn không hề có một Pháp nhất định đễ Như Lai “thuyết”. Chỉ là “tùy duyên” mà “phương tiện” đễ người bằng lời này, lời khác vậy thôi! Chẳng những không có lời nhất định mà cũng không có Pháp nhất định vậy.

Bạch Thế Tôn,

Con đợc biết rằng “Huệ Mạng” là một tên riêng của ngài Tu Bồ Đề, có ý chỉ về người thông tuệ. Ngài Tu Bồ Đề

nghe Pháp Đức Phật thuyết mà khởi tín tâm. Thế rồi do lòng từ bi mà ngài nghĩ đến chúng sinh thời vị lai. Do đó mà hỏi:

- Bạch Thế Tôn, chúng sinh thời vị lai khi nghe Pháp này có khởi phát tín tâm không?

Bạch Thế Tôn,

Con nay tưởng chừng cảm nhận chỗ thấy của Thế Tôn khi nghe câu hỏi đó. Thế Tôn thấy chỗ vướng mắc của ngài Tu Bồ Đề: Ngài Tu Bồ Đề còn có chỗ chấp tướng. Ấy là chấp “chúng sinh tướng”. Cũng tức là còn có cái tâm phân biệt thánh phàm. Do đó mà Đức Phật nhắc nhở:

- Nay Tu Bồ Đề, những chúng sinh Như Lai nói đó chẳng phải là chúng sinh, chỉ tạm gọi là “chúng sinh”.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu ý của Thế Tôn là như vậy. Hiểu rằng “chúng sinh” là danh tạm gọi, không thể chấp vào danh gọi đó mà sinh tâm phân biệt hai bên – bên thánh bên phàm, hoặc bên Phật bên chúng sinh. Nói cách khác thì trong thực tế giữa chúng sinh và Phật vốn không có ranh giới cứng nhắc. Chỉ là khi đang mê thì tạm gọi đó là “chúng sinh”; chợt “ngộ” thì tạm gọi đó là “Phật”.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy ! Hiểu rằng nơi gọi là “chúng sinh” vốn có chủng tử Phật Tánh và do đó vốn thông với Phật Pháp.

Con cũng hiểu rằng trong hàng “chúng sinh” vốn có những bậc “thượng căn nhân”. Những bậc này vốn có “đại trí căn” để tiếp nhận Phật Pháp Đại Thừa

Và con cũng hiểu rằng chúng ngộ Phật Pháp thì giống như là về nhà. Và “về

nhà” là con đường mọi « chúng sinh”
đương nhiên là sớm muộn gì rồi cũng sẽ
phải đi!

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 22

VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC

. Nguyên văn chữ Hán

無法可得

須菩提白佛言.世尊.佛得阿耨多羅三藐
三菩提.為無所得耶.佛言.如是.如是.須
菩提.我於阿耨多羅三藐三菩提.乃至無
有少法可得.是名阿耨多羅三藐三菩提

. Phiên âm Hán Việt

VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phật đấng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, vi vô sở đắc da?

Phật ngôn: Như thị, như thị! Tu-bồ-đề! Ngã ư A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

. Phiên bản tiếng Việt
KHÔNG PHÁP ĐỀ ĐƯỢC

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Phật chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác; điều đó có nghĩa rằng Phật không được gì sao ?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy ! Này Tu Bồ Đề, về vô thượng chánh đẳng chánh giác ta chẳng được chỉ một chút Pháp

nào. Như vậy gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Trong tín ngưỡng dân gian chúng con thường nói với nhau về sự kiện “Phật đắc đạo”, hoặc “Thích Ca thành đạo”. “Đắc” có hàm ý là được một cái gì đó mà trước đó không có. “Thành” có hàm ý là trở thành _ từ phàm phu mà trở thành Phật. Và “vô thượng chánh đẳng chánh giác” là chỗ được, hoặc chỗ trở thành cao quý nhất.

Vốn có xu hướng hướng thượng, nhiều người có phát tâm cao thượng: phát tâm tu hành nhắm về mục đích “đắc đạo”, và ngay cả “thành Phật”.

Tham dự Pháp hội từ đầu đến đây ngài Tu Bồ Đề như đã vỡ lẽ rằng chúng đắc quả vị “vô thượng chánh đẳng chánh giác” nghĩa là không được cái gì cả ! Tuy vậy, ngài trưởng lão đáng kính vẫn còn chút hoài nghi về cái thấy của mình cho nên đã đặt câu hỏi kia. Và Đức Phật đã xác nhận rằng cái thấy đó của trưởng lão là đúng:

- Đúng vậy, đúng vậy !

Bạch Thế Tôn,

Theo chỗ chúng con được nghe trước đây thì việc “Phật đắc đạo” hay “Thích Ca thành đạo” đã là những sự kiện hiển nhiên, không có vấn đề gì để suy đi xét lại. Vậy mà nay nghe lời dạy của Thế Tôn chợt có cảm giác như bừng tỉnh sau cơn mê dài! Tỉnh ra mà thấy rằng Phật không được gì và Phật cũng không thành đạo!

Bạch Thế Tôn,

Con nay thấy ra rằng lời dạy của Thế Tôn thật quan trọng xiết bao ! Hiểu như vậy rồi thì ắt nơi tâm người hành giả rơi rụng đi cái tâm vọng cầu. Cầu “được” và cầu “trở thành”. Bởi vì thực ra không có gì để “được”, cũng như không có Phật nào để “trở thành” ! Hành giả nên hiểu như vậy. Và hơn nữa, hành giả phải tin như vậy.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy. Hiểu rằng không có gì để “được”, cũng như không có Phật nào để “thành”.

Chỉ có mỗi một việc: thức tỉnh cái Bản Tâm, hay Bản tánh.

Mà “Bản tánh” thì là gì ?

Bạch Thế Tôn,

Con chợt nhớ ra một câu thật quan trọng trong Kinh Bồ Tát Giới:

Ngã Bôn Tánh nguyên tự thanh tịnh.

(Bôn Tánh của ta vốn tự nhiên thanh tịnh.)

Tiếp nối lời kinh đó Lục Tổ Huệ Năng đã có Thiên Pháp:

Ư niệm niệm trung tự kiến Bôn Tánh thanh tịnh.

(Trong từng niệm luôn thấy Bôn Tánh thanh tịnh nơi mình.)

Bạch Thế Tôn,

Con nay kính căn nguyện cầu tất cả chúng sinh thấy được “Bôn Tánh thanh tịnh” đó.

NAM MÔ BÔN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 23

TỊNH TÂM HÀNH THIỆN

. Nguyên văn chữ Hán

淨心行善

復次.須菩提.是法平等.無有高下.是名阿耨多羅三藐三菩提.以無我無人無眾生無壽者.修一切善法.則得阿耨多羅三藐三菩提.須菩提.所言善法者.如來說即非善法.是名善法.

. Phiên âm Hán Việt

TỊNH TÂM HÀNH THIỆN

Phục thứ Tu-bồ-đề! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả tu nhất thiết thiện pháp tác đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

.Phiên bản tiếng Việt
TỊNH TÂM LÀM LÀNH

Lại nữa, này Tu Bồ Đề, Pháp này bình đẳng, không phân biệt cao thấp, danh gọi vô thượng chánh đẳng chánh giác. Là các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả và tu tất các pháp lành thì đắc Pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Tu Bồ Đề, chỗ nói là Pháp lành đó Như Lai bảo rằng chẳng phải là Pháp lành, chỉ tạm gọi là Pháp lành.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Trước đây Thế Tôn từng dạy: “không có Pháp để thuyết” và “không có Pháp để được”. Cũng là nói về “Pháp” ấy.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu rằng điều ấy không có nghĩa là Pháp kia không có. Con hiểu rằng Pháp kia không lời nào nói hết. Và Pháp kia không phải là cái sở đắc của riêng ai.

Nay Thế Tôn dạy thêm: Pháp ấy bình đẳng, không phân biệt cao thấp, được gọi tên là “vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Thế nhưng “bình đẳng, không phân biệt cao thấp” thì có nghĩa là sao ?

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu rằng sở dĩ nói là “bình đẳng và không phân biệt cao thấp” là vì thực ra chỉ có một Pháp đó mà thôi. Ví như người ta có thể tưởng tượng ra Hằng

hà sa số nhân lên Hằng hà sa số lần những tia nắng mặt trời nhưng mà khả năng sưởi ấm và khả năng soi sáng của những tia ấy không có hơn kém. Bởi có sao ? Bởi vì nói cho rõ ra thì vô số tia nắng kia chỉ là một mặt trời với toàn thể và đại dụng.

Pháp kia thì cũng vậy. Chỉ là cái Pháp ấy, tạm gọi tên là “vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Bạch Thế Tôn,

Thế Tôn còn dạy: “Tu các Pháp lành thì đắc Pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Nghe lời dạy đó mà con chợt thấy ra như vậy.

Do lý “vô sở đắc” hoặc “vô Pháp khả đắc” mà con hiểu chữ “đắc” Thế Tôn vừa dạy không có nghĩa là được thêm một cái gì để làm sở hữu. “Đắc” ở đây cũng giống như người được mặt trời sưởi

âm và soi sáng ! “Đắc” Pháp “vô thượng chánh đẳng chánh giác” thì có nghĩa là thông với Pháp, thuận với Pháp, hòa nhập với Pháp đó.

Bạch Thế Tôn,

Trên đây là cách con được hiểu về chữ “đắc”. Nay con xin được hiểu thêm về “vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Chữ chính là “giác”. Và “giác” là giác ngộ Bốn Tánh.

“Giác ngộ Bốn Tánh” nói theo Thiên học đời sau thì là “thấy Tánh”.

“Thấy” thì biết “Tánh” ấy thế nào ?

Bạch Thế Tôn,

“Tánh” đã được nói trong kinh Bồ Tát Giới :

Ngã Bốn Tánh nguyên tự thanh tịnh.

(Bốn Tánh ta vốn tự nhiên thanh tịnh)

Ấy là Bốn Tánh của Bồ Tát.

Và hạnh của Bồ Tát ở chỗ luôn luôn thấy Bản Tánh thanh tịnh đó.

Qua đó con tưởng chừng hiểu được chỗ mà Thế Tôn bảo là “Pháp lành”. Có phải là “Pháp lành” cốt ở “Tánh thanh tịnh” ? Từ đó có thể xem đây là những “Pháp lành”

- Thanh tịnh tam nghiệp, gồm thanh tịnh thân, khẩu, ý.

- Thanh tịnh tam độc, gồm thanh tịnh ba độc tham, sân, si.

Bạch Thế Tôn,

Và con cũng chợt hiểu ra rằng nếu những điều kể trên được xem như là “Pháp lành” thì những “Pháp lành” này chỉ nên được xem như những Pháp tướng, tức là những chiếc bè. Khi đã sang bờ bên kia rồi thì hẳn là không còn có Pháp tướng nào để tu nữa !

Đó là chỗ kinh nói: “Chỗ nói là Pháp lành đó Như Lai bảo rằng chẳng phải là Pháp lành, chỉ tạm gọi là Pháp lành.”

Đến lúc ấy thì giống như lời một Thiên sư nói:

“Thảnh thơi bơi lội trong biển Thiên” !

“Biển Thiên” đó cũng có tên là “biển cả tâm Phật đại bi” !

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy !

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 24

PHƯỚC TRÍ VÔ TỈ

. Nguyên văn chữ Hán

福智無比

須菩提.若三千大千世界中.所有諸須彌山王.如是等七寶聚.有人持用布施.若人以此般若波羅蜜經.乃至四句偈等.受持.讀誦.為他人說.於前福德.百分不及一.百千萬億分.乃至算數譬喻所不能及

.

. Phiên âm Hán Việt

PHƯỚC TRÍ VÔ TỈ

Tu-bồ-đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung sở hữu chư Tu-di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ, hữu nhân trì tụng bố thí. Nhược nhân dĩ thử Bát-nhã ba-la-mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì độc tụng, vị tha nhân thuyết, ư tiền phước đức bách phần bất cập nhất, bách

thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ
sở bất năng cập.

. Phiên bản tiếng Việt

PHƯỚC TRÍ KHÔNG SÁNH

Này Tu Bồ Đề,

Nếu có người đem ra bố thí bảy báu chất
cao như tất cả các núi Tu Di trong tam
thiên đại thiên thế giới;

Mặt khác, nếu có người thọ trì, đọc tụng
kinh Bát-nhã ba-la-mật này cho đến
những tứ cú kệ rồi đem ra diễn giải cho
người khác;

Như vậy thì phước đức của người bố thí
kia không bằng một phần trăm, một phần
ngàn, một phần vạn, một phần ức phước
đức của người trì kinh kia.

Ấy bởi vì phước đức của hai loại hành vi này không thể đem ra tính toán mà so sánh được.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Đọc những lời trên của Thế Tôn con lại chột tỉnh một cơn mê ! Kinh ngạc mà tự hỏi: Trời ơi, sao mà tự bao đời rồi nhân loại mãi cứ tôn quý “bảy báu” ! Liệu có mật ý gì bên trong ? Hẳn là không phải vậy ! Bởi có lần con đã có cái may đọc lời Đức Phật:

“Ta xem những kho vàng và châu ngọc như những viên gạch và những hòn sỏi.”

Bạch Thế Tôn,

Con nay đã hiểu sâu như vậy mà có cảm giác giật mình !

Nay lại thử hỏi: Nếu như việc bố thí “bảy báu chất đầy tất cả các núi Tu Di trong tam thiên đại thiên thế giới” kia là có thực thì những người nhận bảy báu kia thực sự được gì ? Hay là chỉ được lòng tham báu vật được khơi dậy, và lòng tham chấp thêm kiên cố ? Và nếu thế thì phải chăng việc bố thí kia chỉ có giá trị âm ? Và về “phước đức” thì hẳn là cũng thế ! Tạm gọi là “phước đức âm”!

Tương phản là việc thọ trì và đọc tụng kinh Bát-nhã ba-la-mật. Thọ trì và đọc tụng kinh để mà thấy ngày càng phát sinh trí huệ. Chẳng hạn như hôm nay con có trí huệ để thấy giá trị âm của “bảy báu”.

Bạch Thế Tôn,

Không những chỉ có thế ! Khi thọ trì và đọc tụng kinh Bát-nhã ba-la-mật con còn thấy ra rằng thông thường thì người ta sống và ứng xử theo sự khuôn định của

những “khái niệm”. Và cái gọi là “tư duy” thì chẳng qua là cố gắng của cái trí để liên kết các khái niệm lại với nhau. Thì ra là vậy. Đòi lại cái thực thì người ta cố nắm bắt cái bóng _ cái bóng “khái niệm”. Dù rằng cái bóng đó có phản ánh cái thực, thế nhưng sự phản ánh đó bất toàn xiết bao ! Và chứa đựng tất cả những mê lầm có tên gọi là “vô minh”!

Bạch Thế Tôn,

Khi đọc Kinh Bát-nhã con thấy ra điều đó.

Con nay nguyện cầu cho có nhiều người có đủ thiện căn, thiện duyên để được thọ trì và đọc tụng kinh Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật này để thường thường phát sinh trí huệ.

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 25

HÓA VÔ SỞ HÓA

. Nguyên văn chữ Hán

化無所化

須菩提.於意云何.汝等勿謂如來作是念
.我當度眾生.須菩提.莫作是念.何以故.
實無有眾生如來度者.若有眾生如來度
者.如來即有我人眾生壽者.須菩提.如
來說有我者.則非有我而凡夫之人以為
有我.須菩提.凡夫者.如來說則非凡夫.
是名凡夫.

. Phiên âm Hán Việt

HÓA VÔ SỞ HÓA

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Nhữ đặng vật vị
 Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ
 chúng sanh. Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm.
 Hà dĩ cố? Thật vô hữu chúng sanh Như
 Lai độ giả. Nhược hữu chúng sanh Như
 Lai độ giả, Như Lai tác hữu ngã, nhân,
 chúng sanh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai
 thuyết hữu ngã giả tác phi hữu ngã, nhi
 phạm phu chi nhân dĩ vi hữu ngã. Tu-bồ-
 đề! Phạm phu giả, Như Lai thuyết tác phi
 phạm phu, thị danh phạm phu.

.Phiên bản tiếng Việt
 HÓA KHÔNG CHỖ HÓA

Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Các thầy
 chớ nói rằng Như Lai có ý nghĩ này: Ta
 đang độ chúng sinh.

Này Tu Bồ Đề, chớ nghĩ như vậy. Bởi có sao ? Bởi vì thật ra không có chúng sinh nào được Như Lai độ. Nếu nói là độ, thì tức là Như Lai có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Này Tu Bồ Đề, Như Lai dạy rằng khi Như Lai nói về “ta” thì thực ra không có “ta”, nhưng mà kẻ phàm phu thì cho là có “ta”.

Này Tu Bồ Đề, về kẻ phàm phu, Như Lai dạy rằng đó chẳng phải là phàm phu, chỉ tạm gọi là phàm phu.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Trong tín ngưỡng của đại chúng thì ai nấy đều tin rằng Phật có năng lực cứu độ chúng sinh. Và đại chúng cũng biết rằng

Người đã rông rã bốn mươi chín năm thuyết pháp. Ấy là với tâm từ bi vô hạn Người đã tận tâm tận lực làm việc cứu độ chúng sinh. Thế nhưng trong đoạn này Thế Tôn dạy: Chớ nghĩ như vậy ! Chớ cho rằng Thế Tôn có ý nghĩ rằng Người độ chúng sinh !

Bạch Thế Tôn,

Người cũng đã giải thích lý do tại sao. Bởi vì nếu có ý nghĩ như vậy tức là Người đã chấp có người độ và người được độ, tức là chấp có năng độ và sở độ. Nói chung là chấp “ngã tướng”. Trong câu “Ta đang độ chúng sinh” thì năng độ là “Ta”, sở độ là “chúng sinh”. Thế Tôn vạch rõ: nói là “Ta” nhưng thực ra thì không có “Ta”; nói là “chúng sinh”/“phàm phu”, nhưng thực ra thì không phải là “chúng sinh”/“phàm phu”.

Bạch Thế Tôn,

Về chỗ “Ta” không thật thì con hiểu như vậy. Ấy là vì trong thế giới này, hoặc vũ trụ này không hề có cái gì đó là một thực thể độc lập và trước sau như một.

Thực vậy, hai tri kiến cơ bản mà Thế Tôn thường thuyết giảng là

- Chư pháp vô ngã
- Chư hành vô thường

Nói vắn tắt là “vô ngã” và “vô thường”.

Không có gì là độc lập. Tất cả là những mắt lưới trong một “mạng lưới duyên khởi”. Giữa những mắt lưới đó, trong chỗ tế vi, hầu như không có ranh giới, đến độ mọi toan tính tách mắt này ra khỏi mắt khác thì không thể không gây tổn thương !

Mạng lưới duyên khởi đó vận động liên tục, trong từng phút, từng giây, từng

sát-na, Do đó mà không có cái gì là “trước sau như một”!

Để diễn tả sự vận động, tức là đổi thay không ngừng đó, có người đã mượn hình tượng “bức tranh vân cầu”, xuất xứ từ hai câu thơ cổ:

Thiên thượng phù vân như bạch y,
Tu du hốt biến vi thương cầu.

(Mây nổi trên trời trông có hình áo trắng,
Phút chốc biến ngay thành hình chó
xanh.)

“Vô thường” là vậy !

Và khi đã ngộ lý “vô ngã” và “vô thường” như vậy rồi thì khái niệm về “cái ta” trở thành hư vọng và cảm nghiệm về “ta” trở thành mờ nhạt !

Bạch Thế Tôn,

Thế Tôn dạy: Kẻ “phàm phu”, vì chưa ngộ lý “vô ngã” và “vô thường” nên còn chấp “ta”. Tuy vậy, Thế Tôn cũng liền

cảnh giác ngay: kẻ gọi là phàm phu đó chẳng phải là phàm phu.

Ấy cũng là vì Thế Tôn muốn tránh cho thính chúng thói chấp khái niệm “phàm phu”. Bởi vì nếu dính mắc vào khái niệm “phàm phu” thì “phàm phu” là “phàm phu” ! Là tương phản với Phật. Tức là chấp tướng thánh - phàm hai bên vậy ! Thực ra thì không phải là như vậy. Thực ra thì thánh phàm không-hai. Chỗ khác nhau chỉ là giữa mê với ngộ. Đang mê thì là phàm phu. Chợt ngộ thì là Phật ! Khoảng cách mỏng như một sát-na !

Bạch Thế Tôn,

Người thật là tuyệt vời ! Con nay thấy rằng tri kiến này đã mở đường cho chúng sinh. Tri kiến này đã độ chúng sinh !

Tri kiến này đúng là một tin mừng !

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 26

PHÁP THÂN PHI TƯỚNG

. Nguyên văn chữ Hán

法身非相

須菩提.於意云何.可以三十二相觀如來
 不.須菩提言.如是.如是.以三十二相觀
 如來.佛言.須菩提.若以三十二相觀如
 來者.轉輪聖王即是如來.須菩提白佛言
 .世尊.如我解佛所說義.不應以三十二
 相觀如來.爾時.世尊而說偈言.若以色
 見我.以音聲求我.是人行邪道.不能見
 如來.

.Phiên âm Hán Việt

PHÁP THÂN PHI TƯỞNG

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập
 nhị tướng quán Như Lai phủ? Tu-bồ-đề
 ngôn: Như thị, như thị! Dĩ tam thập nhị
 tướng quán Như Lai. Phật ngôn: Tu-bồ-
 đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán
 Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh Vương
 tác thị Như Lai. Tu-bồ-đề bạch Phật
 ngôn: Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở
 thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị
 tướng quán Như Lai. Nhĩ thời Thế Tôn
 nhi thuyết kệ ngôn:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,
 Dĩ âm thanh cầu ngã,
 Thị nhân hành tà đạo,
 Bất năng kiến Như Lai.

.Phiên bản tiếng Việt
PHÁP THÂN KHÔNG TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Có thể dựa vào ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai không ?

Tu Bồ Đề thưa:

- Vâng, vâng ! Dựa vào ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề, nếu dựa vào ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai thì hóa ra Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao ?

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, theo chỗ con hiểu lời Phật dạy thì không thể dựa vào ba mươi hai tướng tốt mà thấy Như Lai.

Lúc ấy Thế Tôn đọc bài kệ :

Nếu do sắc thấy ta,
Do âm thanh cầu ta,

Thì là hành tà đạo,
 Không thể thấy Như Lai.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Theo như chỗ con học hỏi được thì “ba mươi hai tướng tốt” vốn là điều đã được khoa tướng học cổ truyền Ấn Độ từng nói đến, theo đó thì “ba mươi hai tướng tốt” là tướng của một vị minh quân hay một vị Phật. Nói chung thì đó là cực quý tướng.

Mà người đời thì vốn có bệnh chấp tướng. Đối với cực quý tướng thì sức chấp càng mạnh. Do đó mà khi nói về Đức Phật, hay Như Lai, người ta nghĩ ngay đến ba mươi hai tướng tốt. Cơ hồ như thể cái làm nên một vị Phật là ba mươi hai tướng tốt !

Đức Phật tỏ ra không phủ nhận chỗ mà khoa tướng học từng nói, cũng tức là chỗ mà người đời hằng tin. Người chỉ đơn giản muốn dạy thính chúng rằng “ Không thể dựa vào ba mươi hai tướng tốt mà thấy biết Như Lai”.

Lập luận của Thế Tôn khá đơn giản: Bởi vì Chuyển Luân Thánh Vương, vị vua trần thế, cũng có ba mươi hai tướng tốt !

Bạch Thế Tôn,

Tại Pháp hội này Người không tỏ bày cho biết là phải dựa vào đâu để thấy biết Như Lai. Con nay hiểu rằng ấy là Người ngầm để cho trong trí mỗi người khơi lên câu hỏi đó, và mỗi người sẽ phải giải đáp câu hỏi đó cho chính mình.

Con cũng tự hỏi: Tại sao Người không nói cho biết ? Và rồi con đã tự trả lời: Bởi vì đó là điều không thể nói và cũng

không thể biết ! Cũng là điều không thể nghĩ bàn ! Đó là điều phải tự chứng, tự ngộ !

Bạch Thế Tôn,

Con đã tự đặt câu hỏi đó, và tự hỏi thêm: điều mà không thể nói, không thể biết và cũng là không thể nghĩ bàn, ấy là điều gì vậy ?

Bạch Thế Tôn,

Điều ấy, vì những đặc điểm ấy, để tiện tiếp cận, con tạm gọi tên là cái “huyền nhiệm không tên”. Đó là chỗ tương phản với cảnh giới của mọi “tướng”. Nếu “tướng” chỉ về cảnh giới của cái hiển hiện thì cái “huyền nhiệm không tên” kia thuộc cảnh giới của cái ẩn vi. Nếu “tướng” chỉ về cảnh giới của cái có sinh có diệt thì cái “huyền nhiệm không tên” thuộc cảnh giới của cái không sinh và không diệt.

Nói là “tương phản” nhưng cũng là “tương thông”. “Tương thông” theo cách cái âm vi là gốc của cái hiển hiện. Và cái không sinh, không diệt là gốc của cái có sinh có diệt.

Bạch Thế Tôn,

Như vậy đó, con xin phép được nói loanh quanh về điều không thể nói. Con cũng đã nghĩ bàn loanh quanh về cái không thể nghĩ bàn. Với cái tâm kính tín.

Bạch Thế Tôn,

Trong đoạn thuyết Pháp này của Thế Tôn, nhiều thính chúng thấy có điều khó hiểu về ngài Tu Bồ Đề. Ở một đoạn trước đây, đoạn 13, sao ngài Tu Bồ Đề tỏ ra thật thông suốt, mà nay sao tỏ ra thật lờ mờ. Thật vậy, trước đây khi Thế Tôn hỏi có thể dùng ba mươi hai tướng tốt để thấy Như Lai không thì ngài Tu Bồ Đề trả lời rằng “không thể”. Nay cũng để

đáp lại cùng một câu hỏi đó mà ngài Tu Bồ Đề nói là “nên làm như vậy”.

Thính chúng có thể hoang mang mà tự hỏi: Hoặc là ngài Tu Bồ Đề chưa nói hết lời ? Hoặc là vì ngài Tu Bồ Đề muốn mọi người được nghe thêm mật ý của Thế Tôn ? Dù sao thì cũng nhờ đó mà mọi người được nghe Thế Tôn nói kệ:

Nếu do sắc thấy ta,
Do âm thanh cầu ta,
Thì là hành tà đạo,
Không thể thấy Như Lai.

Bạch Thế Tôn,

Con nay đã quen với cách dùng lời phương tiện của Thế Tôn. Con biết rằng hai chữ “ta” trong bài kệ không có nghĩa là “ta” thật, chỉ tạm dùng để xưng. Chữ “ta” đó đến cuối bài được lập lại bằng chữ “Như Lai”. Và “Như Lai” thì như

trên kia đã thấy. Cũng là chữ tạm dùng để chỉ về cái “huyền nhiệm không tên”.

Bạch Thế Tôn,

Cho dù là cái “huyền nhiệm không tên” nhưng “Như Lai” cứ mãi như là một tiếng gọi, như xa xăm, như mơ hồ, nhưng cứ mãi là tiếng gọi trường lưu ! Từ nơi đó mà khơi lên niềm mong mỏi được “thấy Như Lai”.

Mà biết dựa vào đâu để “thấy”? Người đời mãi dựa vào “sắc”, mãi dựa vào “âm thanh”.

“Sắc” thì như là tượng Phật. Tượng gỗ, tượng đá, tượng đồng. Có cả tượng vàng, tượng ngọc. Dù sao, tượng vẫn là “sắc”. Nếu dựa vào sắc như vậy để thấy đó là Phật, để rồi lễ bái, để rồi đặt trọn tâm kính tín vào đó. Hẳn là mê lầm vậy.

“Âm thanh” thì chẳng hạn như là âm thanh niệm Phật. Hoặc là âm thanh tiếng

mỏ, tiếng chuông chùa. Những âm thanh như vậy dễ tạo nên cảm giác về thiêng liêng.

Bạch Thế Tôn,

Nếu như “sắc” được hiểu như vậy, và “âm thanh” được hiểu như vậy thì con nay thấy rằng “sắc” ấy và “âm thanh” ấy được xem như là “ngón tay chỉ trăng”. Không phải là trăng! Trăng ở mãi tận chân trời, sáng mênh mông như trí huệ, thanh bình và rượi mát như từ bi.

Ôi ,trăng Như Lai !

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 27

VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT

. Nguyên văn chữ Hán

無斷無滅

須菩提.汝若作是念.如來不以具足相故.
.得阿耨多羅三藐三菩提.須菩提.莫作
是念.如來不以具足相故.得阿耨多羅三
藐三菩提.須菩提.汝若作是念.發阿耨
多羅三藐三菩提心者.說諸法斷滅.莫作
是念.何以故.發阿耨多羅三藐三菩提心
者.於法不說斷滅相.

.Phiên âm Hán Việt

VÔ ĐOẠN, VÔ DIỆT

Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Như
Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A-nậu-đa-
la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Mạc
tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng
cố đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.
Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Phát
A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm

giả, thuyết chư pháp đoạn diệt, mặc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.

. Phiên bản tiếng Việt

KHÔNG ĐOẠN KHÔNG DIỆT

Này Tu Bồ Đề,
 Có phải là thầy nghĩ như thế này: Như Lai chẳng do các tướng cụ túc mà đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác ?

Này Tu Bồ Đề,
 Thầy chớ nghĩ như thế. Chớ nghĩ rằng Như Lai chẳng do các tướng cụ túc mà đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Tu Bồ Đề,
 Có phải là thầy nghĩ như thế này: Người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thuyết những Pháp đoạn diệt ?

Chớ nên nghĩ như thế. Bởi có sao ? Bởi vì người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác không thuyết những Pháp đoạn diệt.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Con nay nghe lời Thế Tôn thuyết giảng mà tự nhiên cảm thấy xiết bao xúc động ! Thế Tôn thật tuyệt vời. Tuyệt vời trí huệ ! Tuyệt vời từ bi ! Do tuyệt vời trí huệ, người có tri kiến rất ráo. Người chứng ngộ chân lý thấu suốt từ ngành ngọn cho đến tận cội nguồn. Cái thấy của Người lại cũng thật tinh tế. Người thấy não trạng chúng sinh vốn mang bệnh “chấp” từ bao lũy kiếp. Khi thì “chấp có”, khi thì “chấp không”.

“Chấp có”, như khi chấp “ba mươi hai tướng tốt”. Chấp cho đến độ tưởng rằng Như Lai cốt ở “ba mươi hai tướng tốt” ! Hoặc chấp “sắc”, hay chấp “âm thanh”, để rồi đi tìm Như Lai ở “sắc” hoặc ở “âm thanh”. Thế Tôn đã vì chúng sinh mà phá cái chấp đó.

Ngoài bệnh thiên lệch ở “chấp có”, não trạng chúng sinh liền nhiễm bệnh “chấp không”. “Chấp không”, trong tư tưởng định ninh rằng “Như Lai chẳng do các tướng cụ túc mà đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Thế Tôn nay cho biết rằng đó lại là một tư tưởng sai lầm. Như Lai dưới dạng hóa thân có cả tâm và thân – thân có “ba mươi hai tướng tốt”. Thích Ca đã “đắc” vô thượng chánh đẳng chánh giác với toàn bộ thân tâm đó. Loại trừ thành phần thân, với “ba mươi hai tướng tốt”, trong sự thành đạo của Phật Thích

Ca là sai lầm. Là rơi vào bệnh “chấp không” vậy ! Thích Ca đã đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác với toàn bộ thân tâm. Tức là thân và tâm vốn không-hai.

Vấn đề của người hành giả do đó không phải là lấy khổ hạnh để trị cái thân. Vấn đề cốt ở chỗ là tịnh hóa toàn bộ thân tâm. Tịnh hóa thân tâm bằng sự buông xả thân tâm. Buông xả vào biển cả của tâm Phật từ bi và trí huệ.

Bạch Thế Tôn,

Khi hành xử khổ hạnh như trên người tu sĩ nhằm mục đích là trị cái “thân” – cái thân bị xem như là một chướng ngại trên con đường đi đến chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy là một cách thực hành Pháp đoạn diệt vậy.

Nói chung, việc thuyết những Pháp đoạn diệt là việc thường diễn ra. Đối tượng của Pháp đoạn diệt hàng đầu hẳn

là “phiền não”. Như được nói trong lời thệ nguyện thứ ba của bốn lời thệ nguyện lớn:

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
(Phiền não vô tận nguyện cắt đứt.)

Thực ra thì “phiền não” có phải là cái phải đoạn diệt không ?

Bạch Thế Tôn,

Con nay không thấy thế. Và khi đọc kinh Duy Ma thì lời sau đây của ngài Duy Ma Cật đối với con sao tự nhiên có sức thuyết phục diệu kỳ:

Bất đoạn phiền não nhi nhập Niết bàn
(Không đoạn diệt phiền não mà nhập Niết bàn.)

Ở đâu đó cũng có câu: “Phiền não tức Bồ Đề”. Phải chăng từ đó mà có thể nói: Phiền não và Niết bàn không-hai ?

Sự thực là như vậy. Không phải là lý thuyết suông. Thực hành thì có Thiên

Pháp “buông”. Buông để cho phiền não tự nhiên trôi chảy. Trôi chảy đến biển cả tâm Phật đại bi. Khi đó nó chuyển hóa thành Niết Bàn. Nói cách khác thì vấn đề của hành giả không phải là lo « đoạn diệt » phiền não. Vấn đề cốt là an nhiên đón nhận nó, và buông cho nó chảy trên dòng chảy của nó. Với cái tâm thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn,

Trong dòng tri kiến đó Thế Tôn đã có câu khẳng định rõ ràng: “Người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác không thuyết những Pháp đoạn diệt.”

Vì lời khẳng định đó con nay chấp tay cúi đầu cảm tạ.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 28

BÁT THỌ BÁT THAM

. Nguyên văn chữ Hán

不受不貪

須菩提.若菩薩以滿恆河沙等世界七寶.
持用布施.若復有人.知一切法無我.得
成於忍.此菩薩勝前菩薩所得功德.何以
故.須菩提.以諸菩薩不受福德故.須菩
提白佛言.世尊.云何菩薩.不受福德.須
菩提.菩薩所作福德.不應貪著.是故說.
不受福德.

. Phiên âm Hán Việt

BÁT THỌ, BÁT THAM

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát dĩ mãn Hằng hà
sa đẳng thế giới tất bảo trì dụng bố thí,

nhược phục hữu nhân tri nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhân. Thử BỒ-tát thắng tiền BỒ-tát sở đắc công đức. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Dĩ chư BỒ-tát bất thọ phước đức cố. Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà BỒ-tát bất thọ phước đức?

- Tu-bồ-đề! BỒ-tát sở tác phước đức bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước đức.

. Phiên bản tiếng Việt

KHÔNG THỌ KHÔNG THAM

Này Tu Bồ Đề,

Giả sử Bồ Tát dùng bảy báu chất đầy

Hàng hà sa số thế giới đem ra bố thí;

Lại giả sử có người thấu lý vô ngã của các pháp mà thành tựu hạnh nhẫn nhục;

Như vậy thì công đức của vị Bồ Tát này hơn công đức của vị Bồ Tát nói trên.

Bởi có sao ? Bởi vì các Bồ Tát không thọ nhận phước đức.

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát không thọ nhận phước đức ?

- Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm việc phước đức mà không nên có lòng mong cầu phước báo cho nên nói là không thọ nhận phước đức.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Trong đoạn văn này, trước thì so sánh Bồ Tát bố thí và người thấu lý vô ngã của các pháp. Sau lại nói công đức của vị Bồ Tát này hơn công đức của vị Bồ Tát kia. Con nay vì đó mà thoát tiên có phần hơi

bỏ ngõ. Nhưng rồi con thâm nghĩ: “người thấu lý vô ngã của các pháp mà thành tựu hạnh nhẫn nhục” thì cũng là một vị Bồ Tát. Vậy thì trước sau cùng có nghĩa là so sánh hai vị Bồ Tát với nhau..

Bạch Thế Tôn,

Việc Bồ Tát đem vô lượng bảy báu ra bố thí thì con nay hiểu rằng vị Bồ Tát này đã sạch tâm tham luyến báu vật, đem cho vô lượng báu vật mà hỷ là với cái tâm an nhiên. Tuy vậy, về phía của cho và người nhận con nay có vài nghi vấn. Thứ nhất, bảy báu kia có phải là quý báu thật hay là chỉ quý báu vì đa phần loài người cho đó là quý báu ? Thứ nữa, những người nhận và trân trọng bảy báu kia là ai ? Dường như không phải là bậc thánh, bậc hiền ! Cũng không phải là người đói cơm, khát nước! Tóm lại, con thiên nghĩ mà hoài nghi: việc bố thí bảy

báu kia, dù là nhiều đến vô lượng, e rằng hành vi bố thí này không tạo nên « công đức » gì vậy!

Nay chuyển sang ý “người thấu lý vô ngã của các pháp mà thành tựu hạnh nhân nhục”.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu lý vô ngã là thế này.

Ấy là không có ý riêng. Không có ý riêng để kén chọn; kén chọn để rồi tham chấp những gì cái ý riêng đó cho là cao, là quý, là tốt, là vinh, là sang. Đồng thời thì tránh né, là đuổi xua, những gì nó cho là thấp, là tiện, là xấu, là nhục, là hèn. Có thể sánh cái tâm người thấu lý vô ngã với ánh trăng soi ? Ánh trăng soi trên biển cả mênh mông, soi trên sông hồ im ả. Trăng cũng soi trên từng hạt sương trên lá hay trên chỗ bùn lầy nước đọng ! Là chấp nhận tất cả. Là không từ chối gì. Chấp

nhận mọi cái xảy ra, chấp nhận mọi tình huống xảy ra.

Bạch Thế Tôn,

Về lý vô ngã con còn hiểu thế này.

Ấy là như không có cái ta riêng. Ấy là không có biên giới phân chia ta với phi-ta. Là hòa đồng. Như lời một hiền giả: “hòa kỳ quang, đồng kỳ trần” _ hòa ánh sáng vào nhau, đồng một cảnh bụi bặm.

Bạch Thế Tôn,

Về “nhẫn nhục vô ngã” con cũng biết rằng ở đây không có thứ tình cảm cam chịu. Hiền nhiên là như vậy, bởi vì không có cái ta cam chịu nổi bất hạnh đến từ cái phi-ta.

Nói chung thì đối với người thấm nhuần lý vô ngã của vạn pháp thì việc nhẫn nhục hay bố thí đều diễn ra cách tự nhiên hồn nhiên. Như thế mùa xuân hoa đào nở, và chim én bay về. Tự nhiên và

hồn nhiên. Mùa hạ thì cây rừng thọ nhận cuồng phong bão tố. Tự nhiên và hồn nhiên.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy về bố thí ba-la-mật và nhẫn nhục ba-la-mật.

Về vị Bồ Tát bố thí vô lượng bảy báu thì không có dấu hiệu cho thấy đó là việc bố thí ba-la-mật.

Vị Bồ Tát nhẫn nhục thấu lý vô ngã của vạn pháp thì là nhẫn nhục vô ngã, tức là nhẫn nhục ba-la-mật. Công đức vì thế mà hơn chỗ công đức do bố thí trên kia đó chăng ?

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy.

**NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !**

Đoạn 29

UY NGHI TỊCH TĨNH

. Nguyên văn chữ Hán

威儀寂靜

須菩提.若有人言.如來若來.若去.若坐.
若臥.是人不解我所說義.何以故.如來
者.無所從來.亦無所去.故名如來.

.Phiên âm Hán Việt

UY NGHI TỊCH TĨNH.

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân ngôn: Như
Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa,
nhược ngọa, thị nhân bất giải ngã sở
thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Như Lai giả, vô
sở tùng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như
Lai.

. Phiên bản tiếng Việt

UY NGHI TỊCH TĨNH

Này Tu Bồ Đề,
 Nếu như có người nói Như Lai có đến,
 hoặc có đi, hoặc có ngồi, hoặc có nằm,
 Người ấy thật không hiểu nghĩa ta thuyết
 dạy.

Bởi có sao ? Vì Như Lai không từ đâu
 đến và cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là
 Như Lai.

.Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Theo chỗ con được biết thì trong Phật
 học có “Tứ uy nghi”, tức là về uy nghi
 trong bốn tướng đi, đứng, nằm, ngồi. Tự
 nhiên con liên tưởng đến bốn tướng đi,
 đứng, nằm, ngồi đó của Thế Tôn. Tất cả
 đều toát ra vẻ thánh thiện. Tất cả đều như
 thể tỏa sáng. Mà đâu chỉ những khi đi,
 đứng hay nằm, ngồi! Lúc nào cũng vậy.

Phải kể cả khi Người nói hay không nói, cười hay thình lạng, nghỉ ngơi thư giãn hay thiền định sâu lắng.

Ôi, Thế Tôn !

Toàn thân tướng Người đều tỏa ra ánh sáng thánh thiện. Ánh sáng thánh thiện đó cũng là ánh sáng từ bi và trí huệ. Từ bi và trí huệ lan tỏa đến những người và vật chung quanh, khiến tất cả đều cảm nhận được trạng thái bình an mênh mông !

Bạch Thế Tôn,

Ánh sáng thánh thiện đó khó có thể mô tả được, tạm cụ thể hóa mà gọi là “tứ uy nghi”. Tạm gọi là “tứ uy nghi” nhưng cũng là ánh sáng vô lượng. Dù là ánh sáng vô lượng hay « tứ uy nghi » thì bản chất cũng là “tướng”. Trước đây có nói “ba mươi hai tướng tốt”, ấy là tướng tĩnh, chẳng hạn như lòng bàn chân phẳng,

ngón tay thon dài. “Tứ uy nghi” thì chỉ về tướng động, hay cử chỉ. Trước đã nói rằng không thể dựa vào “ba mươi hai tướng tốt” để nói là thấy Như Lai. Nay thì cũng vậy: không thể dựa vào “tứ uy nghi” mà nói là thấy Như Lai.

Bạch Thế Tôn,

Thực ra trong đoạn kinh này ý Thế Tôn không hạn định trong “tứ uy nghi”. Thế Tôn đặc biệt nói về sự “đến” và sự “đi”. “Đến” là từ đâu đó mà đến đây; “đi” là từ đây mà đi đến đâu đó. Và Thế Tôn khẳng định:
Như Lai không từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu.

Bạch Thế Tôn,

Con nay cũng thấy như vậy. Trong đầu con chợt xuất hiện hình tượng của mặt trời. Buổi sáng mặt trời “mọc”; chiều tối mặt trời “lặn”. Như thế có “đến” và có

“đi” ! Thế nhưng trong thực tế thì mặt trời chưa hề có đến và có đi ! Và hoa đào thì cũng vậy. Xuân sang hoa đào nở. Như thể hoa cùng xuân đến. Xuân qua rồi thì như thể hoa cùng xuân đi ! Có đến ư ? Có đi ư ? Hay là không đến cũng không đi?

Bạch Thế Tôn,

Con nay thấy rằng trong chốn nhân gian thì có vẻ như có đến và có đi. Như thể Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có vẻ như đã đến với cõi nhân gian trong khoảng trên tám mươi năm, sau đó thì “nhập Niết bàn”, cũng tức là đi. Thế nhưng Người đã từ đâu mà đến ? Và Người đã đi đâu? Cũng theo dòng nghĩ đó mà hỏi: Mùa xuân cùng hoa đào từ đâu mà đến ? Mùa xuân cùng hoa đào sau đó đã đi đâu ? Những chữ “đâu” đó rõ ràng là không hàm ý không gian ! Và cũng vì thế mà

thuộc cõi “vô tướng”. Hoặc là cõi “huyền”. Ở “cõi” đó không thể nói là có “đến” hoặc có “đi” theo cách nói chôn nhân gian.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu về Như Lai là như vậy. Như Lai là “huyền nhiệm không tên”, là chỗ không thể nói năng, không thể nghĩ bàn.

Cũng là không đến, cũng không đi!

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 30

NHẤT HIỆP TƯỚNG LÝ

.Nguyên văn chữ Hán

一合理相

須菩提.若善男子.善女人.以三千大千世界碎為微塵.於意云何.是微塵眾.寧為多不.須菩提言.甚多.世尊.何以故.若是微塵眾實有者.佛則不說是微塵眾.所以者何.佛說微塵眾.即非微塵眾.是名微塵眾.世尊.如來所說三千大千世界.則非世界.是名世界.何以故.若世界實有者.即是一合相.如來說一合相.則非一合相.是名一合相.須菩提.一合相者.則是不可說.但凡夫之人.貪著其事.

. Phiên âm Hán Việt

NHẤT HIỆP TƯỚNG LÝ

Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vi vi trần, ư ý vân hà? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: Thập đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần

chúng thật hữu giả, Phật tắc bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng tắc phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới tắc phi thế giới, thị danh thế giới. Hà dĩ cố? Nhược thế giới thật hữu giả, tắc thị nhất hiệp tướng. Như Lai thuyết nhất hiệp tướng tắc phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng. - Tu-bồ-đề! Nhất hiệp tướng giả tắc thị bất khả thuyết, đản phạm phu chi nhân tham trước kỳ sự.

. Phiên bản tiếng Việt
MỘT TƯỚNG HÒA HỢP

Này Tu Bồ Đề, nếu có người trai lành hoặc gái tốt đem cả tam thiên đại thiên thế giới nghiền thành bụi thì ý thầy thế

nào ? Số hạt bụi này thật là nhiều, phải không ?

Tu Bồ Đề thưa:

Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Bởi có sao ? Bởi vì nếu những hạt bụi kia có thật thì Đức Phật hẳn không nói rằng đó là những hạt bụi.

Bởi có sao ? Bởi vì khi Đức Phật nói những hạt bụi thì chúng không phải là những hạt bụi, chỉ tạm gọi là những hạt bụi.

Bạch Thế Tôn, chỗ Như Lai nói là tam thiên đại thiên thế giới thì không phải là thế giới, chỉ tạm gọi là thế giới.

Bởi có sao ? Bởi vì nếu thế giới là có thật thì đó là một tướng hòa hợp. Như Lai nói một tướng hòa hợp thì không phải là một tướng hòa hợp, chỉ tạm gọi là một tướng hòa hợp.

Này Tu Bồ Đề, một tướng hòa hợp thì không thể nói được, chỉ là kẻ phàm phu tham chấp nó.

.Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Thoạt tiên con tự hỏi: Để nghiên tam thiên đại thiên thế giới sao phải chờ đến người trai lành hoặc gái tốt ? Nhưng rồi sau đó con cũng chợt thấy ra. Con thấy ra trong tâm con vốn có lòng mong đợi rằng khi nghiên tam thiên đại thiên thế giới như vậy người ta không làm tổn thương máy may thứ gì nơi đó, cho dù một đoá hoa, hay một con ong, cái kiến. Đến độ khi hoàn nguyên trở lại thì mọi thứ đều lành lặn như trước.

Bạch Thế Tôn,

Số những hạt bụi kia nhiều vô hạn, cõi nhân gian không có số để đếm. Và con cũng chợt thấy ra cái gọi là “vạn tượng” trong vũ trụ thực ra cũng giống như vậy. Nói là “vạn” nhưng thực ra không phải là vạn. Ấy là nhiều vô cùng. Ấy là vô số.

Bạch Thế Tôn,

Đối với não trạng chúng con thì khi nói “hạt bụi” tức là đã có khái niệm “hạt bụi” trong trí. Khái niệm đó có hàm ý nhất định, để không làm lẫn với thứ gì khác. Và khái niệm đó cũng được hiểu là trở về hạt bụi có thật. Như khi nói: chỉ là một hạt bụi ! Mà Thế Tôn thì thấy khác: Người nói: “những hạt bụi không phải là những hạt bụi” !

Bạch Thế Tôn,

Theo như chỗ con hiểu thì sở dĩ Thế Tôn nói rằng “hạt bụi không phải là hạt bụi” là vì nó cũng là thế giới. Nó cùng

với toàn thể giới là không-hai. Và đảo lại thì cũng thế, toàn thể giới và hạt bụi cũng là không-hai. Rõ ràng là như vậy, bởi vì chưa từng có ai tách rời chúng ra được !

Bạch Thế Tôn,

Nay con tạm gọi những hạt bụi kia là cái tướng “đa” của thế giới. Và toàn thể giới kia là cái tướng “Nhất” của thế giới. Cái tướng “Nhất” đó có vẻ như là sự kết hợp thành một tổng hòa của các tướng “đa” vậy. Do đó mà gọi tên là “một tướng hòa hợp”.

Bạch Thế Tôn,

Nói là « một tướng hòa hợp » thì trong trí chúng con thường có hình tượng như thể là nơi một cây nọ. Thân, cành, lá, hoa, trái hợp lại thành “một tướng hòa hợp”.

Thế nhưng rồi con chợt giật mình thấy ra rằng đã bỏ quên cái ẩn tướng. Ấy là

dòng nhựa chảy xuyên suốt từ rễ, thân, cành, lá, hoa, quả.

Tiềm ẩn bên trong thế giới, hay “tam thiên đại thiên thế giới” cũng có một dòng chảy xuyên suốt như vậy. Nó là gì ? Là dòng năng lượng uyên nguyên đó chăng ? Là dòng nguyên khí đó chăng ? Thiên thì gọi là “Tánh”, cũng là “Phật Tánh”.

Bạch Thế Tôn,

Đúng là cái đó khó có thể nói được ! Thực ra thì “không thể nói được”. Tuy vậy mà phàm phu chúng con không ngừng tâm tham chấp. Cố bám lấy nó. Cố nắm lấy nó. Cố đuổi theo cái này. Cố chụp lấy cái kia. Cái này tôi ăn được. Cái kia tôi xài được. Cái này khiến tôi giàu sang. Cái kia khiến tôi vinh hiển. Mà rồi chúng con cũng đã bao lần thấy cái này hoặc cái kia vượt khỏi tay mình. Để rồi

cuối cùng thì tất cả đều vượt. Ấy là khi “nhắm mắt xuôi tay”.

Bạch Thế Tôn,

Con nay thêm một lần xin được nói lên lòng con vô vàn cảm tạ ơn Người. Vì nay nghe đoạn kinh này con thấy có hiểu thêm về minh triết của Thiên. Thay vì cố nắm, Thiên biết “buông”.

“Buông” là « để cho ... » !

Để cho Tánh tự nhiên hiển bày. Để cho dòng nguyên khí tự nhiên chảy _ chảy trong con chim trên trời cao nó bay; chảy trong con cá dưới sông sâu nó lội.

Để cho nước chảy !

Để cho mây trôi !

Bởi vì Tánh tự nhiên của nước là chảy.

Bởi vì Tánh tự nhiên của mây là trôi.

“Buông”, để cho hòa hợp.

“Buông” cái ta để cho Tánh tự nhiên hiển bày.

Để cho nguyên khí thông dòng chảy.
Vi trần cùng thế giới không-hai.

“Ta” cùng Tánh không-hai.

Để có thể “buông” thực sự, phải thấy
cái dòng chảy vĩ đại đó.

Nhà Thiền nói là phải “thấy Tánh”.

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu như vậy. Hiểu rằng « tất
cả là Một » và là một dòng chảy.

“Tất cả” chỉ về các “tướng”; “Một”
chỉ về “Tánh”.

Một là tất cả ; Tất cả là Một .

Con nay hiểu như vậy.

Hiểu rằng “Tánh tướng không-hai”.

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 31

TRI KIẾN BÁT SINH

Nguyên văn chữ Hán

知見不生

須菩提.若人言.佛說我見人見眾生見壽者見.須菩提.於意云何.是人解我所說義不.不也.世尊.是人不解如來所說義.何以故.世尊說我見人見眾生見壽者見.即非我見人見眾生見壽者見.是名我見人見眾生見壽者見.須菩提.發阿耨多羅三藐三菩提心者.於一切法.應如是知.如是見.如是信解.不生法相.須菩提.所言法相者.如來說即非法相.是名法相.

Phiên âm Hán Việt

TRI KIẾN BÁT SANH

- Tu-bồ-đề! Nhược nhân ngôn: Phật thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh

kiến, thọ giả kiến, Tu-bồ-đề, ư ý vân hà?
Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Thị nhân bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố, Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến thị danh ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

- Tu-bồ-đề! Phát A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề tâm giả, ư nhất thiết pháp ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng. Tu-bồ-đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.

. Phiên bản tiếng Việt

TRI KIẾN CHẴNG SINH

Này Tu Bồ Đề, nếu có người nói rằng Phật nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, Này Tu Bồ Đề, ý thầy thế nào ? Người ấy có hiểu lời ta không ?

- Bạch Thế Tôn, không! Người ấy không hiểu lời Như Lai nói.

Bởi có sao ? Thế Tôn nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Chỉ tạm gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

- Này Tu Bồ Đề, người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác nên như thế mà biết, như thế mà thấy, như thế mà tin và hiểu về các pháp; ấy là chớ sinh pháp tướng.

Này Tu Bồ Đề, chỗ mà Như Lai gọi là pháp tướng đó không phải là pháp tướng, chỉ tạm gọi là pháp tướng.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Trước đây Thế Tôn thường nói về “ngã tướng”, “nhân tướng”, “chúng sinh tướng” và “thọ giả tướng”. Những “tướng” ấy, cũng như mọi “tướng” nói chung, đều là hư vọng. Là sản phẩm của cái thấy không đúng. Do đó chớ làm tướng đó là thật, để rồi nghĩ suy, xử sự như chúng là thật !

Chẳng hạn như cái “ngã tướng”. Đó là cái mọi người dựa trên đó để xưng “ta”. Trầm trọng hơn nữa là dựa lên đó để tự hào, tự đắc, tự phụ ! Thực ra thì chữ “ta”

hay chữ “tự” kia xuất phát từ một sự hiểu lầm ! Tất cả cái thấy là “ta” đó, về mọi phương diện tâm sinh lý hay văn hóa giáo dục, đều được vay mượn, đều là sự tích hợp những yếu tố phi-ta mà thành! Chẳng phải thế sao ?

Nói tóm lại thì đó là điều Thế Tôn nói về “ngã tướng”. “Ngã tướng” là hư vọng. Và những “tướng” kia, “nhân tướng”, “chúng sinh tướng”, “thọ giả tướng”, cũng đều là không thật.

Bạch Thế Tôn,

Những tri kiến Thế Tôn nói về “ngã”, “nhân”, “chúng sinh”, “thọ giả” đó, theo chỗ con hiểu thì trong đoạn này Thế Tôn gọi đó là “ngã kiến”, “nhân kiến”, “chúng sinh kiến” và “thọ giả kiến”. Từ lúc Thế Tôn bắt đầu thuyết giảng Kim Cang đến giờ thì trong trí hàng thánh chúng đã có cái tri kiến như vậy về ngã,

nhân, chúng sinh và thọ giả. Tức là thính chúng đã được Thế Tôn truyền thụ như vậy về “ngã kiến”, “nhân kiến”, “chúng sinh kiến” và “thọ giả kiến”. Nhưng đến đây thì Thế Tôn đặt vấn đề kiểm tra lại nhận thức của thính chúng. Và người được hỏi là ngài Tu Bồ Đề:

- Này Tu Bồ Đề, nếu có người nói rằng Phật nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến ... thì người ấy có hiểu lời ta không ?

Câu hỏi khá đột ngột ! Nhưng mà ngài Tu Bồ Đề đúng là một bậc thông tuệ ít có. Ngài đã đáp:

- Không ! Ấy là người kia đã không hiểu lời Thế Tôn. Bởi vì đã “chấp” những “ngã kiến”, “nhân kiến”, “chúng sinh kiến” và “thọ giả kiến” kia vậy !

Do chấp ngã kiến, người ấy một mực định ninh rằng “ta” là hư vọng. Người ấy

một mực chấp cái không-ta ! Thế thì việc đời sẽ ra sao, nhỉ ? Nếu như hoàn toàn không có “ta” thì ai là người nghe lời Thế Tôn giảng dạy ? Ai là người thọ trì và tụng đọc kinh ? Ai là người diễn giải ý kinh cho người khác ?

Bạch Thế Tôn,

Theo chỗ con hiểu thì trong đoạn kinh này Thế Tôn nói lên ý không chấp. “Ngã tướng” chẳng hạn, chớ nên phát triển thành “ngã chấp”. Ngã chấp là một dạng tâm bệnh, từ đó mà có những biểu hiện bệnh lý như là tự ti, tự tôn, tự phụ. Ngã chấp khiến cho cái nhìn trở thành hẹp hòi, thiên cận, lệch lạc.

Đối cực với bệnh ngã chấp là bệnh chấp cái “không-ta”. Đây là bệnh hoang tưởng, phát sinh từ cái học nửa vời. Nếu như phủ định tất cả mà nói rằng không ta, không người, không thánh, không phàm,

không Phật, không tâm, v.v.. thì là bệnh “chấp không”. Nói cách triết học thì là “hư vô chủ nghĩa”. Rõ ràng là như vậy, “hư vô chủ nghĩa” là tâm bệnh của người thông thái nửa vời ; « chấp không » là bệnh của người mới tu.

Bạch Thế Tôn,

Con chợt nhớ lời của một Thiên sư nọ:
 Khi chưa tu, thấy núi là núi, sông là sông.
 Khi mới tu thấy núi không phải là núi,
 sông không phải là sông.

Có tu chứng rồi thì thấy núi là núi, sông là sông.

Ý nghĩa về thứ nhì thì đã rõ. Ấy là bệnh « chấp không »

Về ý nghĩa về đầu và về cuối, xem ra có vẻ như là giống nhau. Như vậy hóa ra là người có tu chứng có cái thấy giống như người chưa tu ? Thực ra thì không phải như vậy ! Chỗ khác nhau ở chỗ là có

chấp khác với không chấp. Trước khi tu thì chấp núi là núi, sông là sông. Sau khi có tu chứng thì cũng thấy rằng núi là núi, sông là sông. Tuy vậy, núi và sông nay còn hơn thế ! Hành giả nay thấy rằng núi và sông còn là phản ánh của cái « huyền nhiệm không tên ». Nói một cách tổng quát thì là hành giả thấy « tướng » thông với « Tính ». Nói cách khác thì là hành giả thấy « Tính tướng không-hai. » Đó là cái thấy không chấp vậy.

Bạch Thế Tôn,

Về “pháp tướng” thì con hiểu rằng đó là “tướng” của các sự/vật.

“Tướng” của các sự/vật tự nhiên, tự động thành hình khi tâm đối cảnh. Ấy là do sự tạo tác của lục thức. Chẳng hạn như trong tâm thức của con vốn có chứa đựng tướng của mặt trăng, hay tướng của hoa hồng. Ấy là « pháp tướng » vậy.

Nhưng đặc biệt ở đây Thế Tôn dạy: “Chớ sinh pháp tướng”. “Chớ sinh pháp tướng” khi thấy, biết, hiểu, tin. Là sao ?

Bạch Thế Tôn,

Về lời dạy đó của Thế Tôn nay con hiểu thế này. Là chẳng hạn như khi ngắm một hoa hồng thì con chớ để cho “pháp tướng hoa hồng”, vốn có trong tâm thức con, chen vào giữa mắt con và đóa hoa cụ thể đang ở trước mắt . Bởi có sao ? Bởi vì cái “pháp tướng hoa hồng” đó, tâm lý học ngày nay cũng gọi là “khái niệm hoa hồng”, nó che lấp khiến cho con không thấy chính đóa hoa hồng cụ thể mà con đang ngắm.

Bạch Thế Tôn,

Con chợt nhớ một câu thơ của một nhà thơ xưa:

Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

Con nay thấy ra là nhà thơ thật tinh tế xiết bao ! Thế thì mới đúng là xem hoa thật ! Thế thì mới đúng là ngắm trăng thật. Là xem đóa hoa cụ thể đang nở ! Là ngắm mặt trăng cụ thể đang lên ! Không bị cái “pháp tướng hoa » hoặc “pháp tướng trăng » che mắt hoa hiện tiền và trăng hiện tiền !

Hoa hiện tiền thì như hoa trong sự kiện “niêm hoa vi tiếu”. Cũng là « pháp tướng » nhưng mà là pháp tướng « thông với Tánh », hoặc là « không ly Tánh ».

Trăng hiện tiền thì như trăng trong duyên may « hốt phùng thiên ẵ nguyệt ». Cũng là « pháp tướng » nhưng mà là pháp tướng « thông với Tánh », hoặc là « không ly Tánh ».

Hoa ấy, trăng ấy thì có chi là đặc biệt ? Đặc biệt lắm ! Vì khi đó tấm màn « pháp tướng » rơi xuống, hoa và trăng

không còn là hoa và trăng thường ngày vẫn thấy. Hoa và trăng đây là những « thị hiện » ! Những thị hiện tinh khôi của cái « huyền nhiệm không tên », không thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn,

Về lời dạy đó của Thế Tôn con nay hiểu như vậy.

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA
MÂU NI PHẬT !

Đoạn 32

ỨNG HÓA PHI CHÂN

. Nguyên văn chữ Hán

應化非真

須菩提.若有人以滿無量阿僧祇世界七寶.持用布施.若有善男子.善女人.發菩提心者.持於此經.乃至四句偈等.受持.讀誦.為人演說.其福勝彼.云何為人演說.不取於相.如如不動.何以故.一切有為法.如夢幻泡影.如露亦如電.應作如是觀.

佛說是經已.長老須菩提.及諸比丘比丘尼優婆塞優婆夷.一切世間天人阿修羅聞佛所說.皆大歡喜.信受奉行.

.Phiên âm Hán Việt

ÚNG HÓA PHI CHÂN

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân dĩ mãn vô lượng a-tăng-kỳ thế giới thất bảo, trì tụng bố thí; nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát bồ-đề tâm giả, trì ư thủ kinh, nãi chí tứ cú kệ đấng, thọ trì độc tụng, vị nhân diễn thuyết, kỳ phước

thắng bỉ. Vân hà vị nhân diễn thuyết? Bất
thủ ư tướng, như như bất động. Hà dĩ cố?
Nhất thiết hữu vi pháp,

Như mộng, huyền, bào, ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.

Phật thuyết thị kinh dĩ, trưởng lão Tu-bồ-
đề cập chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-
tắc, Ưu-bà-di, nhất thiết thế gian thiên,
nhân, a-tu-la văn Phật sở thuyết, giai đại
hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

. Phiên bản tiếng Việt

ỨNG HÓA KHÔNG THẬT

Này Tu Bồ Đề,

Nếu có người dùng bảy báu chất đầy cả
vô lượng vô số thế giới đem ra bố thí,

Lại nếu có người trai lành hoặc gái tốt
phát tâm bồ đề thọ trì đọc tụng kinh này
cho đến những tứ cú kệ rồi diễn giải lại

cho người khác thì phước đức của người này hơn phước đức của người kia.

Diễn giải cho người khác là thế nào ? Ấy là không chấp tướng, như như bất động.

Bởi có sao ? Bởi vì:

Tất cả pháp hữu vi
 Như mộng, ảo, bọt, bóng,
 Như sương, như điện chớp
 Nên thiên quán như vậy.

Đức Phật nói kinh này xong trưởng lão Tu Bồ Đề, các vị tăng, ni, cư sĩ nam và nữ cùng tất cả các cõi trời, người, a-tu-la nghe lời Phật nói đều rất hoan hỉ tin theo và phụng hành.

. Diệu cảm

Bạch Thế Tôn,

Trong đoạn kinh này Thế Tôn nhắc lại việc đem so sánh phước đức hơn kém giữa hai hành vi:

- Một bên là hành vi bố thí bảy báu nhiều đến độ chất đầy cả vô lượng vô số thế giới;

- Một bên là hành vi thọ trì, đọc tụng kinh Kim Cang rồi diễn giải cho người khác.

Kết quả là hành vi trì kinh và diễn giải cho người khác thì phước đức nhiều hơn. Lý do tại sao thì Thế Tôn đã từng nói rõ ở các đoạn trước. Riêng trong đoạn này thì Thế Tôn có nói thêm hai điểm:

Một là nói rõ về nội dung diễn giải cho người khác: « không chấp tướng » và « như như bất động ».

Hai là vì thính chúng mà nói bài kệ “Lục Như”.

Tuy vậy, hàm ý lồng vào nhau.

Bạch Thế Tôn,

Ngay từ những đoạn đầu của kinh này Người đã chỉ ra chỗ sai lầm của bệnh « chấp tướng ». Bốn tướng chúng sinh thường chấp là: ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Ngoài ra thì tướng còn được thấy ở bố thí hữu tướng, phước báo hữu tướng, ba mươi hai tướng tốt, v.v.

Bạch Thế Tôn,

Trước đây khi đề cập đến “tướng” con thường hiểu rằng “tướng” tương ứng với “hiện”, và tương phản với “ẩn”. Và « hiện » là hiện ra trước sáu căn – nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý.

Hiểu như vậy có lẽ cũng không sai lắm. Tuy vậy con nay cảm thấy rằng nên tiếp cận sâu hơn. Chẳng hạn như cái “tướng” bị “chấp” nặng nhất là cái “ngã tướng”. Cái chấp đó có tên là “ngã chấp”.

Và bệnh “ngã chấp” đó chi phối sâu xa và toàn bộ đời sống con người. Thật nghiêm trọng xiết bao !

Nhìn kỹ, mới thấy rằng hành vi ngã chấp diễn ra trong một tiến trình, tạm gọi đó là tiến trình ngã chấp. Đó là một tiến trình dài lâu trong đó “ngã”, hay “cái ta” được dần dần hình thành và phát triển. Hình thành và phát triển song hành với sự cố kết, gọi là “chấp”. Do đó mà có thể nói rằng ngã chấp là kết quả của một tiến trình huân tập dài lâu và có tính thâm căn cố đế vậy !

Bạch Thế Tôn,

Theo như chỗ con được biết thì “cái ta” hay “ngã tướng” được bồi đắp trải qua năm tầng lớp gọi là “ngũ uẩn”, tức là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

. “Sắc” có nghĩa là hình hài. Bước đầu trẻ thơ tự biết về “mình” như là thân sắc.

Tiếp theo đó là dựa trên những vật tùy thân như quần áo, đồ chơi. Lớn lên nữa thì dựa trên những của cải. Cái “của ta” thống nhất với “cái ta”. Người ta cố gắng vun bồi « cái ta » bằng cách tích lũy cái « của ta ». Và cái « của ta » càng lớn thì « cái ta » càng cao, càng lớn vậy ! Ngã chấp hóa ra thành tính tự cao, tự đại.

. “Thọ” là cảm. Ở đây là cảm nhận vui sướng hay đau khổ. Ấy là cảm nhận cái thuận với ta, hoặc nghịch với ta. « Cái ta » cố kết với những gì thuận với « ta » ; « cái ta » phát triển loại năng lượng chống lại cái nghịch với « ta ».

. “Tưởng” là sự hình thành những khái niệm, những ý tưởng, những ý hệ để bảo vệ, hoặc để định hình “cái ta”. Những khái niệm như là “quyền tư hữu”, “quyền tự do cá nhân” là sản phẩm của “tưởng”.

Hoặc là những khái niệm “quân tử”, “anh hùng”, v.v..đều là « tướng » vậy.

. “Hành” là có thái độ và hành động. Nói chung là có hai cách: “thủ” và “xả”. “Thủ” là bám, là theo đuôi, chiếm hữu những gì củng cố và phát triển cái ta. “Xả” là tránh, là xua đuổi cái gì làm tổn hại, đe dọa cái ta.

. “Thức”. Đặc biệt ở đây là « dòng ý thức » gồm những thứ như hoài niệm, dự kiến, những tình, những ý, lớp lớp chập lên nhau tạo nên cảm giác về một cái ta thống nhất và liên tục.

Nhìn chung, “thức” bao trùm cả bốn uẩn kể trước. Hơn nữa, xét cho cùng thì bốn uẩn đó về bản chất cũng chính là “thức”. Thực vậy, ngay cả thân sắc của ta thì cũng không gì khác hơn là cái thấy của ta về thân sắc ta. Từ đó mà thấy ra rằng “cái ta”, cùng với cái “ngã chấp”,

không gì khác hơn là “tâm”, hay “thức”. Mà cũng có thể nói đó là sản phẩm của tâm, hay thức. Nói một cách khác nữa thì chính cái tâm hay thức đã kiến tạo nên cái ta, củng cố nó, bảo vệ nó, bành trướng nó, để làm một thứ vỏ bọc, một thứ khuôn khổ cho mình. Phần nào giống như thể con tằm tạo nên cái kén để làm vỏ bọc cho nó.

Nói là “phần nào giống” là vì có thể thấy rằng con tằm không “chấp” cái kén của nó. Cái kén đó đối với nó là một phương tiện cần thiết cho một giai đoạn nhất định trong tiến trình phát triển. Khi đã phát triển thành con ngài rồi thì nó cần dứt cái kén để thoát ra. Bên ngoài là bầu trời lộng gió !

Bạch Thế Tôn,

Lời dạy của Người thật vô vàn quý báu: “Không chấp tướng”. Một cách đặc

biệt, con hiểu là “không chấp ngã tướng”. Bởi có sao ? Bởi vì con nghĩ rằng cũng tương tự như trường hợp con ngài kia vậy. Nó không cần phải cần toàn bộ tổ kén. Nó chỉ cần cần thủng phần tổ kén trước miệng nó. Chỗ kén đó thủng thì nó thoát ! Cũng thế, khi cái chấp « ngã tướng » bị tan rã thì những thứ chấp khác cũng tự nhiên tan rã.

Bạch Thế Tôn,

Con ngài kia cần thủng cái kén để thoát ra khi nó đã trưởng thành. Trưởng thành về mặt sinh hóa, và cũng là về mặt thức. Bằng một cách bí ẩn, nó biết rằng cuộc sống trong tổ kén chỉ là cuộc sống tạm. Cuộc sống thực là cuộc sống bên ngoài kia, đất trời mênh mông, lộng gió.

Bạch Thế Tôn,

Khi Thế Tôn dạy “không chấp tướng” thì lời dạy đó có ý nghĩa như lời gọi: Các

con, tỉnh dậy đi! Đó là sự tỉnh dậy đánh dấu bước trưởng thành rất ráo. Tỉnh dậy để thấy ra rằng cuộc sống vốn không bị định khuôn trong tổ kén của « cái ta ». Ngoài kia là đất trời mênh mông, lộng gió ! Tỉnh dậy đi, tham gia vào cuộc sống thực, cũng tức là cuộc sống lớn. Bởi vì: cuộc sống vốn mênh mông !

Bạch Thế Tôn,

Người còn dạy: “Như như bất động”.

Con tự hỏi: Ai, hoặc cái gì, “như như bất động”? Có phải chẳng là Người dạy đem cái “tâm viên ý mã” về trạng thái “như như bất động” ?

Con không thấy như vậy !

Con như chợt thấy ra “như như bất động” là “cái như như bất động” ! Mà Cái Đó thật khó nói làm sao ! Bởi vì muốn nói thì phải có lời, mà Cái Đó là cái không lời. Muốn trở về Nó thì Nó

phải có tướng, mà Nó thì không tướng !
 Đương nhiên phải là như vậy. Bởi vì chữ
 và lời trở về những tướng, để phân biệt
 tướng này với tướng khác. Mà Nó không
 tướng, cũng không này, không khác, tức
 nhiên là không chữ cũng không lời!

Bạch Thế Tôn,

Vì Nó không này, không khác nên có
 người cũng gọi tên Nó là cái Một. Vì nó
 không có tướng cho nên có người cũng
 nói nó là ẩn vi, hay huyền vi. Vậy thì sơ
 bộ con có thể gọi Nó, hay Cái Đó, là
 «Cái Một huyền vi» ?

Bạch Thế Tôn,

Tuy vậy con nay cũng biết rằng nếu có
 cái “Một” tất phải có cái “nhiều”. Và nếu
 có cái “huyền vi” tất phải có cái “hiển
 hiện”. Hơn nữa, cái “Một huyền vi” kia
 và cái “nhiều hiển hiện” nó vốn không-
 hai !

Bạch Thế Tôn,

Con từng được nghe câu chuyện “niêm hoa vi tiếu”. Con hiểu rằng khi ấy Đức Phật và ngài Ma Ha Ca Diếp cùng thấy “Cái Một huyền vi” đó hiển hiện trong “tướng” của đóa hoa kia.

Con cũng chợt nhớ lại câu thơ Thiên :
Hốt phùng thiên đẽ nguyệt !
(Chợt thấy trăng lên ở chân trời.)

Và con hiểu rằng vị Thiên sư nọ đã thấy “Cái Một huyền vi” hiển hiện trong tướng của mặt trăng đang lên ở chân trời.

Ôi, trăng Như Lai !

Bạch Thế Tôn,

Về “như như bất động” con hiểu là như vậy. Cũng có nghĩa như là “bất sinh bất diệt”.

Vô lượng vô số hiện tướng có sinh có diệt; Nó thì không sinh không diệt.

Hiện tượng muôn màu muôn vẻ đổi thay, nhưng Nó thì không đổi thay.

Nó “như như bất động” !

Bạch Thế Tôn,

Kết thúc thời kinh, Người đọc bài kệ đời sau gọi là bài kệ “Lục Như” _ có sáu chữ “như”. Ấy là nói về đặc điểm của các “pháp hữu vi”, tức là nói về những thứ có tướng.

Các “pháp hữu vi” thì như mộng, như ảo, như bọt, như bóng, như sương, như chớp.

Các “pháp hữu vi” là như vậy, là hư ảo, là phù du !

“Tướng” là như vậy !

Bạch Thế Tôn,

Tuy vậy, con nay tự hỏi: Sao không thấy Thế Tôn nói về “pháp vô vi” ? Có phải chăng đó là « cái như như bất động”

? Có phải đó là cái không có lời để nói ?
 Có phải đó là “Cái Một huyền vi” ?

Bạch Thế Tôn,

Trước đây có nhắc lại câu chuyện “niêm hoa vi tiếu” và câu “hốt phùng thiên để nguyệt”.

Có phải chăng đó là kể lại chuyện khi ấy Đức Phật đã ngầm gợi ý cho hàng đệ tử để thấy Tánh đang thị hiện trong tướng một đóa hoa ?

Và vị Thiên sư nọ thì thấy Tánh trong tướng mặt trăng lung linh đang thị hiện ở chân trời ?

Bạch Thế Tôn,

Có phải chăng trong thời kinh này điều cốt tủy mà Người dạy là bài học về thấy Tánh ?

Và cũng là bài học về thường thường thấy Tánh ?

Và có phải chẳng là « an trụ tâm » và « hàng phục tâm » cốt yếu là như vậy ?
 NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA
 MÂU NI PHẬT !

KIM CANG DIỆU CẢM THAY LỜI KẾT

Bạch Thế Tôn,
 Mở đầu, để thay lời giới thiệu bài kinh Kim Cang tôn quý, con có ghi ra một trích đoạn trong Đàn Kinh, trong đó có câu :

**Đương tri thử kinh công đức vô
 lượng vô biên...**

(*Đàn*

Kinh, Phẩm Bát-nhã)

Công đức đó cụ thể như thế nào ?

Chính Tổ Huệ Năng đã nói rõ : do một lần tình cờ nghe người ta tụng kinh này mà được khai ngộ !

Huệ Năng
nhất văn kinh ngữ tâm tự khai ngộ.

(Huệ Năng vừa nghe lời kinh mà tâm liền bừng sáng.)

(Đàn

Kinh, Phẩm Tự tự)

Sự bừng sáng đó càng tỏ rõ, khi tại tu viện Hoàng Mai, Tổ được Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn nói kinh cho nghe và đã đại ngộ khi nghe đến câu :

Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.

(Nên sinh tâm ở chỗ không thể bám víu được.)

Đại ngộ như vậy, bừng sáng như vậy, Tổ đã thấy gì ?

Tổ đã thấy cái chân lý cơ bản là :

Nhất thiết vạn pháp bất ly Tự Tánh..

(*Vạn pháp nhất nhất đều không rời Tự
Tánh.*)

Cái tâm bừng sáng trong trạng thái
diệu cảm. Thật xúc động , Tổ bạch cùng
Ngũ Tổ , nói lên cái thấy của mình :

*Nào ngờ Tự Tánh vốn tự
nhiên thanh tịnh ;*

*Nào ngờ Tự
Tánh vốn không sinh diệt ;*

*Nào ngờ Tự
Tánh vốn tự nhiên đầy đủ ;*

*Nào ngờ Tự
Tánh không hề dao động ;*

*Nào ngờ Tự Tánh có
khả năng sinh ra vạn pháp.*

(*Đàn*

Kinh, Phẩm Tự tự)

Tổ được khai ngộ mà «*thấy Tánh* »
như vậy. Mà khai ngộ cho Tổ là do công
đức của câu kinh :

Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm !

Bạch Thế Tôn,

Con nay hiểu rằng qua câu kinh đó Thế Tôn đã dạy về tâm pháp “ *không chấp* ».

Con nay cũng biết ra rằng kẻ vẫn thường thường bám chấp đó là một dạng của tâm. Có người gọi đó là cái “*tâm phân biệt*”.

“*Tâm phân biệt*” là gì? Đó là thứ tâm mà « *thế đế* », hay « *tục đế* » từ đó mà sinh ra.

“*Tâm phân biệt*” có tính năng cơ bản là phân biệt hai bên, từ đó mà hình thành những *cặp đối lập* như là *tốt/xấu*, *đúng/sai*, *thiện/ác*, *cao/thấp*, *sang/hèn*, *giàu/nghèo*,...

Nó *chấp* sự phân biệt đó, để rồi “*thủ xả*” _ tức là *bám lấy* cái được xem là tốt, *xua đuổi* cái được xem là xấu.

. “*Tâm phân biệt*” cũng tạo ra những công cụ cho sự vận động của nó. Đó là những “*khái niệm*”. Rồi liên kết những *khái niệm* với nhau thì gọi là “*tư tưởng*”.

Những “*khái niệm*”, cho dù có phần phản ánh sự vật, nhưng chúng đồng thời cũng giống như những lăng kính làm biến dạng “*sự vật-như-chúng-là*”. Và “*tư tưởng*” thì cũng thế.

Bạch Thế Tôn,

Trong dân gian vốn có thành ngữ: “Mua trâu vẽ bóng”. Ấy là căn cứ vào hình vẽ của con trâu mà mua nó. Không trực tiếp xem con trâu đó bằng xương bằng thịt. Tức là không tự mình đến bên con trâu để thấy con trâu *như- nó-là!*

Tiếp cận mọi vật /việc qua *khái niệm* là một kiểu “mua trâu vẽ bóng” vậy!

Trong đoạn 31, Thế Tôn đã cảnh giác về cái bệnh chung của loài người có

nguồn gốc từ vô thủy đò. Gọi đò là “*sinh pháp tướng*”:

... Ư nhất thiết pháp ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sinh pháp tướng.

(... Đò với mọi vật / việc, nên bằng cách đò mà biết, mà thấy, mà tin, chớ sinh pháp tướng.)

(*Kim Cang, Đoạn 31*)

“*Chớ sinh pháp tướng*” có nghĩa là không đê cho những khái niệm che lấp sự vật như-chúng-là vậy.

Những khái niệm đò làm cho sự vật bị biến hình vì những “*ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến*”. Tức là những *thiên kiến* vậy!

Với sự vật như-chúng-là thì “*nhục nhãn*” không thấy đợc; cái nó thấy thì là

thấy qua lăng kính biến dạng của những khái niệm .

. “ *Tâm phân biệt*” cũng tạo ra thứ khuôn khổ cho sự vận động của nó. Ấy là “*thời gian*”, gồm *quá khứ*, *hiện tại*, *vị lai*.

Có thể thấy rất rõ: *quá khứ* là cái đã qua rồi; *vị lai* là cái chưa thực sự xảy ra. Cả hai đều là hư vọng.

Hiện tại trong thế giới tâm thì cũng là hư vọng. bởi vì đó là thứ hiện tại đầy áp hoại niệm về quá khứ và là thứ hiện tại chồm về phía trước, với biết bao là dự phóng về tương lai!

Nói tóm lại thì “*thời gian*” là hư vọng, bởi vì đó là sản phẩm của cái “*tâm phân biệt*”!

Bạch Thế Tôn,

Thật may mắn làm sao, ngoài cái *tâm phân biệt* kia chúng con còn có “*tâm*

thiền định”. Đó là cái tâm từ đó chúng con có thứ mà Bồ Tát Long Thọ gọi là “*chân đế*”, tức là có thứ tri kiến về “*sự vật như-chúng-là*.” Tâm này vốn ẩn vi, mà chúng con đã nhờ những bậc giác ngộ chỉ ra.

Con nay biết rằng “*tâm thiền định*” không vận động trong khuôn khổ thời gian. Nếu tạm nói rằng nó vận động trong hiện tại thì đó là thứ hiện tại mỏng tanh! Mỏng như một sát-na. Đó là thứ hiện tại không có thời gian tính! Xin được gọi đó là cái “*hiện tiền*”. Vậy là “*tâm thiền định*” thức động trong “*hiện tiền*”.

Với “*tâm thiền định*” thì không có thời gian, do đó mà không có sinh cùng diệt. Cũng là “*vô sở trụ*”, tức là không có chỗ để bám víu.

“*Tâm thiên định*” cũng không vận dụng các khái niệm. Vạn pháp thị hiện như-chúng-là, tức là thông với Tự Tánh. Như Lục Tổ Huệ Năng đã thấy:

Nhất thiết vạn pháp bất ly Tự Tánh.

Một cách cụ thể thì với “*tâm thiên định*” Thiên giả cũng *nghe*. Như nghe tiếng chim kêu. Tuy vậy tiếng chim này không giống với tiếng chim vẫn thường nghe. Tiếng chim này là một *thị hiện* trong sát-na hiện tiền.

Và Thiên giả cũng *thấy*. Như thấy trăng lên. Nhưng đây cũng không phải là trăng vẫn thường thấy. Trăng đây là sự *thị hiện* trong sát-na hiện tiền của Tự Tánh huyền nhiệm. Như một Thiên giả nọ đã thấy và đã viết nên một câu đẹp như gió mát, đẹp như trăng thanh:

Hốt phùng thiên ể nguyệt.

(*Chợt thấy trăng lên ở chân trời.*)

Ấy là thấy Tánh đó chăng? Hoặc là thấy Tánh tướng không-hai đó chăng?

Nguyên cầu quý hành giả có duyên may được nghe tiếng chim kêu như vậy, hoặc thấy trăng lên như vậy!

Hoặc là thấy trúc xanh theo cùng cách như vậy, hoặc là thấy hoa vàng theo cùng cách như vậy!

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU
NI PHẬT!

KIM CANG DIỆU CẢM

Phụ lục 1

YẾU LƯỢC

Nhìn lại lời *Kinh*, thấy rằng với trí huệ và biện tài của Thế Tôn thì lời lẽ của Người không phải là lời lẽ thường. Tất phải là như vậy! Bởi vì lời lẽ thường thì không thể chuyển tải được Diệu Pháp vô ngôn!

Nói cách khác thì kinh Kim Cang không hề là một bài kinh dễ đọc! Điều đó Tổ Huệ Năng từng nói rõ: “ *Phật đã vì những bậc đại trí và thượng căn mà thuyết giảng.* ”

Đó là duyên do của phần “*Yếu lược*” này vậy. Là hi vọng trong muôn một giúp cho việc đọc kinh được dễ hơn!

Nội dung của “*Yếu lược*” là tóm tắt ý chính của 32 đoạn kinh.

Đoạn 1 PHÁP HỘI NHÂN DO

Đọc đoạn này hành giả có thể mừng tượng trong trí quang cảnh của rừng Kỳ Đà và vườn Cấp Cô Độc. Hành giả cũng có thể mừng tượng mà thấy phong cách của Thế Tôn. Hành giả cũng biết ý nghĩa chân thật của hành vi gọi là “khất thực”.

Đoạn 2 THIÊN HIỆN KHẢI THỈNH

Đoạn này kể lại việc trưởng lão Tu Bồ Đề hỏi Pháp. Hai câu hỏi là: Nếu có người trai lành hoặc gái tốt phát tâm chánh đẳng chánh giác thì phải

- . an trụ tâm như thế nào?
- . hàng phục tâm như thế nào?

Đoạn 3 ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG

Thế Tôn thuyết giảng về phép “*hàng phục tâm*”.

“*Hàng phục tâm*” bằng cách nào? Bằng cách “độ” chúng sinh vào “vô dư niết bàn”.

Điều đó có nghĩa là sao? Cốt là ở *cái thấy không chấp tướng*, để thấy chúng sinh trong Như Tánh của chúng.

Đoạn 4 DIỆU HẠNH VÔ TRỤ

Thế Tôn diễn giải ý “*vô trụ*” trong hành vi bố thí _ gọi là “*bố thí không trụ tướng*”. Bố thí mà như thế là không bố thí. Cách bố thí này làm phát sinh “phước

đức vô tướng”. Phước đức này lớn vô lượng.

Đoạn 5 NHƯ LÝ THỰC KIẾN

Thế Tôn chỉ ra điểm sai lầm thường có trong đại chúng: thấy thân tướng thái tử Tất Đạt Đa mà nghĩ rằng đó là Như Lai.

Nhân dạng thái tử Tất Đạt Đa thì chỉ mới là một trong ba thân Phật: “hóa thân” . “Như Lai” thì còn hơn thế: còn gồm cả “báo thân” và “Pháp Thân”!

Đoạn 6 CHÁNH TÍN HI HỮU

Đoạn trên nói về *Như Lai vô tướng*. Đoạn này nói về *Phật Pháp vô tướng*.

Phật Pháp vốn vô tướng. Nhưng thường phải dùng lời , là tướng, để chuyển tải. Phật Pháp vô tướng thì tất nhiên không “chấp” được. Khi ta chấp thì tức là ta chỉ chấp lời, cũng nói là “chấp kinh”. Cái mà ta chấp như vậy không phải là Chánh Pháp.

Đoạn 7 VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

Thế Tôn tiếp tục nói về Pháp vô tướng, với một tên khác là “*Pháp vô vi*”.

Lặp lại ý “Không có Pháp nhất định để Như Lai thuyết”.

Đoạn này cũng giải trừ định kiến về “*đắc*” ở đây là “*đắc Pháp*”. Pháp không thể “*đắc*”, vì là “vô tướng”, hay “vô vi”.

Đoạn 8 Y PHÁP XUẤT SINH

Thế Tôn nói về phước đức vô hạn phát sinh từ việc trì tụng và diễn giải kinh Kim Cang. Tuy vậy Thế Tôn cũng nhắc nhở rằng kinh không phải chính là Phật Pháp. Chỉ là « phương tiện », như ngón tay chỉ trăng.

Đoạn 9 NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

Thế Tôn nói về những quả vị một tu sĩ có thể chứng đắc. Tuy vậy nếu như nói « ta đắc » quả vị này hay quả vị khác thì là mê trong « ngã chấp ».

Đoạn 10 TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Thế Tôn phủ định khái niệm « Tịnh độ » như là có tính không gian và thời gian. Cũng theo đó Người phủ định truyền thuyết Phật Thích Ca xưa được thọ ký nơi Phật Nhiên Đăng. Và cũng theo đó Người thay khái niệm « trang nghiêm Tịnh độ » bằng khái niệm « sinh tâm thanh tịnh ». Ý nghĩa việc « sinh tâm thanh tịnh » được cô đọng trong câu kinh thực quan trọng :

Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.

Đoạn 11 VÔ VI PHƯỚC TƯỚNG

Thế Tôn nói về phước đức vô lượng phát sinh từ việc diễn giải kinh này cho người khác hiểu. Thứ phước đức này cũng được gọi là « Tánh phước đức », tức là thứ phước đức ở bình diện Tánh.

Đoạn 12 NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Thế Tôn nói về uy lực của kinh này : nơi nào có kinh này, nơi nào kinh này được thuyết giảng thì nơi đó như là có Phật và các đại đệ tử hiện tiền. Có nghĩa rằng dù là nơi được xem như là « phàm tục » cũng trở thành linh thánh. Thế Tôn cũng nói rằng người thọ trì kinh này là người thành tựu được Pháp cao quý nhất.

Đoạn 13 NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Phật thuyết mấy ý sau :

- . Tên kinh là Kim Cang Bát-nhã-ba-la-mật. Hàm ý là kinh có năng lực khai mở trí bát-nhã độ người sang « bờ bên kia ».

- . Phật thuyết Pháp như là một phương tiện chuyên chở Pháp, do đó chở nên « chấp kinh » như là chân lý nhất định.

- . Qua những khái niệm « vi trần » và « thế giới » Thế Tôn khơi gợi cho thấy rằng chúng ta chưa thấy biết đúng về thế

giới này. Thế giới này huyền vi hơn chỗ ta nghĩ.

. Thế Tôn nói cho biết rằng không nên dựa vào « tướng » mà nghĩ rằng đã có thấy biết về Như Lai. Như Lai vốn huyền vi hơn chỗ người ta thấy qua « tướng ».

. Thế Tôn lặp lại ý nói về phước đức lớn phát sinh từ việc trì tụng và diễn giải kinh Kim Cang.

Đoạn 14 LY TƯỚNG TỊCH DIỆT

Đoạn này có mấy ý sau :

. Trưởng lão Tu Bồ Đề nghe kinh mà ngộ « thực tướng » của mình. « Thực tướng » ấy về sau Thiên gia gọi là « Tánh », hay « Bản lai diện mục ». « Thấy thực tướng » tức là « thấy Tánh ».

. « Thực tướng » là vượt qua bên kia « tướng », cũng là « vô tướng ». Ba-la-mật, tức là « bờ bên kia », có nghĩa như vậy. Thế Tôn nói rõ ý ba-la-mật trong bố

thí ba-la-mật và nhẫn nhục ba-la-mật. Cũng gọi là « bố thí vô tướng » và « nhẫn nhục vô tướng ».

Đoạn 15 TRÌ KINH CÔNG ĐỨC

Thế Tôn nói về công đức không thể nghĩ bàn của kinh Kim Cang. Từ đó việc thọ trì và diễn giải kinh này tạo nên phước đức rất lớn.

Đoạn 16 NĂNG TỊNH NGHIỆP CHUỖNG

Thế Tôn nói rằng công đức phát sinh từ việc trì tụng kinh này có khả năng giải trừ ác nghiệp tích lũy từ trước.

Đoạn 17 CỨU CÁNH VÔ NGÃ

Thế Tôn diễn giải những ý sau :

. Chấp « ngã tướng » cũng gọi là « ngã chấp ». Còn « ngã chấp » thì là còn chấp có ta, có người. Chẳng hạn như trong việc « độ » thì có phân biệt người độ và người được độ_ tức là có tâm phân biệt

« năng độ » với « sở độ ». Hàng Bồ Tát không có cái tâm phân biệt đó. Vì vậy mà nói rằng Bồ Tát thấu lý « vô ngã ».

. Để thấu lý đó, tức là để cái tâm ngã chấp chuyển hóa thành tâm Bồ Tát như vậy, vốn không có « Pháp » nhất định. Ấy là Thế Tôn có ý ngăn ngừa bệnh « chấp Pháp ». v

Đoạn 18 NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN

Đoạn này có mấy ý sau :

. Thế Tôn thuyết giảng về năm thứ mắt, cũng có nghĩa là năm trình độ thấy biết.

Thấp nhất là « nhục nhãn », ấy là khả năng thấy biết giới hạn trong vòng lục trần _ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Cao nhất là « Phật nhãn », có khả năng « thấy Tánh ».

Mặc dù Phật và chúng sinh về phương diện « thể » thì là không-hai, nhưng về

phương diện « dụng » thì có khả năng có nhiều cấp bậc tiến hóa khác nhau và có nhiều trình độ thấy biết khác nhau .

. Thế Tôn thuyết giảng về « vọng tâm » dưới những dạng « *quá khứ tâm* », « *hiện tại tâm* » và « *vị lai tâm* ».

Đoạn 19 PHÁP GIỚI THÔNG HÓA

Thế Tôn thuyết giảng về « *phước đức hữu tướng* » và « *phước đức vô tướng* ».

« *Phước đức vô tướng* » thì nhiều và lớn vô lượng

Đoạn 20 LY SẮC LY TƯỚNG

Thế Tôn nói : Không thể dựa vào « sắc' và « tướng » mà cho là thấy Như Lai.

« Như Lai » bao gồm cả ba thân Phật : Pháp thân, báo thân, hóa thân.

Đoạn 21 PHI PHÁP SỞ THUYẾT

Thế Tôn phá cái chấp về « thuyết Pháp », đồng thời phá cái chấp về « chúng sinh » nghe Pháp.

Đoạn 22 VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC

Thế Tôn phá cái « chấp ngã » và « chấp Pháp », tức là phá cái tâm thấy có sự phân biệt « năng đắc » và « sở đắc » _ trong tư tưởng rằng Phật đắc Pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đoạn 23 TỊNH TÂM HÀNH THIỆN

Phật Pháp vốn một, không phân biệt cao thấp, có tên gọi là « vô thượng chánh đẳng chánh giác ». « Pháp tướng » thì có nhiều, có tên là những « Pháp lành ». Tu các « Pháp lành » thì là hội nhập với Pháp « vô thượng chánh đẳng chánh giác ».

Đoạn 24 PHƯỚC TRÍ VÔ TỈ

Thế Tôn chỉ cho thấy rằng thứ phước đức phát sinh từ việc bố thí bảy báu chất

cao như vô số núi Tu Di không sánh được với phước trí phát sinh từ việc thọ trì và diễn giải kinh Kim Cang.

Đoạn 25 HÓA VÔ SỞ HÓA

Thế Tôn phá cái chấp khái niệm « độ » _ trong ý tưởng « Phật độ chúng sinh ». Khi chấp như vậy thì có cái tâm phân biệt « năng độ » với « sở độ ».

Thế Tôn cũng phá cái chấp khái niệm « phàm phu ». Đó cũng là cái chấp « chúng sinh tướng ».

Đoạn 26 PHÁP THÂN PHI TƯỚNG

Thêm một lần Thế Tôn nói lên chỗ sai lầm của đại chúng : dựa vào ba mươi hai tướng tốt mà nghĩ là thấy Như Lai. Và Thế Tôn đọc bài « tứ cú kệ » nói rằng không thể dựa vào sắc tướng và âm thanh để thấy Như Lai.

Đoạn 27 VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT

Ở đoạn trên Thế Tôn nói không thể dựa trên ba mươi hai tướng tốt để thấy Như Lai. Trong đoạn này thì thế Tôn nói rằng cũng không thể loại trừ yếu tố sắc tướng nơi hóa thân Như Lai.

Thêm một ý nữa : Trong Phật Pháp không có « Pháp đoạn diệt ».

Đoạn 28 BÁT THỌ BÁT THAM

Thế Tôn nói về hạnh ba-la-mật của hàng Bồ Tát. Bồ Tát bố thí hay nhẫn nhục thì đều là bố thí và nhẫn nhục ba-la-mật _ không có lòng mong cầu phước báo.

Đoạn 29 UY NGHI TỊCH TĨNH

« Tứ uy nghi » trong Phật học chỉ về bốn tướng *đi, đứng, nằm, ngồi* của Như Lai. Tướng ấy thật thanh tú phi phàm. Tuy vậy không thể dựa vào các tướng ấy mà nói là « thấy Như Lai », bởi vì thật ra không thể nói là Như Lai có *đến* và có *đi*.

Đoạn 30 NHẤT HỢP TƯỞNG LÝ

Phàm phu thấy một hạt bụi chỉ là một hạt bụi. Và thấy rằng thế giới là một tướng hòa hợp của các hạt bụi _ để tạo nên « cõi trần ».

Như Lai thấy hạt bụi không chỉ là một hạt bụi, và thế giới thì không phải là cái thế giới như vậy. Thể Tánh của hạt bụi và của thế giới là một thể thống nhất huyền vi.

Đoạn 31 TRI KIẾN BÁT SINH

Trước đây Thế Tôn có nói là chớ chấp bốn tướng *ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả*. Vì đều là hư vọng. Và đại chúng hẳn đã có cái thấy biết về ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả như vậy. Ấy là chấp tính hư vọng của các tướng. Nếu thế thì tức là đã không hiểu đúng ý của Thế Tôn vậy !

Trong đoạn này Thế Tôn còn dạy :
 « *Chớ sinh pháp tướng* ». Ấy là chớ để
 pháp tướng che mắt Tự Tánh.

Đoạn 32 **ỨNG HÓA PHI CHÂN**

Ở những đoạn trước Thế Tôn có nói về
 thứ phước đức vô lượng phát sinh từ việc
 đọc tụng kinh Kim Cang và diễn giải cho
 người khác hiểu.

Trong đoạn này Thế Tôn nói rõ về
 những điều cơ bản cần diễn giải. Ấy là :
 « *chớ chấp tướng* » và « *như như bất
 động* ».

- « *Chớ chấp tướng* », bởi vì tướng
 giống như những cái bóng lướt qua,
 không *chấp* được.

- « *Như như bất động* » có nghĩa là
 phải qua *tướng* mà thấy « *Tự Tánh như
 như* ».

KIM CANG DIỆU CẢM

Phụ lục 2

TỪ VỰNG

A

A-la-hán : Quả vị cao nhất của bậc giác ngộ trong Phật giáo tiểu thừa. Đó là người đã sạch phiền não và ô nhiễm, không tạo nhân sinh tử.

A-la-hán đạt « hữu vi niết bàn » - có nghĩa là còn mang *quả* sinh tử phát sinh từ *nhân* trong kiếp trước.

A-tăng-kỳ : Vô số. Thường dùng trong thành ngữ “a-tăng-kỳ kiếp”.

An trụ tâm : Đây là một vấn đề ngài Tu Bồ Đề hỏi Thế Tôn giữa Pháp hội: Làm thế nào để an trụ tâm?

Lời giải đáp có thể nói là thu gọn trong câu:

Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.
(*Nên sinh tâm ở nơi không chỗ trụ*)

Ấy là nói rằng tâm không được trụ ở tướng vậy.

Về phương diện thực hành thiền định thì “an trụ tâm” có nghĩa là định tâm lắng xả ở sát-na hiện tiền.

Đối với bậc Thiền giả “thấy Tánh” thì “an trụ tâm” cốt ở “thường thường thấy Tánh”.

B

Ba thân : Tức là ba thân Phật, gồm: *hóa thân, báo thân* và *Pháp thân*.

. Phật hiện hiện trong sắc thân, “bằng xương bằng thịt”, trong những điều kiện không gian, thời gian và văn hóa xã hội nhất định thì gọi là “*hóa thân Phật*”. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong nhân thân thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm là hóa thân Phật.

. Những đức thánh thiện, đặc biệt là từ bi và trí huệ thị hiện ra ở dung quang, ngôn ngữ, cử chỉ, hành vi, như rạng ngời ánh hào quang và lan tỏa sự bình an đến mọi người chung quanh. Hiện thể đó là “*báo thân Phật*”.

. “*Pháp thân Phật*” có khi cũng được gọi là “*Không*”. Chữ “*Không*” này có phần có hàm ý nhận thức luận: ấy là chỉ có thể diễn đạt bằng cách phủ định. Phủ định bằng những từ kép có chữ “*bất*”, chẳng hạn như: “*bất khả ngôn*”, “*bất khả thuyết*”, “*bất khả tư nghị*” (không thể nói, không thể diễn giải, không thể nghĩ bàn)

Cách phủ định cũng được diễn đạt bằng những từ kép với chữ “*vô*”, chẳng hạn như “*vô biên*”, *vô hạn*”

Pháp thân Phật là vậy ! Là vô biên , vô hạn, là mênh mông! Pháp thân Phật là

vậy ! Là cái chiều kích mênh mông, vô hạn của vũ trụ. Cũng là cái chiều kích mênh mông của tâm.

Cũng chính vì thế mà có thể thấy rằng cái chiều kích đó cũng là chiều kích của tự do, của giải thoát. Chiều kích vô hạn có tên là « *Không* » đó cũng có tên là « *Tánh Không* », hay đơn giản là « *Tánh* ». Cửa ngõ của tự do và giải thoát ở ngay chỗ *thấy cái « Không »* đó – thường gọi là « *thấy Tánh* »

*

Khái niệm « ba thân Phật » được diễn giải như trên có thể khơi lên ngộ nhận. Đặc biệt là ngộ nhận rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ là một “hóa thân”. Thực ra thì phải thấy rằng nơi Đức Phật có đủ cả ba thân Phật.

- “*Hóa thân*”, đó là nhân thân của thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm, thưở ấy ai cũng có thể thấy, bằng “mắt thịt”.

- “*Báo thân*”, đó là chỗ từ đó tỏa ra ánh sáng của *từ bi* và *trí huệ*, hoặc là ánh sáng của tứ vô lượng tâm – *từ, bi, hỉ, xả*. Cũng có thể nói đó là chỗ người đương thời thấy hiện ra trong “*ba mươi hai tướng tốt*” và “*tám mươi vẻ đẹp*”.

- “*Pháp thân*”, đó là cái chiều kích mênh mông và ản nhiệm nơi Đức Phật, không thể dùng lời mà nói, không thể diễn giải và không thể nghĩ bàn. Dù vậy, chỗ ản nhiệm đó cũng hiện ra trong “Pháp” mà Đức Phật “thuyết”. “Pháp” ấy luôn được diễn giải bằng chữ “*không*”. Chẳng hạn như trong những câu:

- Cái gọi là Phật Pháp đó *không* phải là Phật Pháp thật.

- Bởi vì Như Lai nói: thân tướng tức *không* phải là thân tướng.

Vậy có thể thấy rằng Phật Pháp vốn cùng Pháp thân không khác. Đều trở về cái chiều kích mênh mông, vô hạn của vũ trụ và cũng là của tâm.

Bát-nhã : tức là trí huệ. Đó là trí ở bậc cao, có khả năng « thấy Tánh » một cách trực tiếp, tức thì.

Bát-nhã ba-la-mật : cũng có nghĩa là trí bát-nhã, nhưng ở đây chỉ về cái dụng của trí bát-nhã là « độ » cho hành giả sang đến « bờ bên kia », tức là đến chỗ « thấy Tánh ».

Bát-nhã hạnh : tức là hạnh của hàng Bồ Tát. Tổ Huệ Năng từng nói rất rõ :

« Nhất thiết xứ sở, nhất thiết thời trung, niệm niệm bất ngu, thường hành trí huệ, tức thị bát-nhã hạnh. »

(*Bất kỳ là ở đâu, bất kỳ là lúc nào, từng giây từng phút không mê, thường thường có trí huệ, ấy là bát-nhã hạnh,*)

Bồ Tát : chỉ về thánh vị của bậc có tu chứng, có đủ trí huệ và từ bi. Đặc điểm cơ bản của Bồ Tát là có hạnh nguyện « độ » tất cả chúng sinh mà không có chút ngã chấp – tức là « độ tất cả chúng sinh mà không thấy có chúng sinh nào được độ ». Nói cách khác là Bồ Tát không thấy có « năng độ » và « sở độ ».

C

Chân như : chỉ về *thể Tánh* đầu nguồn của vạn pháp. Chân như là « thể », với tiềm năng vô hạn. Chân như là cội nguồn bất tuyệt của vạn pháp, là cái Một không tên, vô hạn, không thể diễn giải, không thể nghĩ bàn.

« Chân như » đồng nghĩa với « Pháp thân ».

Chấp : Đây là một khái niệm có vẻ đơn giản nhưng có ý nghĩa rất quan trọng. Ấy là bệnh của cái tâm khư khư bám chặt lấy cái gì đó xem như là chắc, là thực. Có hai dạng chấp : « chấp có » và « chấp không ».

. «*Chấp có* » là khư khư khẳng định, khư khư bám lấy một vật/việc, hoặc một khái niệm nào đó. Thực chất của « chấp có » là « chấp tướng ». Tuy vậy, vì mọi tướng đều là hư vọng cho nên mọi « chấp có » đều là mê ! ngay cả « chấp kinh » !

. «*Chấp không* » là phủ định tất cả! Chẳng hạn như lời một Thiền sinh nọ : « Tâm, Phật, loài hữu tình rốt ráo đều

không có. Bản tánh của mọi hiện tượng là không... . »

Hàng Bồ Tát thì vượt lên trên mọi khẳng định và phủ định., thấy rõ cái lý *không phải có, cũng không phải không.*

H

Hàng phục tâm : ấy là đưa cái tâm lăng xăng thường ngày trở về Bản Tâm thanh tịnh.

Chẳng hạn như khi đại sư Huệ Năng bảo thượng tọa Huệ Minh :

« Bình tức chư duyên, vật sinh nhất niệm... bất tư thiện, bất tư ác. »

(*Ngoài không để ngoại vật lôi cuốn, trong không khởi ý gì...không nghĩ điều thiện ác.*)

Ấy là đại sư Huệ Năng dạy thượng tọa Huệ Minh hàng phục tâm vậy.

Nói chung, việc thực hành thiền định là việc hàng phục tâm.

Hữu vi : chỉ về thế giới hiện tượng trong đó vạn vật tương tác với nhau trong tiến trình thành, trụ, hoại, không. Nói cách khác thì đó là thế giới vô thường.

« Hữu vi pháp » là những vật/việc trong thế giới đó. Cũng tức là « hiện tượng ». Bài kệ Lục Như, ở đoạn cuối kinh Kim Cang viết về « hữu vi pháp » :

*Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn báo ảnh,
Như lộ, diệt như điện,*

Ứng

tác như thị quán.

Ý chính của bài kệ là : thế giới hữu vi là nơi không có chỗ bám (vô sở trụ). Người tỉnh ngộ thấy sự vật như-chúng-là, tức là thấy vạn sự vạn không có tự tính và luôn luôn biến chuyển trong dòng

chảy sinh động, miên man bất tuyệt. Chúng giống như nước chảy, giống như mây trôi, có thể sử dụng chúng, có thể hân thưởng chúng ở ngay thời điểm chúng trình hiện ; chớ « chấp » chúng, chớ khởi ý muốn chúng diễn ra như ý mình.

L

Lục căn : Sáu *căn*, gồm : *nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý* _ tức là : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Năm « căn » trước có thể xem như là năm cửa ở để tiếp xúc với ngoại giới. « Ý căn » thì có thể xem là một chức năng đặc biệt chuyển đổi những dữ kiện giác quan thành những tri giác.

Lục trần : Sáu *trần* là sáu đối tượng của sáu căn, gồm : *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* _ tức là hình ảnh và màu sắc, âm thanh, mùi hương mà mũi ngửi thấy,

vị mà lưỡi nếm thấy, cảm giác mà da và thân có thể cảm nhận được ; « *pháp* » chỉ về sự/vật như được cái trí tiếp nhận .

Lục thức : Sáu *thức* là sáu cách thấy biết khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Gồm có : *nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức* và *ý thức*.

N

Như Lai :

« Như » tức là « Chân như », đồng nghĩa với « Pháp thân », hay « Thể tánh », thuộc « thể » vì thể mà « ẩn ».

« Lai » có nghĩa là đến, chỉ về « dụng », do đó mà « hiện ».

Vậy « Như Lai » là hiện thể của Chân như, dưới dạng một bậc thánh nhân phản ánh trung thực thể tánh Chân như.

Ở Như Lai ba thân Phật đều viên mãn. Hóa thân tương đối dễ nhận thấy ; báo thân rất tinh tế ; Pháp thân thật huyền vi, ở bên trên tri kiến nhị biên của thế tục, cũng do đó mà không thể nói năng, diễn giải hay nghĩ bàn.

Niết bàn :

Về « niết bàn » ta có thành ngữ « nhập niết bàn ». Thành ngữ đó có hàm ý niết bàn là một nơi, một cõi nào đó, có vị trí không gian.

Thực ra niết bàn thuộc cảnh giới của tâm. Đó là « Bản Tâm thanh tịnh ».

« Bản Tâm thanh tịnh » có hai đặc điểm cơ bản : tâm lắng xặng lặng xuống ; tâm tham chấp tan rã. Cũng do đó mà « thân tâm thường an lạc ».

Chứng quả niết bàn là thực chứng « Bản Tâm/Bản Tánh thanh tịnh » đó. Cũng do đó mà bóng dáng của niết bàn có thể cảm nghiệm được trong khi thực hành thiền định sâu lắng. Khi đó thì cái « tâm viên ý mã » lắng xuống, cái tâm tham chấp tan rã, cái tâm an lạc khai mở. Cái dụng của tâm thiền định là như vậy. Trong thiền định ta chứng nghiệm cái « hiện tiền » ; thiền định không nhắm về một mục đích nào khác.

Về niết bàn thường có sự phân biệt « hữu dư niết bàn » và « vô dư niết bàn ». Ở hữu dư niết bàn thì không còn sự tạo nghiệp trong hiện tại nhưng còn mang tích nghiệp quá khứ và nhận nghiệp quả đó. Ở vô dư niết bàn thì không còn có tạo nghiệp cũng không còn mang tích nghiệp.

P

Pháp : Chữ « Pháp » có nhiều cung bậc ý nghĩa :

(1) « Pháp » chỉ về đại luật vận hành của Nhất thể vũ trụ. Luật này huyền nhiệm, ẩn vi. Con người thuận theo thì được hanh thông, an lạc; ngược lại thì gặp lận đận, muộn phiền. Người xưa có câu : « *Thuận thiên giả tôn, nghịch thiên giả vong* ». Chữ « thiên » này chính là « Pháp » vậy. Từ nghĩa này của « Pháp », ta có từ kép « Pháp giới »

(2) Từ nghĩa gốc trên, « Pháp » có nghĩa là « Phật Pháp », chỉ về những lời dạy của Đức Phật, hướng dẫn con người sống an lạc. Từ nghĩa này của « Pháp » ta có những từ kép như là : Pháp chiến, Pháp luân, Pháp môn, Pháp nhãn, Pháp tự,.... .

(3) « Pháp » chỉ về các vật/việc xảy ra trong đời. Tất cả đều là những dạng của đại luật vũ trụ và qua đó người ta có thể thấy những bài học về Phật Pháp. Do đó mà có câu : *«Tất cả các pháp đều là Phật Pháp.»*

Trong « Diệu cảm », để dễ phân biệt, tạm có quy ước : nghĩa (1) và (2) được viết là « Pháp » ; nghĩa (3) được viết là « pháp ».

T

Tam thiên đại thiên thế giới: Chỉ về cấu trúc vĩ đại của vũ trụ theo vũ trụ quan của Ấn Độ giáo và Phật giáo.

Tánh :

(1) Trong ý nghĩa cơ bản nhất, “*Tánh*”, cũng gọi là “*Thể Tánh*”, hoặc “*Tánh Không*”, hay đơn giản là “*Không*”, chỉ về nguồn năng lượng đầu nguồn, ẩn vi, huyền nhiệm, cội nguồn của vạn sự, vạn vật, đồng thời tồn tại xuyên suốt trong các tiến trình biến hiện của vạn sự, vạn vật. Vạn sự, vạn vật biến hiện dưới vô cùng hình danh và sắc tướng được gọi chung là “*tướng*”. “*Tướng*” *thông* với “*Tánh*” theo cách *ngọn ngành thông với nguồn cội, hiện thông với ẩn, hiển thông với vi*. Vì thông như vậy nên cũng nói là *Tánh tướng không-hai*. *Tánh* vốn cũng có tên là *Không*; *tướng* cũng có tên là *sắc*. Gọi tên như vậy, Tâm Kinh nói về quan hệ “*sắc-không*”:

**Sắc bất dị Không, Không bất dị sắc;
Sắc tức thị Không, Không tức thị sắc.**

(Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác sắc;

Sắc tức là Không, Không tức là sắc.)

(2) Tánh cũng có tên là « Bản Tánh », là Phật Tánh » là « Bản Tâm », hoặc đơn giản là « Tâm ». Bản Tánh, hay Bản Tâm đó vốn tự nhiên thanh tịnh. Yêu cầu đặt ra cho hành giả là « *thấy Tánh* », tức là thấy cái « Bản Tánh thanh tịnh » đó. Tâm pháp cốt là thực hành thiền định mà tác dụng là làm tĩnh lặng cái tâm lăng xăng và nhiều tham chấp.

Thế Tôn : Danh hiệu tôn vinh Đức Phật, có nghĩa là đáng được thế gian tôn kính.

Tịnh độ : Cũng đọc là « Tịnh thổ », có nghĩa là nơi/đất thanh tịnh. Theo Phật giáo đại thừa thì mỗi vị Phật có một tịnh độ. Tịnh độ được nói đến nhiều nhất là « Tây Phương Tịnh Độ », hay « Tịnh Độ Di Đà », của Phật A Di Đà.

Thực ra tịnh độ không phải là một nơi/cõi nào đó. Đó là Bản Tâm thanh tịnh. Do đó muốn « đến » Tây Phương Tịnh Độ thì chỉ cần niệm « lục tự Di Đà » _ « Nam Mô A Di Đà Phật »! Điều quan trọng là niệm với cái tâm thanh tịnh, buông xả mọi tư tưởng, mọi tham chấp. « Thấy » cái tâm thanh tịnh đó là « đến » Tây Phương Tịnh Độ vậy.

Cơ bản thì là vậy. Thế nhưng trong thực tế tôn giáo thì cũng có điều dị nghị. Từ một truyền thống lâu đời, nhiều tín đồ thực hành pháp môn niệm Phật , tức là tín đồ Tịnh Độ tông, tin rằng mục đích của việc niệm Phật là để được « vãng sinh Tịnh Độ » sau khi lâm chung.

Tu-bồ-đề : Ấy là vị đại đệ tử hàng đầu trong mười vị đại đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni. Cũng có danh hiệu là Huệ Mạng, Thiện Hiện, hoặc Không Sinh.

Ngài Tu-bồ-đề nổi tiếng thông tuệ về Tánh Không.

Tì kheo : danh gọi nam tu sĩ trong phái khất thực.

Tứ cú kệ : bài kệ có bốn câu. Trong kinh Kim Cang có hai bài tứ cú kệ ở các đoạn 25 và 32.

V

Vô thượng chánh đẳng chánh giác : Chỉ về trí huệ vô thượng của Phật.

Vô vi : tương phản với « hữu vi », « vô vi » chỉ về lĩnh vực không chịu sự chi phối của lý duyên sinh, không ở trong tiến trình sinh diệt, tức là chỉ về cái không sinh diệt.

Kinh Kim Cang, đoạn 7, có từ « vô vi Pháp ». « Vô vi Pháp » có hai nghĩa

thông nhau, xuất phát từ hai nghĩa của chữ »Pháp «.

. « Vô vi Pháp » có nghĩa là thể và dụng huyền vi không thể nghĩ bàn của vũ trụ.

. « Vô vi Pháp » cũng có nghĩa là tri kiến uyên thâm về vũ trụ, vốn không thể diễn tả thành lời, mà Đức Phật tạm dùng lời làm phương tiện để truyền đạt đến các đệ tử.